

CTCP Chứng Khoán Bản Việt

Số 10/2023/CV-KT.VCSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ VNX, HSX, HNX**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt

Mã chứng khoán: VCI

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 02 Hải Triều, quận 1, TP HCM

Điện thoại: 028-39143588

Fax: 028-39143209

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Quang Hoàn – Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Lầu 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 02 Hải Triều, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: 028-39143588

Fax: 028-39142031

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2023 tại đường dẫn: <http://www.vcsc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022


Người đại diện công bố thông tin/
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)


ĐINH QUANG HOÀN/
Phó Tổng Giám Đốc

Trụ sở chính

 Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco
Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM

 (+84) 8 3914 3588

 (+84) 8 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội

 109 Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

 (+84) 24 6262 6999

 (+84) 24 6278 2688



TÁI THIẾT NĂNG LƯỢNG MỚI

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



THÔNG ĐIỆP BAN LÃNH ĐẠO	04	Thông điệp Chủ tịch HĐQT
	06	Lời mở đầu
	08	15 năm một hành trình
	10	Điểm lại chỉ số nổi bật năm 2022
TỔNG QUAN CÔNG TY	14	Thông tin doanh nghiệp
	16	Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
	18	Thành tựu tiêu biểu
	20	Diễn giải Báo cáo Tài chính 2022
NGUỒN NĂNG LƯỢNG NỘI TẠI	27	Tổng quan thị trường năm 2022
	36	Nhân sự
	50	Bộ phận Ngân hàng Đầu tư
	52	Bộ phận Tài chính Doanh Nghiệp
	56	Môi giới - Khách hàng trong nước và thị phần
	58	Môi giới - Khách hàng tổ chức
	60	Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích
	62	Bộ phận Trái phiếu
	63	Bộ phận Đầu tư
	64	Bộ phận Dịch vụ Khách hàng và Quản lý Sản phẩm
	66	Công nghệ thông tin & Đổi mới sáng tạo (UI)
	70	Nguồn năng lượng nội tại vững mạnh
VỊ THẾ TÀI CHÍNH & QUẢN TRỊ RỦI RO	72	Vị thế tài chính
	78	Quản trị rủi ro
	82	An toàn thông tin
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP - NGUỒN NĂNG LƯỢNG CỐT LÕI	86	Đạo đức nghề nghiệp
	88	Cơ cấu tổ chức
	90	Thành viên Hội đồng Quản trị
	97	Thành viên Ban Kiểm soát
	99	Thành viên Ban Tổng Giám đốc
	100	Nhân sự chủ chốt
TÁI THIẾT NĂNG LƯỢNG	106	Triển vọng 2023: Bối cảnh và xu hướng
	109	Chiến lược và mục tiêu kinh doanh VCSC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	113	Định hướng phát triển bền vững
	116	Tổng quan báo cáo
	118	Báo cáo hoạt động bền vững
	128	Tham chiếu chỉ số GRI
KHẸNG ĐỊNH VỊ THẾ	134	Thông tin cổ phiếu và Hoạt động quan hệ nhà đầu tư
	136	Hoạt động thị trường vốn (VAD 2022)
	138	Cơ cấu cổ đông
	140	Báo cáo Tài chính

TÁI THIẾT NĂNG LƯỢNG MỚI



THẾ GIỚI CÀNG BIẾN ĐỘNG NỘI TẠI CÀNG PHẢI VỮNG VÀNG

Kính gửi Quý Cổ đông,

“**Chẳng còn như xưa...**” là câu nói mà trước đây, thi thoảng, chúng ta được nghe khi ai đó nhìn về quá khứ. Nhưng trong vòng hai năm trở lại đây, câu nói ấy dường như đã trở thành quen thuộc với rất nhiều người. Những biến động của đời sống, kinh tế, chính trị... từ sau cột mốc mang tên COVID-19 đã khiến thế giới vận hành theo một cách hoàn toàn khác. Những thay đổi của thế giới là có thật. Nó đặt con người, doanh nghiệp, các tổ chức, các

quốc gia... phải đối mặt với hàng loạt khó khăn, thử thách lẫn cơ hội. Và quan trọng hơn, sự đổi thay vẫn đang tiếp diễn với tốc độ khá lớn. Rất khó để có thể hoạch định được điều gì cho tương lai. Khi mà sự bất định bao trùm cả thế giới, cũng như tất cả các doanh nghiệp khác, câu hỏi mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) đặt ra lúc này là làm thế nào để có thể tiếp nối được thành tựu trước đây, phát huy các giá trị hiện tại và bứt phá ở tương lai?



Vốn chủ sở hữu
(Tỷ đồng)

6.495

Sau 15 năm hoạt động, đã tăng **18 lần** so với năm 2007



Kể từ khi thành lập vào năm 2007 đến nay, vốn chủ sở hữu của VCSC đã tăng 18 lần, từ số vốn ban đầu là 360 tỷ đồng lên 6.495 tỷ đồng (tính đến cuối năm 2022), đồng thời sở hữu mạng lưới kinh doanh vững mạnh phủ sóng rộng khắp trong nước và quốc tế. Với tiêu chí “Lấy khách hàng làm trọng tâm” trong mọi quyết định, hoạt động kinh doanh, VCSC thực sự đã hoàn thành tốt vai trò của một doanh nghiệp tài chính, đó là tối ưu hoá lợi nhuận cho cổ đông và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu. Trong những diễn biến tiêu cực nhất của dịch COVID-19 hoành hành năm 2021 hay sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán năm 2022, VCSC vẫn luôn vững vàng. Chúng tôi là một trong số ít các công ty không triển khai huy động vốn mới từ các nhà đầu tư trong vòng 5 năm vừa qua, mà chỉ sử dụng lợi nhuận tích lũy sau khi trả cổ tức cho cổ đông. Nhờ đó, VCSC đảm bảo duy trì được tốc độ tăng trưởng EPS và mức ROE tích cực, bất chấp các tác động bên ngoài.

Trong suốt mười lăm năm qua, VCSC luôn xác định trọng trách và sứ mệnh của mình là góp phần kiến tạo thị trường tài chính bền vững, thịnh vượng cho nhà đầu tư, đồng thời nâng cao vị thế của nền kinh tế trong nước. Nền tảng mà VCSC gây dựng suốt thời gian qua không dễ lay chuyển trước những biến động của thế giới. Nhưng, thế giới càng biến động, nội tại càng phải vững vàng. VCSC cần một giải pháp tích cực để nhìn nhận lại và xây dựng, bồi đắp thêm các nguồn lực nội tại. Điều đó đồng nghĩa với việc, đã đến lúc VCSC bước vào hành trình tái thiết, một quyết định quan trọng để hội tụ được nguồn năng lượng mới, tinh thần mới và mục tiêu mới.

Sự phát triển bền vững của thương hiệu VCSC được vun đắp từ chính những nỗ lực phát triển không ngừng của

mỗi cá nhân. Tiến trình tái thiết đòi hỏi VCSC tinh giản và nâng cấp đồng bộ cả trong tư duy lẫn vận hành. Tinh thần sáng tạo, cống hiến của đội ngũ lãnh đạo cùng sự tích cực, chủ động, năng lực lẫn nhiệt huyết mà toàn thể các thành viên VCSC duy trì trong suốt những năm qua sẽ là nền tảng vững chắc để VCSC có thể chinh phục được mục tiêu này.

Bất cứ một đổi thay, dù tích cực đến mấy, cũng chứa đựng trong đó những thử thách. Nhưng tôi tin rằng, với quyết tâm cao độ của tất cả các thành viên, VCSC sẽ vượt qua cuộc đại phẫu này, vượt qua những trở ngại để bước ra với hình hài hoàn toàn mới, với nội lực hoàn thiện nhất. Nguồn năng lượng tái thiết sẽ mở đường cho chúng tôi bước vào chặng đường mới, chặng đường với những biến động gập ghềnh mà nếu không tiến nhanh, chúng ta sẽ bị bỏ lại.

Thay mặt toàn thể đội ngũ VCSC, cho phép tôi gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác đã, đang và sẽ tiếp tục tin tưởng đồng hành cùng chúng tôi xuyên suốt chặng đường phát triển, cũng như hành trình tái thiết năng lượng mới sắp tới. VCSC quyết tâm hoàn thiện trọn vẹn sứ mệnh của mình, xây dựng những giá trị tốt đẹp hướng tới cộng đồng.

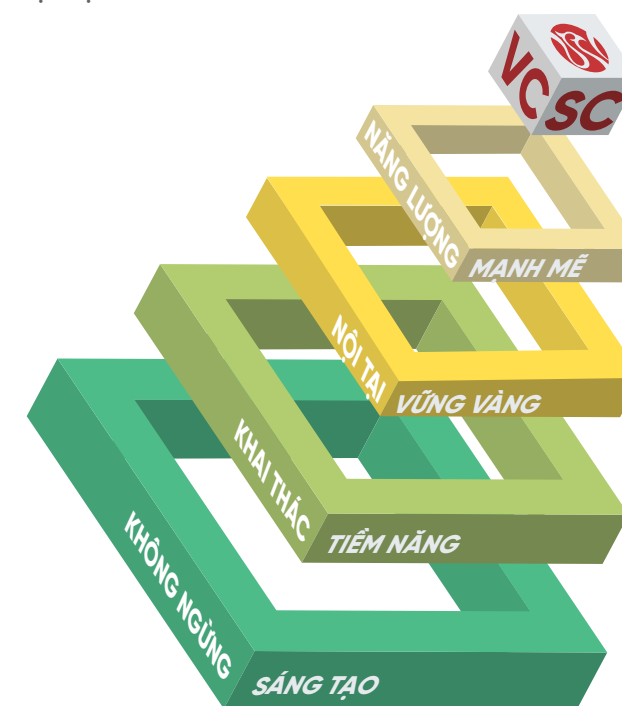
Trân trọng,

Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch HĐQT

TÁI THIẾT NĂNG LƯỢNG MỚI



Bước vào tuổi 15 với nhiều khát khao dự định, năm 2023, VCSC được mong đợi sẽ thể hiện một hình ảnh hoàn toàn mới, với nguồn năng lượng mới, mạnh mẽ, hiện đại để có thể tiếp nối những giá trị truyền thống, phát huy thế mạnh và khai thác tốt các tiềm năng. Từng thành viên của VCSC đều đang không ngừng sáng tạo để có thể cùng nhau thích nghi với điều kiện kinh doanh mới, lắng nghe nhu cầu của khách hàng và nắm bắt công nghệ để có thêm nguồn lực cạnh tranh.



Ra đời trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam còn non trẻ, năm 2023 đánh dấu cột mốc quan trọng, trưởng thành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC). Nhìn lại con đường đã qua, không khó để thấy rằng, 15 năm hình thành và phát triển của VCSC chứa đựng nhiều thành công nhưng cũng không ít khó khăn, thử thách.

Nhờ kiên trì và tận tâm trong việc xây dựng niềm tin với khách hàng, VCSC đã và đang từng bước gặt hái được thành tựu và khẳng định được vị thế. Hành trình chinh phục mục tiêu trở thành đơn vị tài chính hàng đầu Việt Nam của VCSC có sự đóng góp rất lớn của những con người tâm huyết, quyết tâm chung tay vào sự phát triển thịnh vượng của nền kinh tế nước nhà. Thành công mà VCSC có được hôm nay chính là trái ngọt của những nỗ lực và tinh thần không ngừng đổi mới.

Con đường tương lai đầy gian nan, thử thách, đòi hỏi VCSC phải tập trung cao độ mới có thể duy trì nguồn năng lượng tích cực, đam mê, nhiệt huyết cũng như khát khao trong mỗi cá nhân. Đây chính là nguồn cảm hứng khiến chúng tôi quyết định lựa chọn chủ đề báo cáo thường niên 2022 là **"Tái thiết năng lượng mới"**. Chủ đề này, cũng chính là lời khẳng định của Ban lãnh đạo VCSC về chiến lược đổi mới toàn diện, kiện toàn tất cả các lĩnh vực hoạt động phía trước.

Trên tinh thần lấy khách hàng làm trọng tâm cho mục tiêu phát triển bền vững, chúng tôi tin rằng, nỗ lực của mình sẽ mang lại lợi ích thực sự cho nhà đầu tư, cho đối tác và cho chính những con người đang chung vai góp dựng VCSC.



2007 - 2008
CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG
THÀNH LẬP CHI NHÁNH

VCSC được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11.2007.

Vốn điều lệ: 360 tỷ đồng.

Thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội.

2009 - 2010
NÂNG CẤP HỆ THỐNG,
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Đưa vào hoạt động một trong những hệ thống phần mềm giao dịch tiên tiến nhất trong ngành, do Tong Yang cung cấp.

Tăng vốn điều lệ lên 378 tỷ đồng.

Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ - TP.HCM.

Trở thành công ty môi giới chứng khoán thuộc Top 10 trong quý 2 năm 2010 trên sàn HNX.

2011 - 2013
TỔ CHỨC VIETNAM ACCESS DAY
VƯỢN LÊN TOP 3 THỊ PHẦN HOSE

Lần đầu tiên tổ chức thành công Vietnam Access Day, thu hút hơn 300 khách mời, diễn giả và quỹ đầu tư trong nước và quốc tế.

Tăng vốn điều lệ lên 398,4 tỷ đồng.

Chuyển dịch cân bằng và hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh.

2011: Top 6 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên sàn HNX.

2012: Top 5 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX.

2013: Vượt lên vị trí Top 3 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX.

2014 - 2015
ĐỘT PHÁ TRONG KẾT QUẢ KINH
DOANH, DUY TRÌ TOP 3 THỊ PHẦN

Vietnam Access Day trở thành hội nghị thường niên lớn nhất thu hút hàng trăm nhà đầu tư trong nước, quốc tế và các doanh nghiệp đầu ngành tham gia.

Đột phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận (ROE) trên 30%. Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.

2017 - 2018
NIÊM YẾT TRÊN HSX,
GIỮ VỮNG VỊ TRÍ TOP 3

Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07.07.2017.

Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Vốn điều lệ đạt 1.200 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu đạt 3.020 tỷ đồng tính đến cuối năm 2017.

2019 - 2020
GIỮ VỮNG THỊ PHẦN, HOÀN THÀNH
KẾ HOẠCH KINH DOANH

Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Duy trì vị trí Top đầu CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX.

Vốn điều lệ đạt 1.656 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu đạt 4.521 tỷ đồng tính đến cuối năm 2020.

15 năm

một hành trình
NỖ LỰC BỀN BỈ - DUY TRÌ VỊ THẾ

2021

2022

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN

Chứng kiến những đổi mới toàn diện trong mô hình kinh doanh.

TẠO ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Biến sức mạnh nội tại thành động lực tăng trưởng. Trở thành công ty tài chính uy tín.

Hoàn thành 2/3 chặng đường mục tiêu lợi nhuận 5 năm VCSC.

Mô hình kinh doanh đẩy mạnh Digital Marketing và áp dụng Công nghệ thông tin vào các sản phẩm cho khách hàng.



VỐN ĐIỀU LỆ
(TỶ ĐỒNG)

4.355



VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ ĐỒNG)

6.495

tính đến cuối năm 2022.

CÁC CHỈ SỐ NỔI BẬT

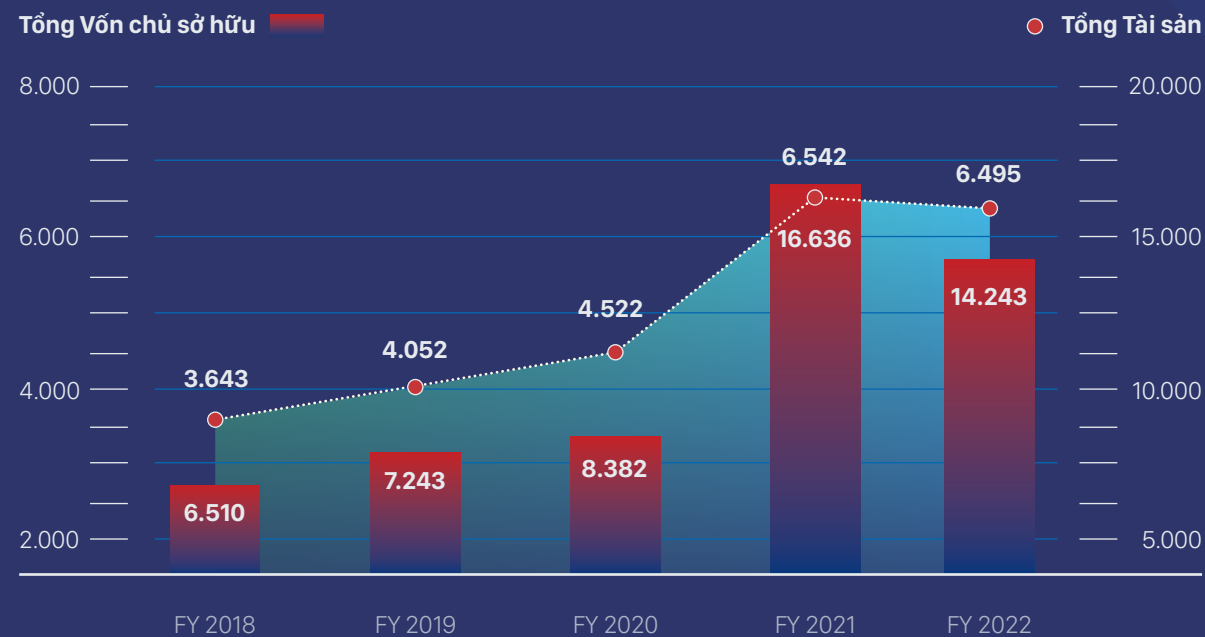


TỔNG TÀI SẢN CỦA VCSC ĐẠT
(TỶ ĐỒNG)

14.243

tại cuối tháng 12.2022,
giảm **14%** so với cuối năm 2021.

CƠ CẤU TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



13,3%

ROE



374

Tổng số nhân viên



3.192

Doanh thu (Tỷ đồng)



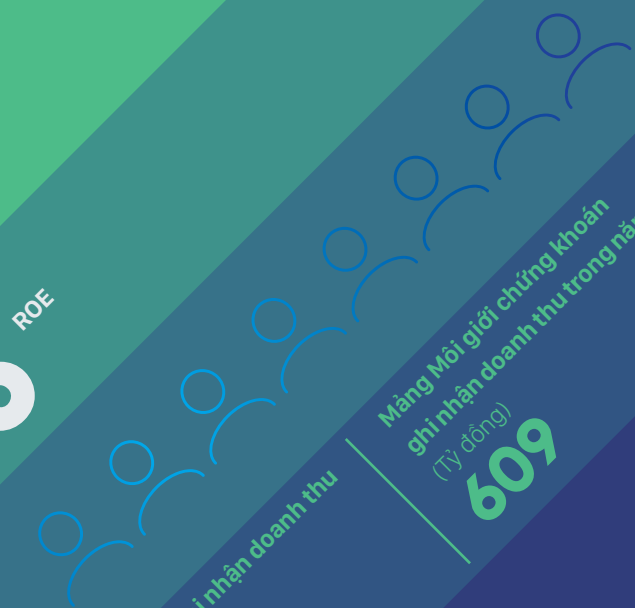
4.355

Vốn điều lệ (Tỷ đồng) (31.12.2022)



6.495

Tổng Vốn chủ sở hữu của VCSC tại cuối tháng 12.2022 giảm **1%** so với cuối năm 2021.



Mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu trong năm 2022 (Tỷ đồng)

1.344

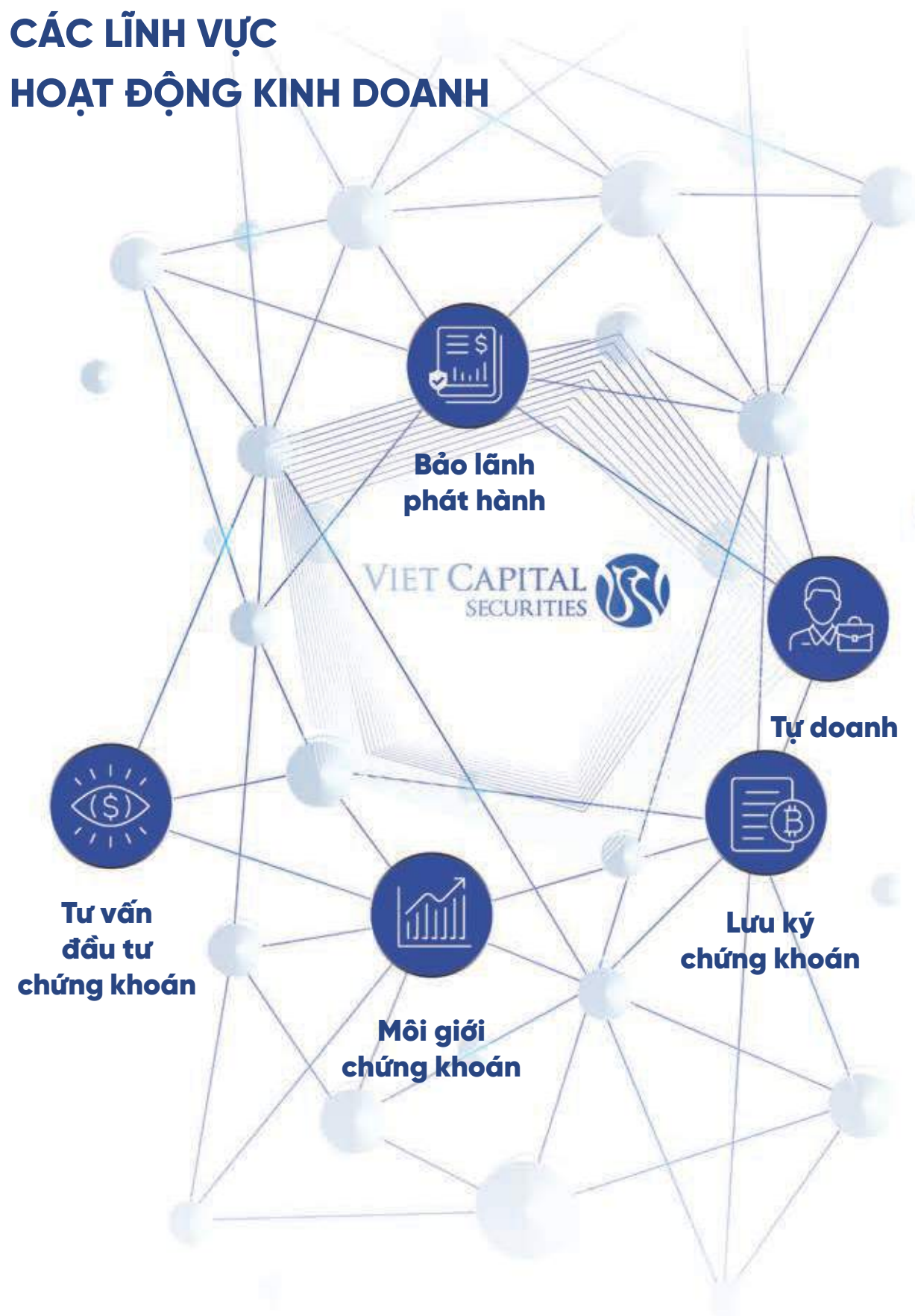
Mảng Môi giới chứng khoán ghi nhận doanh thu trong năm 2022 (Tỷ đồng)

609



TỔNG QUAN CÔNG TY

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Tên Tiếng Anh	Viet Capital Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt	VCSC
Mã chứng khoán	VCI
Website	www.vcsc.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0305299779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 06.11.2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 06.10.2022
Vốn điều lệ - Cập nhật ngày 31.12.2022 (Đồng)	
4.354.999.010.000	
Trụ sở chính	Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại	(+84) 28 3914 3588
Fax	(+84) 28 3914 3209



TÂM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt xác định tầm nhìn trở thành một đơn vị tài chính uy tín hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán. Chúng tôi cam kết mang lại các giá trị cốt lõi cho cộng đồng nhà đầu tư trong nước và quốc tế thông qua chuỗi sản phẩm dịch vụ chất lượng tối ưu cùng các cơ hội phát triển đầu tư bền vững, đồng hành hướng tới tương lai trong tâm thế **"Người dẫn đầu"** và tinh thần khởi nghiệp không ngừng tìm tòi, đổi mới, vững vàng vượt qua mọi thách thức biến động.



SỨ MỆNH

• ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

VCSC cung cấp những dịch vụ chất lượng tốt nhất, thấu hiểu nhu cầu của khách hàng để đưa ra những giải pháp phù hợp, hiệu quả tối ưu trên nền tảng đạo đức, tâm huyết, trách nhiệm và năng lực chuyên môn cao.

• ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

VCSC cam kết tập trung mang đến những giá trị thiết thực và lợi ích dài hạn, linh hoạt và chủ động đứng vững trước mọi biến động trên cơ sở thận trọng và minh bạch trong hoạt động của Công ty.

• ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

VCSC xây dựng môi trường làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế với những giá trị cốt lõi về đạo đức, công bằng, hoạt động hiệu quả và cơ hội thăng tiến trong công việc.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ

Chúng tôi luôn xác định tâm thế của mình trong vai trò một đơn vị khởi nghiệp hướng tới mục tiêu chung của cộng đồng nhà đầu tư, người đồng hành đáng tin cậy mang tới những giá trị cốt lõi thông qua chất lượng dịch vụ tối ưu và cơ hội phát triển đầu tư bền vững.

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Đối với chúng tôi, **CON NGƯỜI** và **UY TÍN** chính là tài sản lớn nhất của tổ chức. Vì lẽ đó, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới việc thu hút, gìn giữ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng bằng những chương trình đào tạo, cơ hội phát triển đi cùng với động lực thăng tiến trong công việc.

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

Đối với chúng tôi, **QUYỀN LỢI** và **SỰ HÀI LÒNG** của Quý khách hàng luôn được ưu tiên hàng đầu trên mọi lĩnh vực và định hướng hoạt động.

ĐẠO ĐỨC VÀ MINH BẠCH

Báo cáo Tài chính được kiểm toán bởi các đơn vị kiểm toán uy tín quốc tế. Chính sách nội bộ được xây dựng và áp dụng phù hợp trên cơ sở hạn chế xung đột lợi ích.



Thành tựu tiêu biểu



13 NĂM LIỀN NHẬN GIẢI THƯỞNG CỦA ALPHA SOUTHEAST ASIA

"Nhà tư vấn thương vụ M&A do Quỹ đầu tư cổ phần tư nhân hậu thuẫn tốt nhất Đông Nam Á" 2019, 2020, 2021, 2022

"Nhà môi giới tổ chức tốt nhất" 2012, 2013, 2014, 2018

"Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất Việt Nam" 2011, 2012, 2013, 2015

"Thương vụ IPO/vốn cổ phần tốt nhất Việt Nam" 2021

"Ngân hàng Đầu tư và Nhà M&A tốt nhất" 2017

"Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam giai đoạn 2007 - 2016"

"Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" 2013

"Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" 2011



13 NĂM LIỀN NHẬN GIẢI THƯỞNG CỦA DIỄN ĐÀN M&A VIỆT NAM

"Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2022"



Top 50 Doanh nghiệp Lợi nhuận xuất sắc và Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam của VietnamNet & Vietnam Report - 2021



7 TRÊN 10 NĂM NHẬN GIẢI THƯỞNG CỦA FINANCE ASIA

"Công ty tư vấn tốt nhất trên thị trường vốn cổ phần tại Việt Nam" 2021

"Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" 2012, 2015, 2016, 2017

"Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" 2011, 2022

"Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" 2016, 2017, 2018

"Công ty ECM tốt nhất Việt Nam" 2017

"Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam" 2016



GIẢI THƯỞNG CỦA GLOBAL BRANDS MAGAZINE (GBM)

"Ngân hàng đầu tư tốt nhất" 2021, 2022

"Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam" 2021, 2022

"Nhà tư vấn phát hành vốn tốt nhất" 2021, 2022

"Nhà huy động vốn tốt nhất và nhà môi giới tổ chức lớn nhất Việt Nam" 2021



Xếp hạng tín nhiệm ở mức A - với triển vọng ổn định của FiinRatings - 2021



Giải thưởng của Euromoney
"Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" 2015



Giải thưởng của Sàn GDCK Hà Nội
"Một trong ba công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất" 2005 - 2015



Giải thưởng của The Asset Asian Awards
"Công ty môi giới tốt nhất Việt Nam" 2011



Giải thưởng của UBND TP.HCM
"Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu" 2011

2022

VCSC tiếp tục vinh dự đón nhận cùng lúc các giải thưởng danh giá quốc tế từ **Alpha Southeast Asia & Global Brands Magazine**



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ TỐT NHẤT



NHÀ TƯ VẤN PHÁT HÀNH VỐN TỐT NHẤT



NHÀ TƯ VẤN M&A TỐT NHẤT VIỆT NAM



NHÀ TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU

- Đơn vị tư vấn M&A tiêu biểu 2021 - 2022 từ Báo Đầu Tư
- Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu năm 2021 do Forbes Việt Nam bình chọn
- Cùng các giải thưởng danh giá hàng đầu trong nước



Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam
do Forbes Viet Nam bình chọn



Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam
do Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn



Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả
do Vietnam Report bình chọn



KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA VCSC 2022

TÓM TẮT KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2022



Lợi nhuận trước thuế (LNTT):
(Tỷ đồng)

1.060

VCSC ghi nhận LNTT đạt 1.060 tỷ đồng trong năm 2022, giảm 43% so với năm 2021 và hoàn thành 56% kế hoạch kinh doanh năm 2022 (kế hoạch: 1.900 tỷ đồng).



Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE):

13,3%

ROE trong 12 tháng gần nhất của VCSC đạt 13,3% trong năm 2022 (16,8% nếu loại trừ chênh lệch từ đánh giá lại tài sản theo giá thị trường được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu).



Vốn chủ sở hữu (VCSH):
(Tỷ đồng)

6.495

Tổng VCSH của VCSC tại cuối tháng 12.2022 đạt 6.495 tỷ đồng, giảm 1% so với cuối năm 2021.

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TỪNG BỘ PHẬN TRONG NĂM 2022

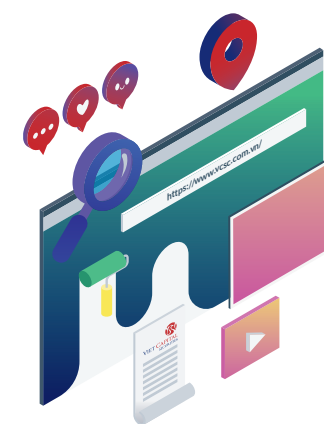
MÔI GIỚI

Doanh thu bộ phận Môi giới:
(Tỷ đồng)

609

Lợi nhuận trước thuế:
(Tỷ đồng)

192



- Trong năm 2022, bộ phận Môi giới ghi nhận doanh thu 609 tỷ đồng (giảm 27% so với năm 2021) và LNTT đạt 192 tỷ đồng (giảm 44% so với năm 2021). VCSC xếp thứ bảy tính theo thị phần môi giới trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong cả năm 2022, với thị phần môi giới đạt 4,72%.
- Hoạt động giao dịch và thanh khoản thị trường tiếp tục giảm trong Q4.2022 với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày đạt khoảng 598 triệu USD so với 670 triệu USD trong Q3.2022, khi các nhà đầu tư thận trọng trước những đợt thanh tra trong thị trường bất động sản và chứng khoán. Tâm lý thị trường cũng bị ảnh hưởng do những diễn biến vĩ mô toàn cầu bất ổn cũng như lo ngại về lãi suất và lạm phát gia tăng. Trong cả năm 2022, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày đạt 862 triệu USD, giảm 25% so với cùng kỳ 2021. Trước những thách thức của thị trường chứng khoán trong năm 2022, mảng Môi giới khách hàng cá nhân của VCSC ghi nhận LNTT là 51 tỷ đồng trong năm 2022, giảm 66% so với năm 2021.
- Khối ngoại chuyển sang mua ròng trong Q4.2022 với giá trị mua ròng đạt 1,2 tỷ USD so với con số bán ròng 153 triệu USD trong Q3.2022. Trong cả năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng với tổng giá trị 1,3 tỷ USD so với con số bán ròng là 2,7 tỷ USD trong năm 2021. Tổng giá trị giao dịch của khối ngoại là 32,9 tỷ USD trong năm 2022, thấp hơn 16% so với năm 2021. Trong cả năm 2022, mảng môi giới khách hàng tổ chức của VCSC ghi nhận LNTT 141 tỷ đồng, giảm 27% so với năm 2021.

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Doanh thu bộ phận Ngân hàng Đầu tư:
(Tỷ đồng)

431

Lợi nhuận trước thuế:
(Tỷ đồng)

342

- Bộ phận Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu 431 tỷ đồng (tăng 28% so với năm 2021) và LNTT 342 tỷ đồng trong năm 2022 (tăng 48% so với năm 2021).
- Trong năm 2022, VCSC ghi nhận doanh thu từ các thương vụ đáng chú ý như tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN), Masan Meat Life chuyển nhượng mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho De Heus Việt Nam, phát hành riêng lẻ cho CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ), Hưng Thịnh Group mua lại CTCP Sông Tiền.



ĐẦU TƯ

Doanh thu hoạt động Đầu tư:
(Tỷ đồng)

1.344

Lợi nhuận trước thuế:
(Tỷ đồng)

298

- Trong cả năm 2022, hoạt động Đầu tư ghi nhận doanh thu 1.344 tỷ đồng trong năm 2022 (giảm 31% so với năm 2021) và LNTT đạt 298 tỷ đồng (giảm 71% so với năm 2021). Trong cả năm 2022, doanh thu và lợi nhuận đầu tư của VCSC bị ảnh hưởng bởi xu hướng giảm chung của thị trường khi VN-Index khép lại năm 2022 với mức giảm 33%, gần như mất toàn bộ thành quả trong năm 2021 và kết thúc năm 2022 ở mức 1.007 điểm.

CHO VAY KÝ QUỸ (Margin)

Doanh thu hoạt động Margin:
(Tỷ đồng)

808

Lợi nhuận trước thuế:
(Tỷ đồng)

229

- Hoạt động Cho vay Ký quỹ ghi nhận doanh thu 808 tỷ đồng trong năm 2022 (tăng 35% so với năm 2021) và LNTT đạt 229 tỷ đồng (giảm 6% so với năm 2021).
- Dư nợ cho vay ký quỹ của VCSC tại cuối tháng 12.2022 đạt 5.279 tỷ đồng, giảm 31% so với cuối năm 2021. Hoạt động của mảng cho vay ký quỹ vẫn duy trì ổn định trước các điều kiện thị trường biến động trong năm 2022 khi VCSC vẫn theo đuổi chính sách thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ.

PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2022

Tổng tài sản của VCSC:
(Tỷ đồng)

14.243

- Các khoản vay nợ của VCSC đạt tổng cộng là 6.873 tỷ đồng vào cuối năm 2022, giảm 17% so với cuối năm 2021. Tất cả các khoản nợ đều là nợ ngắn hạn và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động cho vay ký quỹ.
- Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của VCSC đạt mức 105,8% tại cuối tháng 12.2022 so với 127,3% tại cuối năm 2021.
- Tổng tài sản của VCSC đạt 14.243 tỷ đồng tại cuối tháng 12.2022, giảm 14% so với cuối năm 2021.



CÁC SỰ KIẾN DOANH NGHIỆP ĐÁNG CHÚ Ý TRONG NĂM 2022

Tháng 5.2022

VCSC công bố ký thành công hợp đồng vay vốn trị giá 100 triệu USD. Khoản vay được Ngân hàng Mega International Commercial Bank (Megabank) dàn xếp thông qua chi nhánh Offshore Banking của ngân hàng này. Khoản vay có lãi suất ngắn hạn theo thị trường tiền tệ quốc tế.

Tháng 8.2022

VCSC hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:3 (tương đương 100,5 triệu cổ phiếu mới). Cuối tháng 8.2022, tổng số cổ phiếu đang lưu hành của VCSC là 435,5 triệu cổ phiếu.

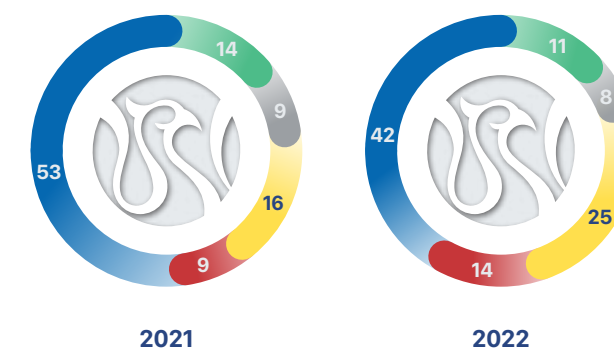
Tháng 10.2022

VCSC công bố ký thành công hợp đồng vay vốn với hạn mức 105 triệu USD và quyền được mở rộng lên tới 150 triệu USD. Khoản vay hợp vốn từ nhóm các ngân hàng hàng nước ngoài được đứng đầu thu xếp bởi Maybank Kim Eng Securities và O-Bank là các thành viên đầu mối dàn xếp chính cấp tín dụng và bên quản lý số tín dụng, cùng với Malayan Banking Berhad (chi nhánh Singapore) là một trong các bên cho vay. Khoản vay có mức lãi suất ngắn hạn theo thị trường tiền tệ quốc tế.

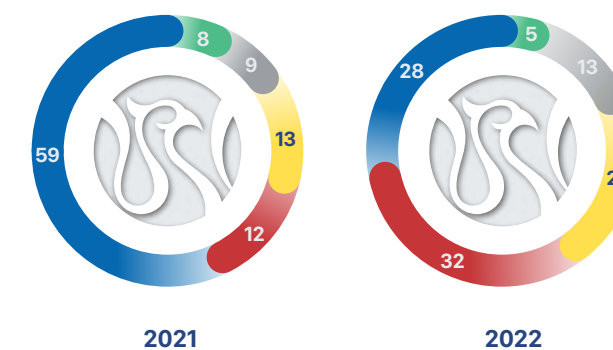
Tháng 12.2022

VCSC tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt là 700 đồng/cổ phiếu.

CƠ CẤU DOANH THU THEO MẢNG HOẠT ĐỘNG (%)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO MẢNG HOẠT ĐỘNG (%)



■ Mô giới Cá nhân
 ■ Môi giới Tổ chức
 ■ Cho vay Ký quỹ
 ■ Ngân hàng Đầu tư
 ■ Đầu tư



TIÊU ĐIỂM BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

Tỷ VNĐ	2018	2019	2020	2021	2022
Các khoản mục chính					
Tiền và tương đương tiền	1.144	795	643	1.132	3.424
FVTPL	425	795	615	1.222	665
Nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	262	106	754	886
Cho vay margin	2.792	3.032	3.882	7.701	5.279
AFS	2.039	1.731	2.713	5.324	3.734
Nợ	2.320	2.563	3.364	8.327	6.873
Nợ vay ngắn hạn	2.320	2.563	3.364	8.327	6.873
Nợ vay dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng Tài sản	6.510	7.243	8.382	16.636	14.243
Tổng Nợ	2.867	3.191	3.861	10.094	7.747
Tổng Vốn chủ sở hữu	3.643	4.052	4.522	6.542	6.495

Các chỉ số tài chính chính	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	63,7%	63,2%	74,4%	127,3%	105,8%
Nợ vay ròng (*)/Vốn chủ sở hữu	32,3%	43,6%	60,2%	110,0%	53,1%
Tổng Nợ/Tổng Tài sản	44,0%	44,1%	46,1%	60,7%	54,4%
ROA	12,7%	10,1%	9,8%	12,0%	5,6%
ROE	24,7%	18,0%	17,9%	27,1%	13,3%
ROE (**)	28,5%	19,9%	19,7%	33,4%	16,8%
GTSS/cổ phiếu (VNĐ)	22.347	24.660	27.304	19.645	14.915

(*) Nợ ròng = Tổng nợ - CCE (Tiền và tương đương tiền)

(**) Chỉ số ROE này được tính dựa trên Vốn chủ sở hữu loại trừ chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

NGUỒN NĂNG LƯỢNG NỘI TẠI

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

VN-Index đã trải qua một năm nhiều biến động khi lần đầu tiên trong lịch sử đóng cửa trên 1.500 điểm vào ngày 6.1, sau đó tụt dốc từ đầu tháng 4, có thời điểm đã rút về 874 điểm trước khi hồi phục và giao dịch trên mốc 1.000 điểm.

Thanh khoản thị trường cũng bùng nổ với hàng tỷ cổ phiếu được giao dịch mỗi phiên, có đóng góp lớn từ làn sóng nhà đầu tư mới tham gia thị trường. Tính đến cuối năm 2022, tổng số tài khoản chứng khoán đã vượt hơn 6,8 triệu tài khoản, tương đương 6,8% dân số.



6,8 triệu tài khoản
tương đương 6,8% dân số



Tổng vốn hóa thị trường Việt Nam
Tỷ USD

222
tương đương 56% GDP

THÁCH THỨC GIA TĂNG TRÊN TOÀN CẦU

Năm 2022, xu hướng phục hồi sau đại dịch của nền kinh tế thế giới trải qua giai đoạn chững lại do ảnh hưởng của hàng loạt sự kiện chính trị xã hội, nổi bật trong đó có cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine bắt đầu vào tháng 2 khiến giá dầu và một số các hàng hóa cơ bản tăng cao, dẫn đến lạm phát toàn cầu nhẩy vọt. Nhằm ứng phó với tình trạng lạm phát cao nhất trong vòng 40 năm trở lại đây, Cục Dự

trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, khiến nhiều đồng tiền mất giá mạnh so với đồng USD. Đồng thời, lạm phát và lãi suất gia tăng đã gây sụt giảm niềm tin và nhu cầu của người tiêu dùng toàn cầu. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc kéo dài thực hiện các biện pháp Zero-Covid đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng, nhu cầu tiêu dùng toàn cầu cũng vì thế mà trở nên kém khả quan hơn.

KINH TẾ TRONG NƯỚC ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU KHÓ KHĂN

Nhu cầu toàn cầu suy yếu đã bước đầu ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu trong quý 4 giảm 6,1% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, nhằm ổn định tỷ giá trước ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt của Fed, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) buộc phải tăng lãi suất điều hành lên 200 điểm cơ bản vào tháng 9 và tháng 10.2022, khiến chi phí vốn của doanh nghiệp tăng mạnh trong những

tháng cuối năm. Cùng với đó, việc bắt giữ và truy tố những sai phạm của một số lãnh đạo các công ty bất động sản, cùng với việc Chính phủ ban hành Nghị định 65 về phát hành và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp đã gây ra nhiều lo ngại về khả năng cơ cấu lại nợ trong thời gian tới, đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản.

VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG MẠNH NHẤT TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2022

Tăng trưởng GDP

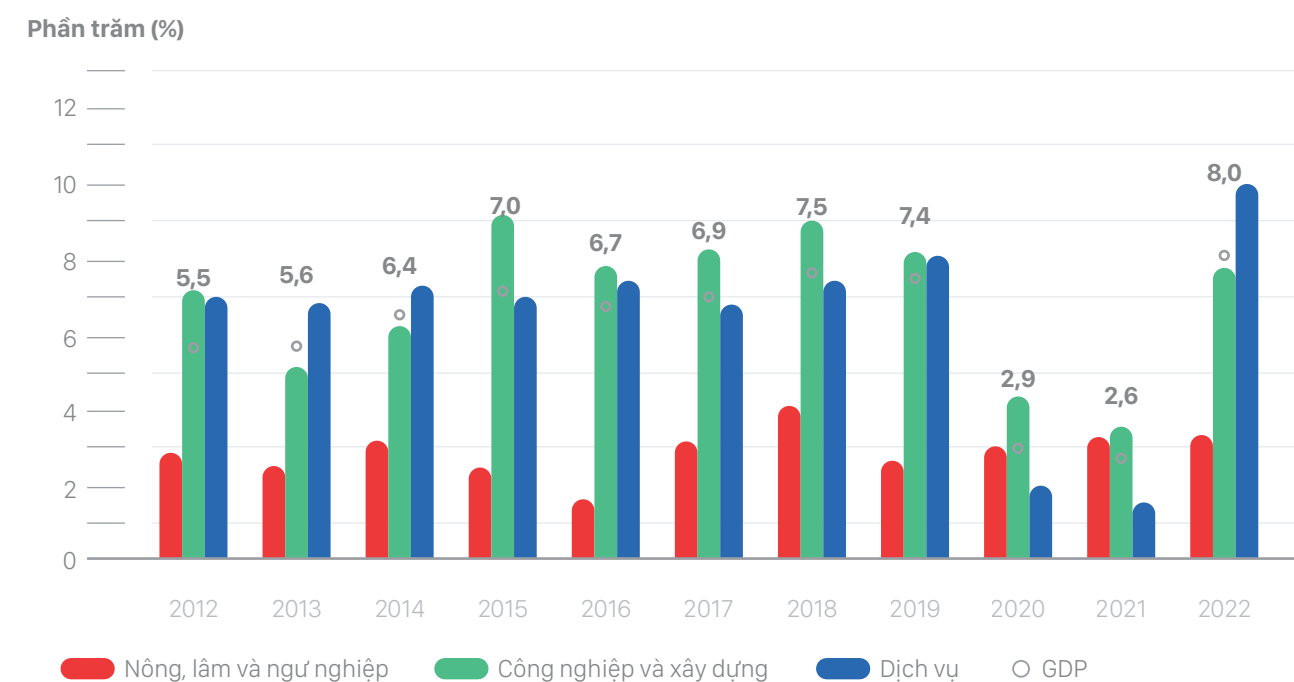
8,02%

trong năm 2022

Mặc dù gặp nhiều khó khăn và thách thức cả trong và ngoài nước, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn đạt 8,02% trong năm 2022 - mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Kết quả này đạt được là nhờ các hoạt động sản xuất, kinh doanh được phục hồi mạnh từ mức nền thấp của 2021 sau khi nền kinh tế mở cửa hoàn toàn sau đại dịch.

Tăng trưởng GDP theo khu vực

Nguồn: Tổng cục Thống kê (TCTK), VCSC



KHU VỰC DỊCH VỤ LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CHÍNH

Khu vực dịch vụ đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế với mức tăng trưởng 10,0%, đóng góp 56,7% vào mức tăng trưởng của cả năm 2022. Khu vực nông, lâm nghiệp & thủy sản tăng 3,36% - mức tăng trưởng cao nhất trong 4 năm qua - đóng góp 5,1% vào tăng trưởng GDP

chung của năm 2022. Bên cạnh đó, khu vực công nghiệp & xây dựng tăng 7,8%, đóng góp 38,2% vào tổng mức tăng trưởng GDP năm 2022, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,1% so với cùng kỳ.

DOANH THU BÁN LẺ ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT 11 NĂM

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2022 đạt 5.680 nghìn tỷ đồng năm 2022, tăng 19,8% so với cùng kỳ - mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng doanh thu bán lẻ ghi nhận mức tăng trưởng cao kỷ lục 15,6% trong năm 2022. So với trước

dịch, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 15,2%, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 19,8%, trong khi doanh thu bán lẻ dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt gần tương đương mức trước dịch. Tuy nhiên, doanh thu dịch vụ du lịch mới chỉ đạt 55% so với thời điểm trước dịch.

Tăng trưởng doanh thu bán lẻ

Nguồn: TCTK, VCSC





GIẢI NGÂN FDI GHI NHẬN MỨC CAO KỶ LỤC TRONG NĂM 2022

Giải ngân vốn FDI
(Tỷ USD)

22,4

↑ tăng **13,5%** so với cùng kỳ

Giải ngân vốn FDI tăng 13,5% so với cùng kỳ, đạt mức cao kỷ lục 22,4 tỷ USD trong năm 2022. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký giảm 11,0% so với cùng kỳ, chỉ đạt 27,7 tỷ USD do việc nghiên cứu tính khả thi của các dự án mới gặp gián đoạn trong những năm đại dịch. Đáng chú ý, Samsung đã công bố tăng vốn đầu tư vào hai dự án bao gồm nhà máy Samsung Electro - Mechanics tại Thái Nguyên (920 triệu USD) và Khu phức hợp Samsung HCMC CE (841 triệu USD).

XUẤT SIÊU NĂM 2022 ĐẠT MỨC CAO THỨ HAI TRONG LỊCH SỬ; HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU SUY GIẢM TRONG QUÝ 4

↑ Kim ngạch xuất khẩu tăng **10,5%**
(Tỷ USD)

371,3

↑ Kim ngạch nhập khẩu tăng **7,8%**
(Tỷ USD)

358,9

Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam năm 2022 lần lượt đạt 371,3 tỷ USD (+10,5%) và 358,9 tỷ USD (+7,8%), dẫn đến xuất siêu cán mốc 12,4 tỷ USD, mức cao thứ hai từ trước đến nay (chỉ sau năm 2020 - xuất siêu 19,9 tỷ USD). Tuy nhiên, nhu cầu toàn cầu suy yếu và mức nền tương đối cao trong quý 4 năm 2021 đã khiến xuất khẩu và nhập khẩu giảm lần lượt 7,1% và 5,7% trong quý 4 năm 2022.

LẠM PHÁT VẪN ĐƯỢC KIỂM SOÁT DÙ GIÁ DẦU TĂNG MẠNH

Tính đến tháng 12.2022, CPI của Việt Nam đã tăng 4,55%. Tuy nhiên, lạm phát vẫn nằm trong tầm kiểm soát với CPI bình quân cả năm 2022 tăng 3,15%. Để hạn chế tác động của việc giá xăng dầu thế giới tăng cao lên tình hình lạm

phát trong nước, Quốc hội và Chính phủ đã thực hiện hàng loạt chính sách kiểm soát như giảm thuế môi trường đối với các sản phẩm xăng dầu trong nước và giữ nguyên hoặc giảm giá một số dịch vụ do Nhà nước điều hành giá.

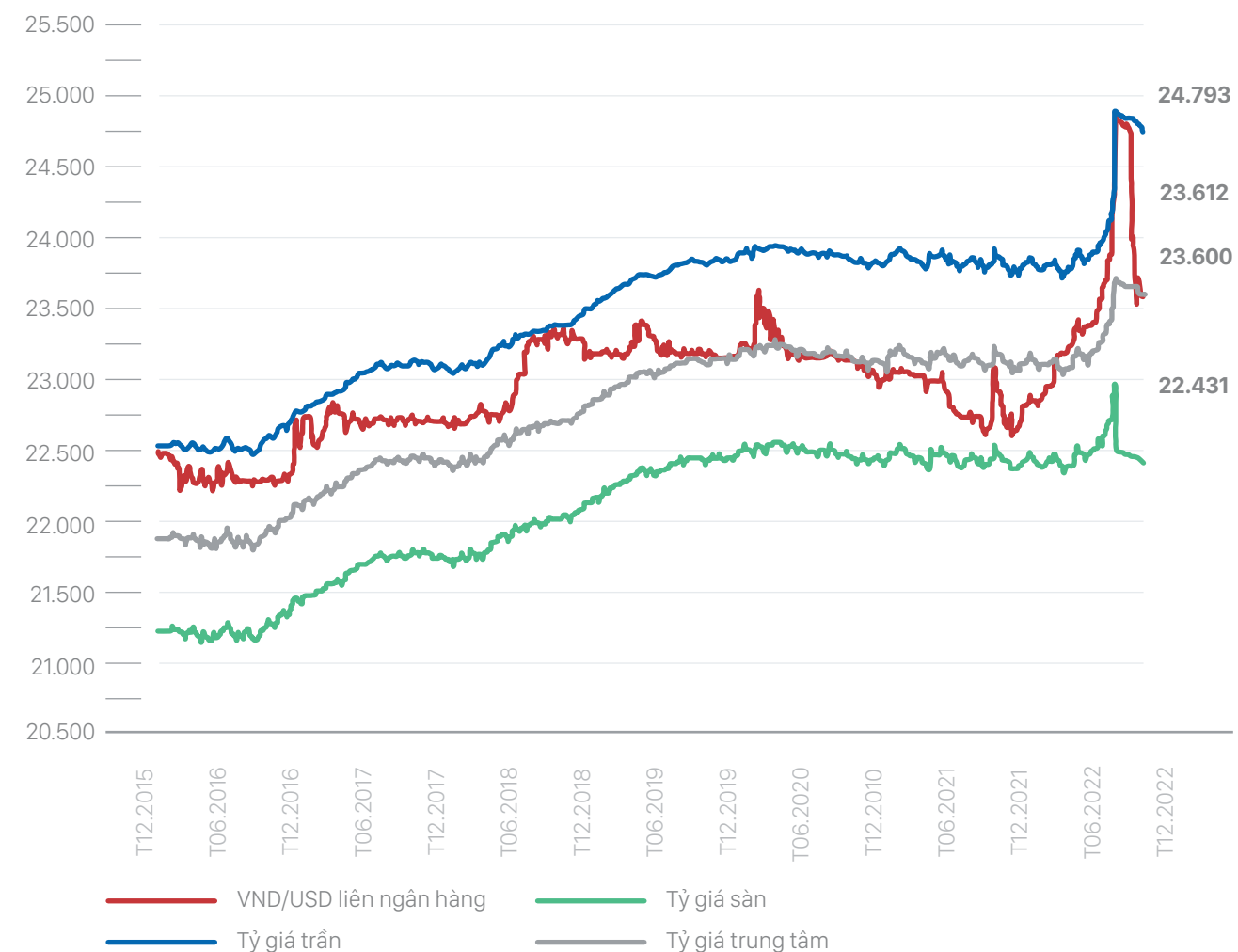
FED TĂNG MẠNH LÃI SUẤT GÂY ÁP LỰC LÊN TỶ GIÁ USD/VND

Việc Fed tăng mạnh lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát và việc đồng USD tăng giá đã gây áp lực lên tỷ giá USD/VND trong năm 2022. Thêm vào đó, việc Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ thanh khoản hệ thống sau sự kiện tại Ngân hàng Thương mại Sài Gòn (SCB) đã làm tăng thêm áp lực lên tỷ giá trong tháng 10. Tuy nhiên, tỷ giá đã hạ nhiệt về cuối năm khi (1) đồng USD suy yếu, (2) tâm lý trên thị trường ngoại hối trong nước cải thiện khi lạm phát Mỹ hạ nhiệt và (3) nguồn cung USD dồi dào từ giải ngân FDI, thặng

dư thương mại, nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) quay trở lại mua ròng trên TTCK và kiều hối chảy về vào cuối năm. Tính đến ngày 31.12.2022, tỷ giá USD/VND giao dịch ở mức 23.600 đồng trên thị trường liên ngân hàng (giảm 3,4% trong năm 2022). Trong khi đó, đồng tiền của các đối tác thương mại lớn của Việt Nam có diễn biến kém tích cực hơn, bao gồm CNY (-7,9% so với USD), EUR (-5,8%), KRW (-6,1%) và JPY (-12,2%).

Tỷ giá USD/VND

Nguồn: Bloomberg, VCSC





DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX KẾT THÚC CHUỖI TĂNG 3 NĂM LIÊN TIẾP

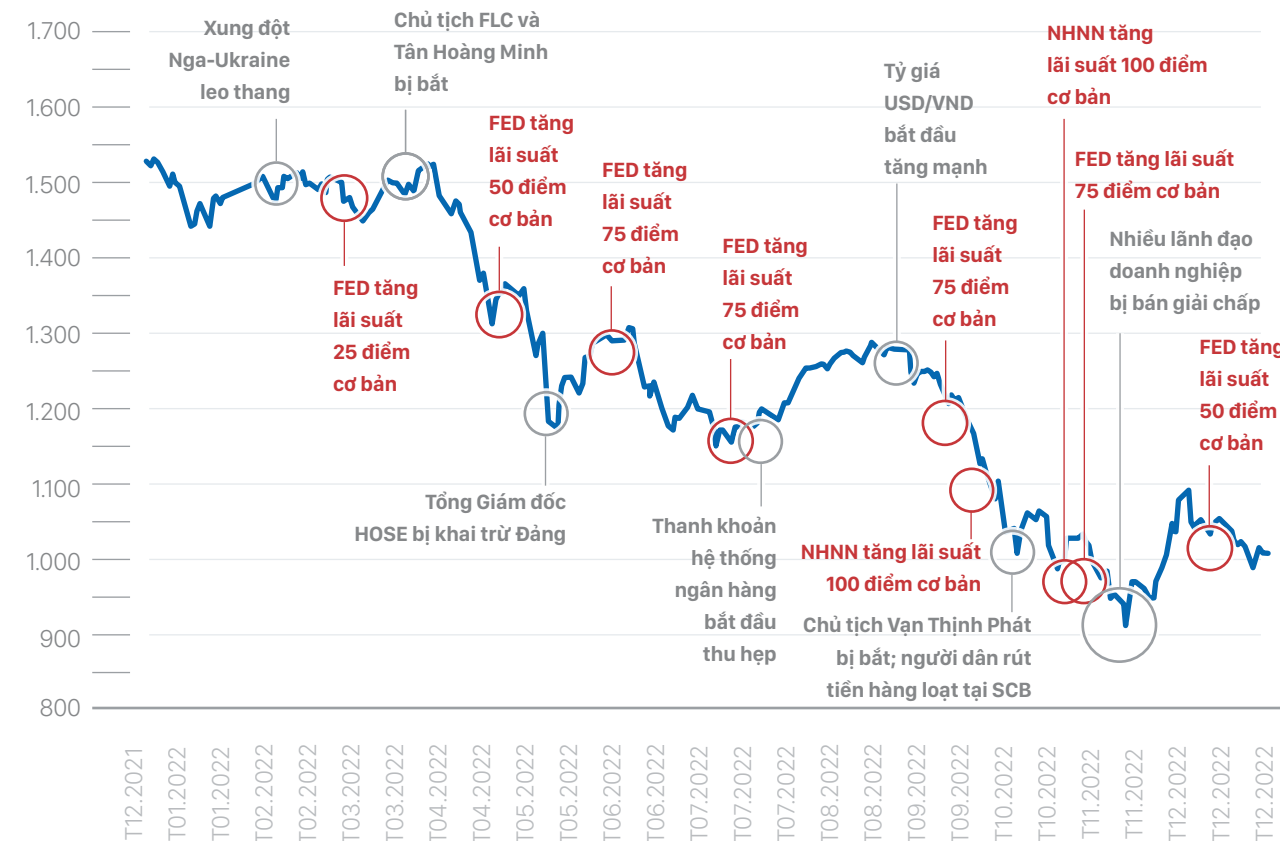
Thị trường chứng khoán chứng kiến sự sụt giảm trên cả 3 sàn trong năm 2022, đảo ngược xu hướng tăng theo ghi nhận trong năm 2021. Chỉ số VN-Index đã giảm 33% trong năm 2022 - mức giảm mạnh nhất kể từ năm 2008 (-65%) và kết thúc chuỗi ba năm tăng điểm liên tiếp. Mặt bằng lãi suất tăng, Nghị định 65 và việc khởi tố những sai phạm của một số lãnh đạo các công ty bất động sản đã ảnh hưởng

đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp và lĩnh vực bất động sản. Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến áp lực giảm điểm trên thị trường chứng khoán. Giá cổ phiếu giảm mạnh đã làm tổng vốn hóa thị trường giảm xuống còn 222 tỷ USD vào cuối năm 2022 - 56% GDP, từ mức 344 tỷ USD - 94% GDP vào cuối năm 2021.

Diễn biến VN-Index và các sự kiện chính năm 2022

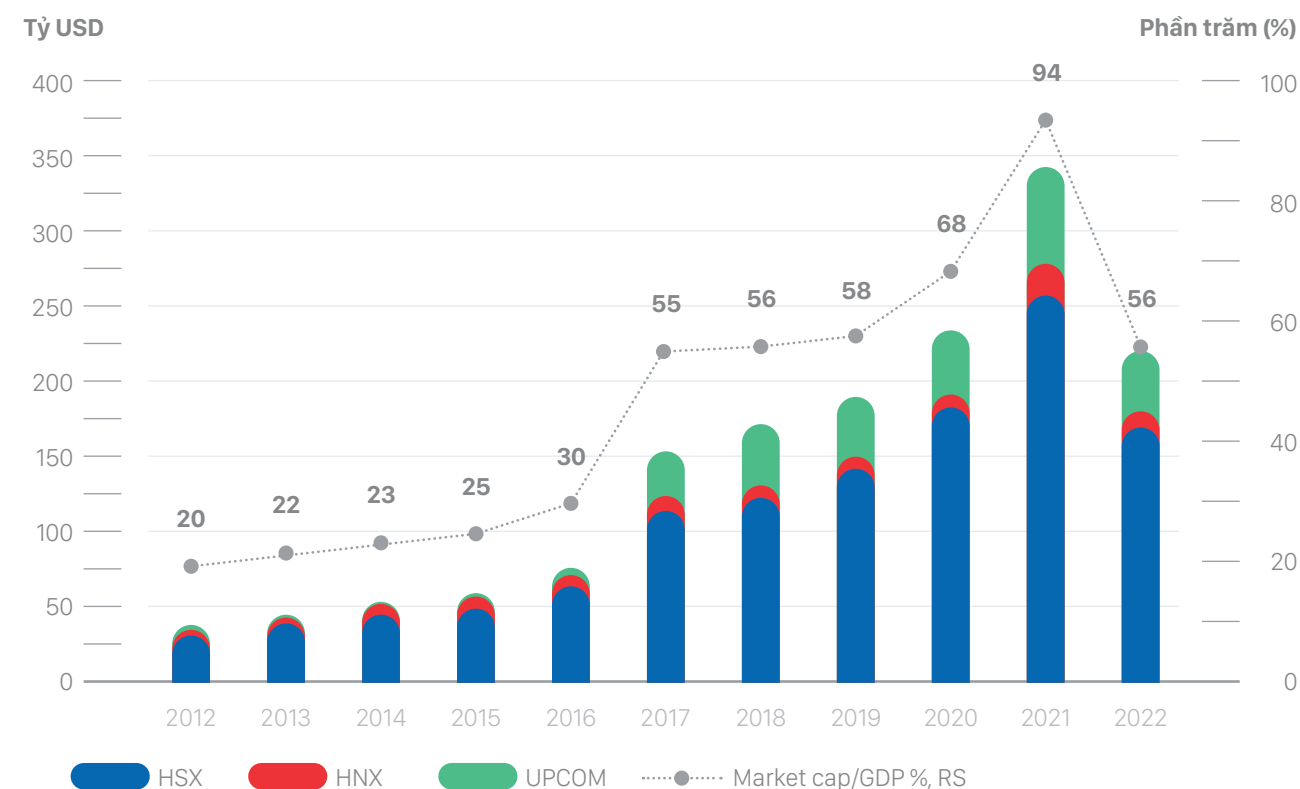
Nguồn: Bloomberg, VCSC, dữ liệu cập nhật ngày 31.12.2022

VN-Index



Vốn hoá và Vốn hoá/GDP

Nguồn: Bloomberg, VSD, VCSC



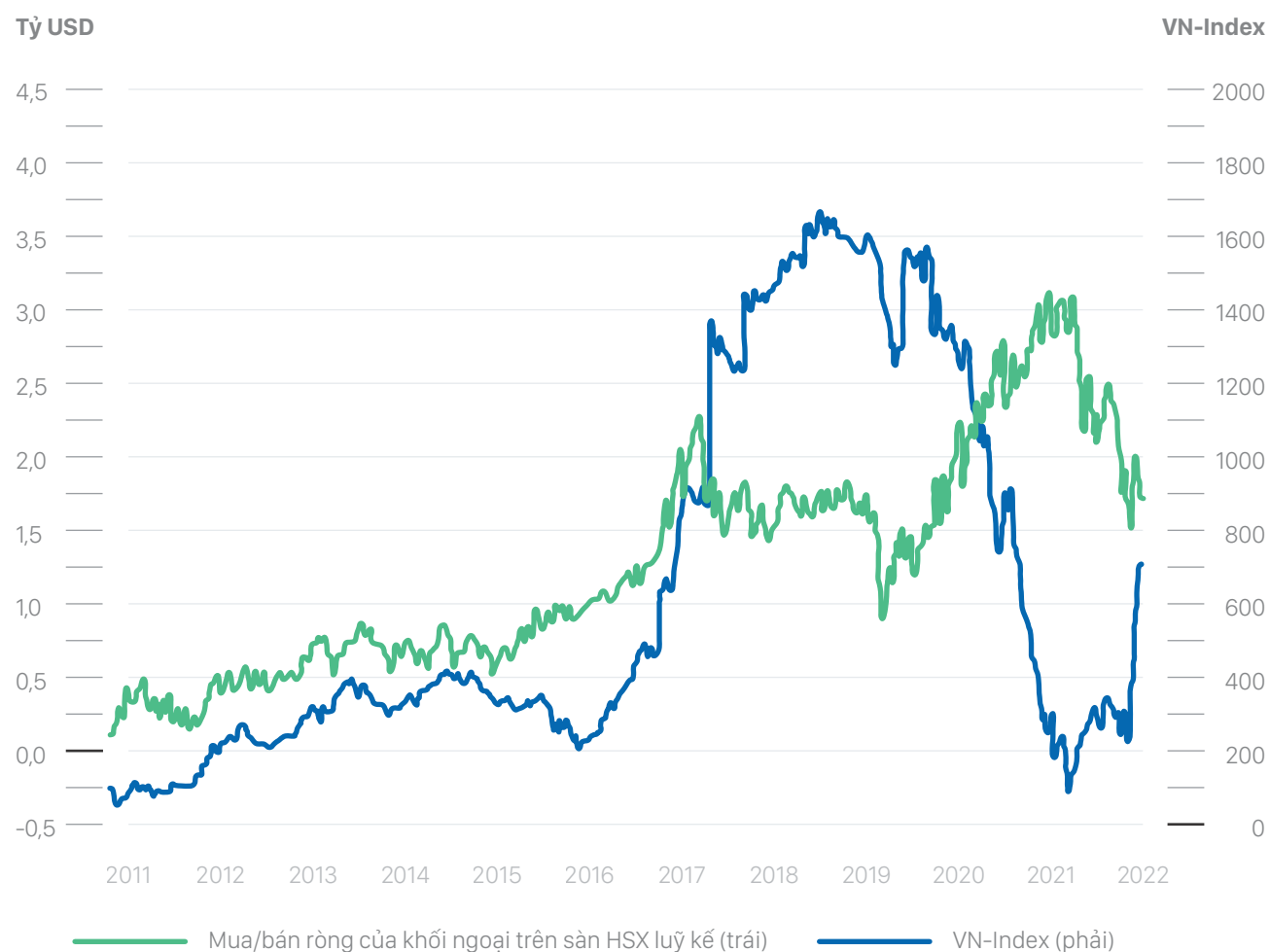


KHOẢNG NGOẠI QUAY LẠI MUA RÒNG TRONG NĂM 2022

Sau hai năm liên tục bán ròng, NĐTNN mua ròng trở lại trong năm 2022, đặc biệt lực mua tăng mạnh vào tháng 11 và tháng 12. NĐTNN đã mua ròng 1,3 tỷ USD trong năm 2022 trong khi bán ròng 2,6 tỷ USD trong năm 2021. Tuy nhiên, tổng giá trị giao dịch của NĐTNN trong năm 2022 vẫn giảm so với năm 2021, chủ yếu do giá cổ phiếu giảm mạnh.

VN-Index và giá trị mua/bán ròng của khối ngoại lũy kế từ năm 2011

Nguồn: Bloomberg, VCSC



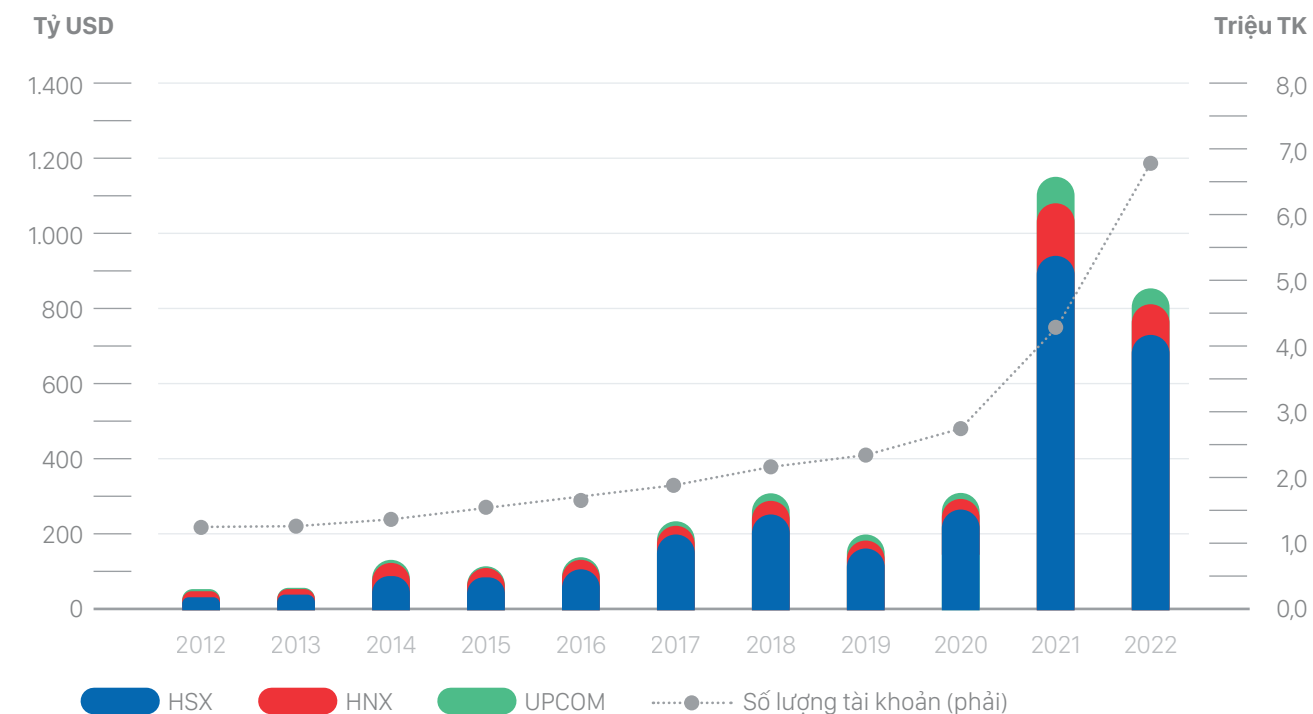
THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG GIẢM SÚT

Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGDTBN) tính chung cả ba sàn đã giảm từ 1,15 tỷ USD năm 2021 xuống còn 862 triệu USD năm 2022; tuy nhiên, con số này vẫn cao hơn nhiều so với GTGDTBN của các năm trước năm 2021. Giá trị giao dịch so với vốn hóa thị trường trung bình năm 2022 cũng giảm xuống 75% từ 100% - mức cao nhất trong 10 năm được ghi nhận trong năm 2021. Trong khi đó, tổng số tài khoản chứng khoán đã tăng từ 4,3 triệu lên 6,8 triệu.



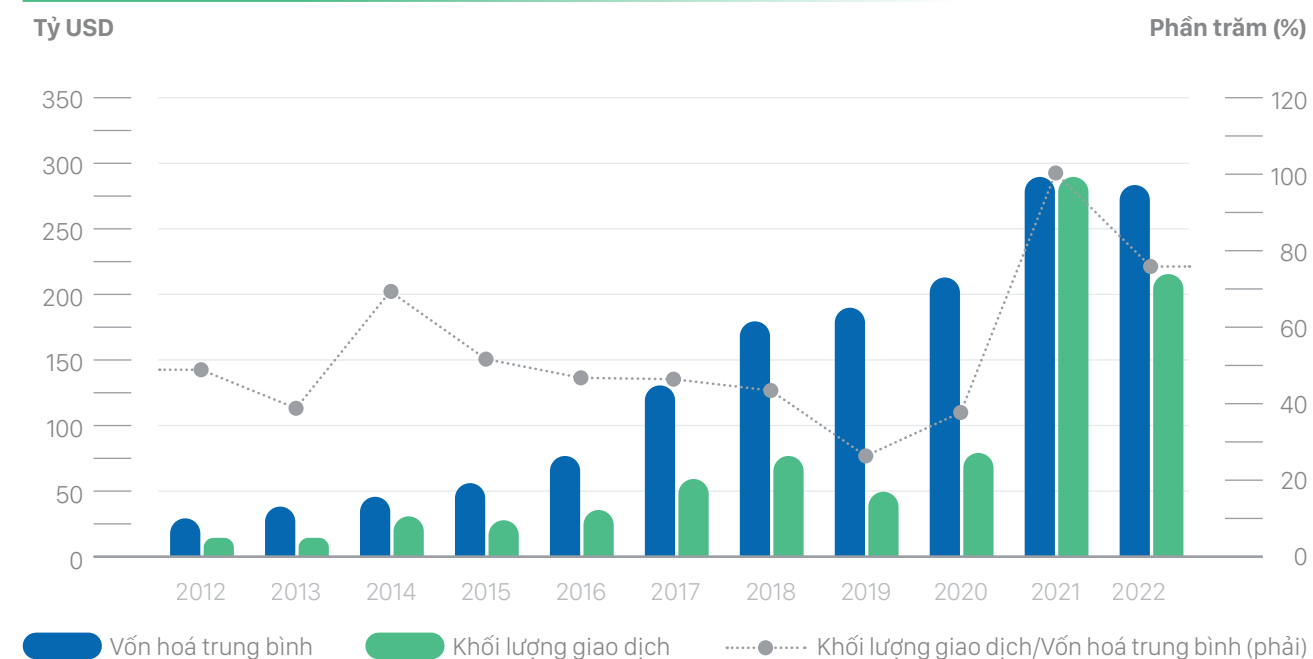
Giá trị giao dịch trung bình và số lượng tài khoản chứng khoán

Nguồn: Bloomberg, VSD, VCSC



Vốn hoá và Vốn hoá/GDP

Nguồn: Bloomberg, VSD, VCSC



VIỆT NAM TIẾP TỤC NẪM TRONG DANH SÁCH THEO DÕI NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG MỚI NỔI CỦA FTSE

Theo đánh giá phân loại thị trường mới nhất của FTSE được công bố vào tháng 9.2022, Việt Nam vẫn nằm trong danh sách theo dõi để nâng hạng từ "thị trường cận biên" lên "thị trường mới nổi thứ cấp". Việt Nam đã có mặt trong danh sách theo dõi của FTSE từ tháng 9 năm 2018 và hiện

đáp ứng hầu hết các tiêu chí cần thiết để được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp. Tuy nhiên, Việt Nam chưa đáp ứng tiêu chí 'Chu kỳ thanh toán DvP', tiêu chí mà FTSE hiện đang đánh giá là "bị hạn chế" - do nhà đầu tư phải ký quỹ đủ tiền mặt trước khi đặt lệnh giao dịch.

Nhân sự

15 NĂM

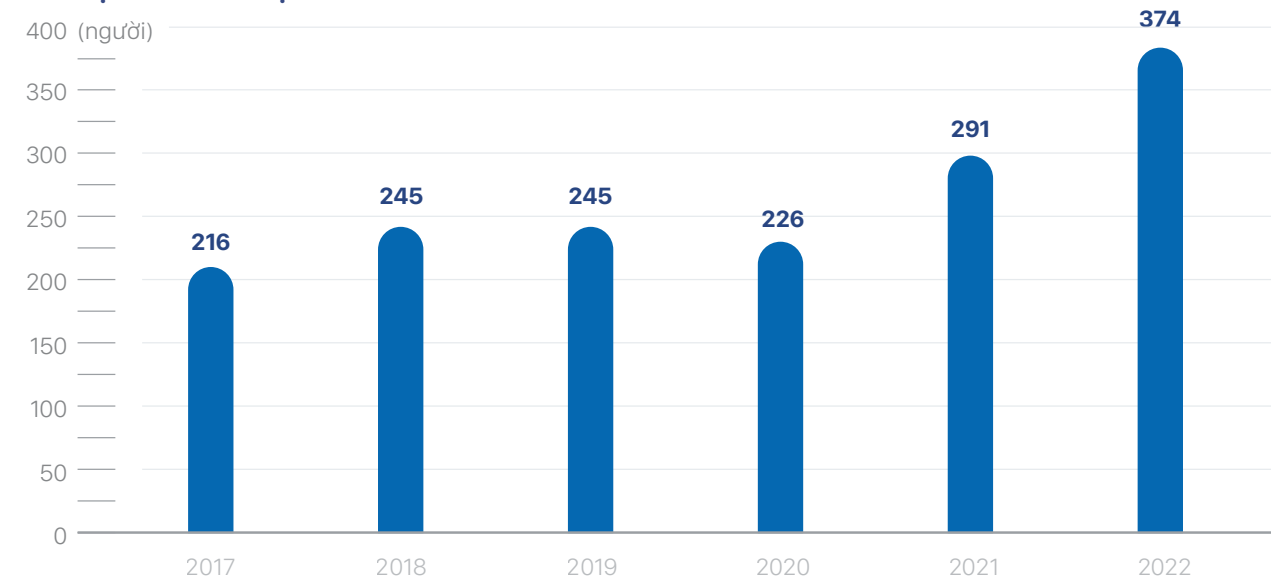
VCSC NĂM NỖ LỰC BỀN BỈ – DUY TRÌ VỊ THẾ



Ra đời năm 2007, VCSC là một trong số những công ty chứng khoán tại Việt Nam có tốc độ phát triển nhanh và ổn định. Đến nay, chúng tôi đã và đang tiếp tục khẳng định vị thế của một đơn vị tài chính uy tín hàng đầu với năng lực hỗ trợ khách hàng linh hoạt và hiệu quả nhất. Hoạt động kinh doanh của chúng tôi dựa trên nền tảng đạo đức, trung thực và giữ vững nguyên tắc lấy yếu tố “Con người” làm động lực tăng trưởng bền bỉ. Chìa khóa thành công của VCSC ngày hôm nay đến từ đội ngũ nhân sự, đó là sự cộng hưởng sức mạnh từ tinh hoa trí tuệ và nhiệt huyết cống hiến không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân sự VCSC trong suốt chặng đường 15 năm hình thành và phát triển.

Tại VCSC, giá trị nguồn nhân lực được trân trọng và vận dụng hiệu quả trên mọi phương diện, bao gồm cả kiến thức, kỹ năng chuyên môn và tinh thần cầu thị, nhiệt huyết tận tâm với khách hàng. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng dịch vụ, công tác đào tạo, khuyến khích, thúc đẩy, nuôi dưỡng và phát huy các giá trị tinh thần cũng như đảm bảo sự tin nhiệm của đội ngũ nhân sự đối với Công ty luôn được quan tâm chú trọng. Trên tinh thần đó, VCSC luôn tập trung hướng đến những giải pháp nhân sự mang tính lâu dài nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng bền vững, mang đến cho đội ngũ nhân sự những giá trị và lợi ích xứng đáng với những nỗ lực đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM 2017 - 2022



“Thành công của VCSC ngày hôm nay đến từ sự tận tâm cống hiến của toàn thể đội ngũ nhân sự VCSC.”

Các nguyên tắc cốt lõi đóng góp vào sự thành công của VCSC:

- Đặt lợi ích và sự hài lòng của khách hàng lên hàng đầu.
- Đạo đức nghề nghiệp là kim chỉ nam trong tất cả các hoạt động và sản phẩm dịch vụ mà chúng tôi cung cấp.
- Con người, nguồn vốn và danh tiếng là nguồn tài sản lớn nhất.
- Coi trọng đồng thời tinh thần làm việc nhóm và sáng kiến cá nhân để tạo ra hiệu quả tối ưu cho khách hàng và cổ đông của Công ty.
- Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ nhân sự được chúng tôi coi trọng, đảm bảo năng lực hoàn thành tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển kể từ khi thành lập đến nay, VCSC luôn trân trọng những giá trị đóng góp của mỗi thành viên đối với thành công chung của Công ty. Chúng tôi xây dựng văn hóa doanh nghiệp năng động, minh bạch và công bằng trên cơ sở giữ vững những giá trị cốt lõi trong định hướng quản trị điều hành, đảm bảo cơ hội thăng tiến và phát triển toàn diện cho đội ngũ nhân sự để họ yên tâm gắn bó lâu bền với tổ chức.

bản thân. Trong năm 2022, chúng tôi đã thực hiện chương trình cải tiến văn phòng làm việc, tái cấu trúc và phân bổ lại lực lượng nhân sự phù hợp với từng khu vực văn phòng, nâng cấp không gian làm việc hiện đại, góp phần truyền cảm hứng sáng tạo trong quá trình làm việc cho đội ngũ nhân sự.

Yếu tố then chốt để nắm giữ vị thế cạnh tranh trong việc thu hút và giữ chân nhân tài chính là kiến tạo môi trường làm việc chất lượng và lành mạnh bên cạnh việc đảm bảo chế độ đãi ngộ phù hợp. Ý thức sâu sắc về điều đó, VCSC luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, cởi mở và gắn gũi, nơi được xem như mái nhà thứ hai của đội ngũ nhân sự, giúp họ tìm được nguồn động lực mạnh mẽ và cảm hứng bất tận trong công việc và được tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của

Bên cạnh việc đảm bảo môi trường làm việc được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất hạ tầng và máy móc thiết bị phục vụ hiệu quả cho công việc, VCSC đặc biệt xem trọng yếu tố công bằng, bình đẳng để kiến tạo không gian làm việc hạnh phúc nhất cho đội ngũ nhân sự, theo nguyên tắc: không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc của người lao động. Mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, cống hiến, học tập, rèn luyện để gặt hái thành công và phát triển sự nghiệp tại VCSC.

GẮN KẾT CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ & CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Chiến lược kinh doanh của VCSC được xây dựng dựa trên nền tảng liên hệ mật thiết với chất lượng lao động và cam kết hiệu quả của đội ngũ nhân sự. Công tác quản trị nguồn nhân lực tại VCSC đảm bảo việc tuyển dụng, hỗ trợ, phát triển và thu hút nhân sự ở tất cả các cấp với nhiều nền tảng đa dạng, kỹ năng và kinh nghiệm khác nhau để cùng tham gia vào hoạt động vận hành và phát triển Công ty, tạo nền tảng vững chắc vượt qua thách thức và đón đầu những cơ hội phát triển mới. Chúng tôi đặc biệt chú trọng đầu tư vào yếu tố "Con người", củng cố văn hóa doanh nghiệp dựa trên niềm tin mạnh mẽ rằng: chiến lược kinh doanh đúng đắn cùng nền tảng văn hoá đoàn kết vững mạnh sẽ tạo ra hiệu suất vượt trội và bền vững.

VCSC đặc biệt ưu tiên tập trung chuẩn bị nguồn lực tối ưu về "Con người" để hiện thực hóa những chiến lược kinh doanh của Công ty. Trên tinh thần đó, năm 2022 đã chứng kiến bước đột phá về Nhân sự của VCSC khi thực hiện song song chiến lược tìm kiếm và xây dựng nguồn nhân lực mới bên cạnh việc duy trì và phát triển nguồn nhân lực hiện tại.

Nhằm hiện thực hóa đồng bộ mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng như tiên phong về công nghệ trong ngành chứng khoán, chúng tôi đã và đang nỗ lực tìm kiếm và xây dựng thành công một đội ngũ Công nghệ Đổi mới và Sáng tạo với vai trò cải tiến, nâng cấp và phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ đột phá mới dành cho khách hàng. Xác định được tầm quan trọng của thành tựu công nghệ trong việc nâng cao hiệu suất và năng lực cạnh tranh của Công ty, Ban Giám đốc chúng tôi đã và đang tạo mọi điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu công nghệ để đưa ra các phần mềm

công nghệ chứng khoán có tính ứng dụng cao, từng bước phát triển công nghệ mới về dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, phần mềm tự động hóa, đưa các thành quả nghiên cứu của Khối Công nghệ trở thành công nghệ lõi trong ngành chứng khoán.

Cùng với đó là đảm bảo an toàn thông tin ở mức độ cao nhất với các giải pháp củng cố đội ngũ nhân sự An toàn thông tin chất lượng, nâng cao năng lực quản lý, giám sát, bảo mật, nỗ lực triển khai đồng bộ các ứng dụng và hệ thống quản lý thông tin hiện đại trên cơ sở bảo mật tối đa, minh bạch cho khách hàng, đồng thời đảm bảo các giao dịch được an toàn và thông suốt.

Đội ngũ nhân sự Khối Môi giới tiếp tục nhận được sự quan tâm đầu tư phát triển mạnh mẽ, đảm bảo điều kiện hành nghề chứng khoán, trình độ và năng lực để tiếp cận, tư vấn hướng dẫn các sản phẩm ứng dụng mới cho khách hàng, qua đó góp phần vào mục tiêu tăng trưởng chung của Công ty. Chúng tôi đã và đang triển khai thực hiện chiến lược tiếp cận các ứng viên Môi giới chuyên nghiệp từ các Công ty trong ngành, dựa trên những lợi thế riêng biệt và thương hiệu bền vững trên thị trường của VCSC để thu hút các ứng viên tiềm năng tham gia phát triển sự nghiệp và đóng góp vào chiến lược dài hạn của Công ty. Song song với đó, chúng tôi tiếp tục phát triển đội ngũ nhân sự Khối Tài chính Doanh nghiệp, tập trung vào những nhân sự hàng đầu về kỹ năng chuyên môn và trình độ năng lực để đồng hành với nhân sự Khối Ngân hàng Đầu tư trong việc chủ động tư vấn và cung cấp các giải pháp tài chính hiệu quả cho doanh nghiệp. Đội ngũ nhân



sự tư vấn là những chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn tài chính, có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản với nhiều năm kinh nghiệm và đã thực hiện thành công các thương vụ tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức hàng đầu trong và ngoài nước nhiều năm qua. Trong năm 2022, đội ngũ chuyên gia tư vấn hàng đầu của VCSC đã có những đóng góp tích cực vào thành công chung của Công ty, giúp VCSC liên tục được vinh danh tại các giải thưởng lớn và các hạng mục quan trọng của các tạp chí tài chính uy tín hàng đầu trong khu vực.

Cũng trong năm 2022, VCSC tiếp tục xây dựng một đội ngũ Nghiên cứu trẻ, năng động và tiến bộ được dẫn dắt bởi các chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu và phân tích. Đây là đội ngũ kế cận đầy nhiệt huyết và tài năng tại VCSC, góp phần đảm bảo nguồn lực nhân sự nghiên cứu chuyên nghiệp giàu kinh nghiệm để mang đến cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế những nhận định thị trường, báo cáo chiến lược đầu tư, báo cáo vĩ mô, báo cáo ngành, báo cáo trái phiếu, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo về các đợt IPO và báo cáo phân tích kỹ thuật chuẩn xác nhất bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Chúng tôi cũng tiếp tục duy trì chiến lược bồi dưỡng và ươm mầm các nhân tài trẻ thông qua chương trình Thực tập sinh. Các nhân tài trẻ mang đến cho chúng

tôi sự nhiệt huyết, năng động trong cách thức tiếp cận khách hàng cũng như những ý kiến đóng góp đầy sáng tạo và đổi mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho VCSC. Tại VCSC, các nhân tài trẻ có cơ hội được thực tập, trải nghiệm môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, được học hỏi kiến thức và đào tạo nghiệp vụ bởi đội ngũ nhân sự tài năng giàu kinh nghiệm trong ngành. Với lợi thế hình ảnh và uy tín thương hiệu, chính sách đãi ngộ cạnh tranh công bằng và phù hợp, môi trường làm việc gắn kết bền vững, VCSC sẽ luôn là một trong những lựa chọn hàng đầu cho các ứng viên tài năng.

Song song với chiến lược tiếp cận nguồn ứng viên bên ngoài, chúng tôi tiếp tục duy trì chính sách đánh giá và đề xuất đội ngũ nhân sự hiện tại cho các vị trí mở. Tinh di động nội bộ tạo ra các kết nối xuyên suốt giữa các nhân viên trong Công ty và cho phép nhân viên ở tất cả các cấp có thể tận dụng các kỹ năng hiện có, đồng thời học hỏi và phát triển những kỹ năng mới. Điều này cũng cho thấy định hướng của Công ty trong việc tạo điều kiện cho các nhân sự có cơ hội phát triển sự nghiệp lâu dài. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để chúng tôi đảm bảo nguồn lực bền vững cho tổ chức, gia tăng sự hài lòng của đội ngũ nhân sự về nghề nghiệp hiện tại và thu hút nhân tài từ bên ngoài.

ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ THEN CHỐT

Khối Công nghệ	Khối An toàn thông tin	Khối Nghiên cứu và Phân tích	Khối Ngân hàng Đầu tư	Khối Tài chính Doanh nghiệp	Khối Môi giới
----------------	------------------------	------------------------------	-----------------------	-----------------------------	---------------

Số liệu nhân sự theo độ tuổi (%)



<30 tuổi: 39,04%
30<=40: 42,78%
40<=50: 16,84%
>50: 1,34%

Số liệu nhân sự theo giới tính (%)



Nam: 56,68%
Nữ: 43,32%

Số liệu nhân sự theo số năm cống hiến (%)



>10 năm: 13,64%
5-10 năm: 20,59%
<5 năm: 65,77%

- Tuyển dụng nhân tài đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau: Việt Nam, Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Canada, Ấn Độ, Hà Lan....
- Đội ngũ nhân tài đa dạng về chủng tộc, dân tộc, tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn...

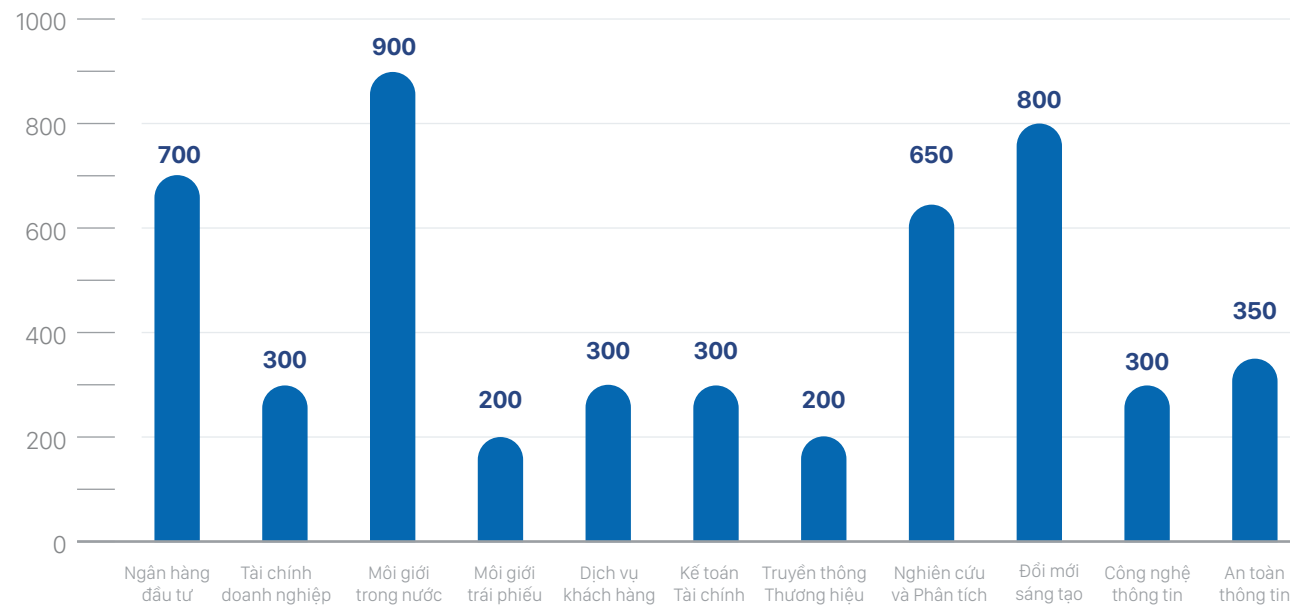
Tổng số ứng viên tiềm năng:

5.000

Một số trường tiêu biểu:

Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế, RMIT, Đại học Ngân hàng, Đại học Bách Khoa, Đại học FPT, Đại học Western Sydney, Đại học Pennsylvania, Đại học Cambridge, Đại học Melbourne, Đại học Công nghệ Sydney và các trường đại học quốc tế trong và ngoài nước khác.

Hồ sơ ứng viên



ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI



"Đầu tư vào phát triển con người là yêu cầu bắt buộc cho sự phát triển bền vững."

C hất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đứng trước sự biến chuyển liên tục của nền kinh tế xã hội trong thời đại mới, việc củng cố nền móng nguồn nhân lực chính là chìa khóa giúp doanh nghiệp nhanh chóng ứng biến và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Xác định triết lý này ngay từ những ngày đầu thành lập, chiến lược đầu tư cho sự phát triển toàn diện của "Con người" mà chúng tôi theo đuổi qua từng năm đã đóng góp vào sự phát triển bền vững của VCSC ngày hôm nay.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO NHÂN SỰ

Tối đa hóa năng lực làm việc thông qua chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự chính là chiến lược "sử dụng đúng người - đúng việc" của VCSC.

Nhằm đảm bảo nguồn nhân lực ổn định và đạt chất lượng cao để thực hiện hóa các mục tiêu kinh doanh của VCSC, chúng tôi tiếp tục triển khai sâu rộng các chương trình đào tạo trọng tâm, đào tạo nâng cao, các chiến dịch thi đua học tập. VCSC luôn khuyến khích xây dựng văn hóa học tập toàn diện dành cho toàn thể nhân sự về cả trình

độ chuyên môn và kỹ năng làm việc phù hợp với từng vị trí, cấp bậc thông qua các chương trình đào tạo của Công ty. Các chương trình này được thiết kế và triển khai toàn diện, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu không chỉ của riêng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước mà còn phù hợp với những yêu cầu nghề nghiệp trên nền tảng quản trị mang tính ứng dụng cao, giúp các nhân sự am hiểu và vững vàng trong lĩnh vực chứng khoán. Đặc biệt, đội ngũ nhân sự của VCSC luôn tự hào khi không ngừng gia tăng tỷ lệ sở hữu các chứng chỉ hành nghề quốc tế qua các năm như CFA, ACCA ...



CÁC CHỦ ĐỀ NỔI BẬT TRONG NĂM:

- Nâng tầm trải nghiệm dịch vụ khách hàng.
- Phân tích kỹ thuật & chiến thuật đi theo dòng tiền thông minh.
- Chương trình Morning call định kỳ.
- Quản trị rủi ro.
- Chuỗi chương trình “Sóng ngành cùng VCSC”.
- Chương trình Đào tạo hội nhập Nhân viên mới.
- Đào tạo Chuyên viên Môi giới chuyên nghiệp.
- Huấn luyện trở thành Chuyên viên Phân tích.
- Thực thi đổi mới để thành công.
- Phản hồi thông minh nơi công sở.
- Quản lý danh mục đầu tư.
- Gắn kết khách hàng tiềm năng.

Chúng tôi tiếp tục duy trì chính sách tài trợ toàn bộ chi phí đào tạo, theo đó các nhân sự được tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ thông qua các hình thức đào tạo phù hợp với từng vị trí công việc, bộ phận, và chương trình đào tạo. Chúng tôi luôn đặc biệt chú trọng đến việc cung cấp các chương trình đào tạo và cơ hội phát triển chuyên sâu toàn diện cho đội ngũ nhân sự.

Khối Kinh doanh: đảm bảo các nhân sự nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh đào tạo nội bộ nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ nhân viên môi giới thông qua chương trình đào tạo và các kì thi trực tuyến định kỳ 2 lần/năm về kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn.

Khối Ngân hàng Đầu tư và Tài chính Doanh nghiệp: việc lấy chứng chỉ Thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính ban hành là ưu tiên hàng đầu.

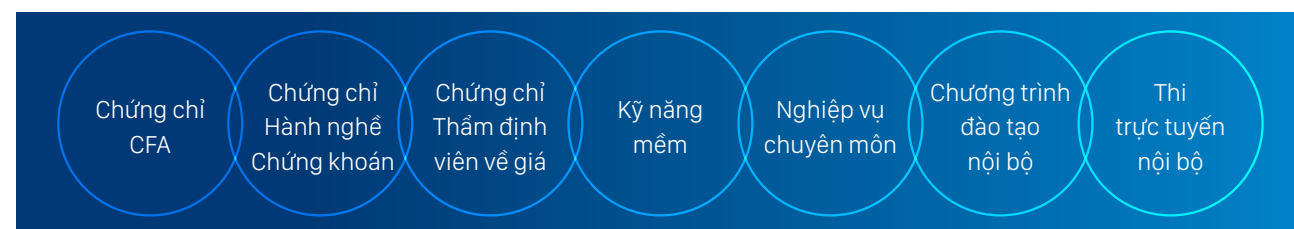
Khối Nghiên cứu và Phân tích: khuyến khích nhân viên thi lấy chứng chỉ CFA theo từng cấp độ.

Khối Công nghệ thông tin: công việc quản trị mạng đóng vai trò tối quan trọng đối với hoạt động của Công ty, do đó hàng năm đội ngũ chuyên viên công nghệ thông tin đều được tham gia các khóa đào tạo quản trị mạng tại các học viện uy tín, giúp trau dồi kinh nghiệm xử lý, khắc phục nhanh khi có sự cố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

Ngoài các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, chúng tôi cũng có cơ chế khuyến khích và hỗ trợ các bộ phận chuyên trách khác tham gia các lớp đào tạo nâng cao kỹ năng mềm, nhằm tăng cường sự tương tác, hiệu quả công việc và triển vọng nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Các khóa đào tạo kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, Kỹ năng trình bày tạo ảnh hưởng lớn, Kỹ năng đàm phán hiệu quả, Kỹ năng chăm sóc khách hàng, Kỹ năng ghi nhớ, v.v... cũng được tổ chức hàng năm, hợp tác cùng các trung tâm đào tạo có bề dày uy tín và kinh nghiệm tại Việt Nam.

Số lượng nhân viên có chứng chỉ CFA: **20**

Số lượng nhân viên có chứng chỉ Hành nghề Chứng khoán: **104**



KẾT NỐI VCSC VÀ KHÁCH HÀNG

Nhằm kết nối với các nhà đầu tư cá nhân tham gia thị trường chứng khoán, chúng tôi tiếp tục triển khai chuỗi chương trình “Sóng ngành cùng VCSC” trong năm 2022 với mục tiêu mang đến những góc nhìn phân tích chuyên sâu và đánh giá khách quan các ngành triển vọng, từ đó góp phần gia tăng cơ hội dành cho các nhà đầu tư đang đồng hành cùng VCSC hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và dài hạn. Chúng tôi tập trung thiết kế xây dựng chuỗi chương trình với các chủ đề thiết thực có tính thời sự cao mang lại giá trị vượt trội và khả năng ứng dụng cao, kết nối và đồng hành cùng nhà đầu tư trên hành trình đầu tư tài chính.

Các chương trình phát sóng xuyên suốt trong năm 2022 đã thu hút hơn 2.000 nhà đầu tư tham gia. Chuỗi chương trình đã nhận được những phản hồi tích cực và đánh giá cao của đông đảo nhà đầu tư khi cung cấp những thông

tin giá trị từ cơ bản đến nâng cao, chia sẻ kinh nghiệm và giải đáp thắc mắc theo từng chủ đề, đưa ra nhận định tổng quan về diễn biến thị trường thông qua phân tích cơ bản và kỹ thuật, báo cáo vĩ mô và chiến lược sóng ngành. Thành quả đạt được là động lực giúp chúng tôi tiếp tục nghiên cứu tìm tòi và phát triển thêm các chương trình sóng ngành hấp dẫn và bổ ích trong thời gian tới.

Trước làn sóng nhà đầu tư cá nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ trên thị trường chứng khoán, nắm bắt được nhu cầu về kiến thức đầu tư, song song với chuỗi chương trình “Sóng ngành cùng VCSC”, chúng tôi tiếp tục triển khai các khóa học VCI EDU do các chuyên gia hàng đầu từ VCSC chia sẻ về những kiến thức, kỹ năng mà nhà đầu tư mới cần trang bị khi thực chiến trên thị trường chứng khoán, các bài học kinh nghiệm và giới thiệu những quyển sách “gối đầu giường” dành cho nhà đầu tư mới.



RA MẮT NỀN TẢNG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN E-LEARNING

Đầu năm 2022, VCSC đã chính thức ra mắt hệ thống đào tạo trực tuyến (E-Learning) dành cho toàn thể đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu số hóa công tác đào tạo và phát huy hiệu quả kênh học tập thuận tiện mọi lúc mọi nơi. Các nhân sự có thể “tự học tập, tự nghiên cứu” khi có thể tiếp cận được nguồn tài nguyên học tập đa dạng trên mọi thiết bị và linh hoạt về thời gian, địa điểm, thuận tiện tương tác trong quá trình học tập. Với hơn 300 bài giảng được xây dựng mới với các hình thức khác nhau như: Microlearning, Gamification, Video..., chúng tôi xây dựng nội dung đào tạo nhất quán và được số hóa với nhiều tính năng hấp dẫn, sinh động, giúp truyền tải năng lượng và cảm hứng học tập cho nhân viên. Ngoài ra, chúng tôi cũng linh động chuyển đổi các khóa đào tạo nội bộ, hội thảo nghiệp vụ từ trực tiếp sang trực tuyến thông qua nền tảng Zoom meeting để đảm bảo tính cập nhật thường xuyên các kiến thức nghiệp vụ chuyên môn đến mỗi nhân sự VCSC.

5 KHÓA HỌC TIẾNG VIỆT ĐƯỢC QUAN TÂM NHIỀU:

- Phản hồi thông minh nơi công sở.
- Thực thi đổi mới để thành công.
- Kỹ năng phân tích cơ bản.
- Tiếp cận đầu tư cơ bản.
- Digital Marketing cơ bản.

5 KHÓA HỌC TIẾNG ANH ĐƯỢC QUAN TÂM NHIỀU:

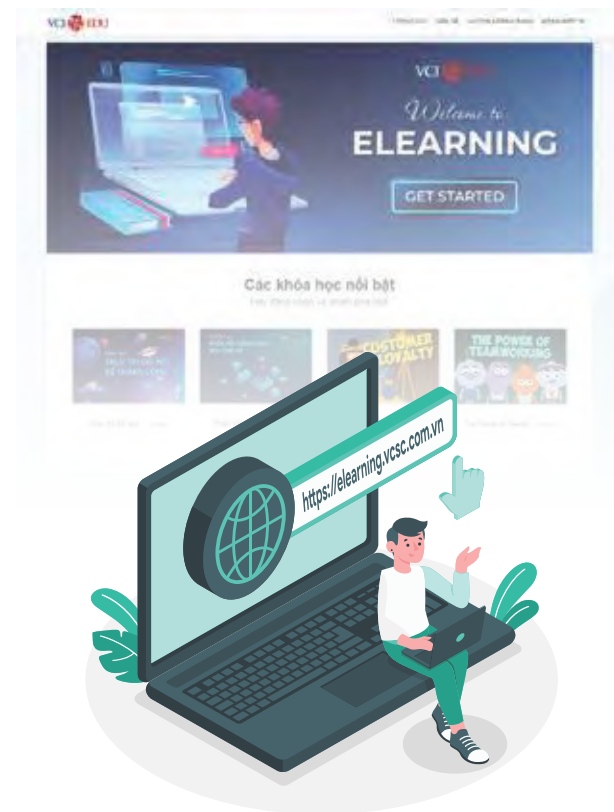
- Customer Relationships.
- The Importance of Brand.
- Customer Loyalty.
- Maintaining Customer Service.
- Effective Problem Solving.

Đặc biệt, chúng tôi đã triển khai thành công chương trình thi đua học tập dành cho tất cả nhân sự của VCSC trên hệ thống E-Learning, chương trình đã thu hút hơn 300 cán bộ nhân viên tham gia cùng với 3.471 lượt khóa học được hoàn thành và 5.232 giờ học tập... nhận được rất nhiều phản hồi tích cực từ chính đội ngũ nhân sự và Ban Lãnh đạo VCSC.

Trong năm 2022, số lượt truy cập:
(Lượt)

15.456

Nhân viên tham gia:
95%



QUẢN LÝ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC



Quản lý hiệu quả làm việc là một trong những chính sách quan trọng trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại VCSC được triển khai từ năm 2007 đến nay, nhằm kiểm soát, đánh giá và phân loại hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương, thưởng, góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương, thưởng, đãi ngộ và thăng tiến tại VCSC.

“QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CÔNG BẰNG, MINH BẠCH VÀ HIỆU QUẢ”

Việc phát triển các nhà lãnh đạo hiện tại và tương lai đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự thành công của Công ty. Vì vậy, quy trình đánh giá của chúng tôi được thực hiện định kỳ 6 tháng một lần, nhằm tìm ra những cá nhân xuất sắc để trao quyền – trao trách nhiệm ở những vị trí cao hơn, đồng thời qua đó tìm kiếm và phát hiện những nhân viên chưa đạt hiệu quả cao trong công việc để kịp thời có các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Chúng tôi khuyến khích nhân viên tự đánh giá kết quả công việc của bản thân, để nhân viên tự nhận thấy những ưu nhược điểm của mình, từ đó tự đề xuất, trao đổi và thống nhất với cấp quản lý về kế hoạch phát triển cá nhân trong tương lai.

Quy trình đánh giá của chúng tôi được xây dựng dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau nhằm đánh giá nhân viên một cách khách quan và toàn diện nhất. Một trong các phương

pháp nhóm là quy trình Đánh giá 360 độ, cho phép các giám sát viên, nhân viên, và đồng nghiệp tự đánh giá lẫn nhau về hiệu suất và quản lý rủi ro, tính tuân thủ và tính đa dạng. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng thực hiện các cuộc đánh giá khảo sát trực tuyến giữa các phòng ban liên quan với nhau, tiêu biểu là Cuộc khảo sát dành cho Khối Môi giới, nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của từng nhân viên thuộc Khối Nghiên cứu và Phân tích. Dựa trên các báo cáo phân tích mà Khối Nghiên cứu và Phân tích cung cấp để Khối Môi giới đưa ra những tư vấn chính xác nhất cho khách hàng.

Đánh giá đồng bộ và toàn diện chính là sự cam kết về cơ hội bình đẳng cho mọi nhân viên trên con đường phát triển sự nghiệp, đồng thời giúp đội ngũ điều hành VCSC đưa ra các quyết định phù hợp nhất trong việc trao cơ hội phát triển và thăng tiến cho những nhân sự tiềm năng.


“Những nhân viên có trách nhiệm hoàn thành và nỗ lực hết mình trong công việc luôn xứng đáng có được sự ghi nhận và khen thưởng từ Công ty.”


“CƠ HỘI THĂNG TIẾN - MẪU CHỐT GIỮ CHÂN NHÂN TÀI”



CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỘ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng, triển khai và điều chỉnh kịp thời chính sách lương, thưởng và chế độ đãi ngộ để thu hút và tưởng thưởng nhân tài. Chính sách lương, thưởng của chúng tôi được xây dựng và cải tiến dựa trên những đóng góp của nhân viên trên cơ sở khảo sát lương, thưởng trên thị trường lao động, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và xứng đáng.

 Trên tiêu chí rõ ràng và minh bạch, chúng tôi nỗ lực mang đến cho đội ngũ nhân sự những giá trị vật chất và tinh thần mà họ xứng đáng được nhận.

 Thu nhập của mỗi một nhân viên tỉ lệ thuận với sự đóng góp của nhân viên vào hiệu quả kinh doanh của VCSC. Điều đó đã khích lệ tinh thần làm việc nhiệt huyết và trách nhiệm của nhân viên để đạt hiệu quả tốt nhất trong công việc, không chỉ giúp VCSC tăng trưởng trong giai đoạn khó khăn mà còn giúp cho VCSC phát triển bền bỉ, mạnh mẽ hơn.


Lợi nhuận bình quân đầu người qua các năm


STT	LNTT (VNĐ)	Số NV (Người)	LN/người (VNĐ)
2017	802.977.679.615	216	3.717.489.257
2018	1.011.455.908.924	245	4.128.391.465
2019	855.007.109.256	245	3.489.824.936
2020	951.038.957.081	226	4.208.136.978
2021	1.850.585.393.088	291	6.359.399.976
2022	1.059.738.713.385	374	2.833.525.972





 Số nhân viên được thăng chức **52**


VCSC cam kết rằng các quyền và chính sách pháp lý hợp pháp của nhân viên đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật và Bộ luật Lao động, các quy định về chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

 VCSC tiếp tục duy trì áp dụng chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên chủ chốt (ESOP) hàng năm nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và sự gắn bó lâu dài với Công ty.

 VCSC bảo vệ và chăm lo sức khỏe toàn diện cho nhân viên thông qua chính sách thăm khám sức khỏe hàng năm và chương trình bảo hiểm cao cấp PVI cho nhân viên.

 VCSC nỗ lực nâng cao tinh thần làm việc và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động hội nhóm như: các hoạt động thể thao, ngày sinh nhật Công ty, tiệc tất niên hợp mặt cuối năm, ngày hội gia đình, ngày Tết thiếu nhi, chương trình nghỉ dưỡng, du lịch hàng năm trong và ngoài nước, kết hợp với các hoạt động vui chơi tập thể. VCSC đã có chuyến nghỉ dưỡng tại một số quốc gia như: Hongkong, Campuchia, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia.

 VCSC tiếp tục duy trì các chính sách đãi ngộ linh hoạt như: trợ cấp công tác phí, trợ cấp ốm đau, thai sản, tiền mừng ngày 8.3, kỉ niệm ngày kết hôn của nhân viên, phụ cấp điện thoại, đăng ký bãi xe công ty, ...

 VCSC duy trì áp dụng chính sách nghỉ phép cho nhân viên được hưởng lương đầy đủ: nghỉ phép hàng năm, nghỉ phép kết hôn, nghỉ phép tang chế, nghỉ phép cho nhân viên nam có vợ trong thời kỳ thai sản, nghỉ phép đào tạo.



ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP - CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI VCSC



"Đạo đức nghề nghiệp chính là tài sản vô hình quý giá nhất của người hành nghề."



Thành công của VCSC qua chặng đường 15 năm hình thành và phát triển, ngoài yếu tố Con người, còn có sự đóng góp rất lớn từ sự tin nhiệm, tin tưởng và đồng hành hỗ trợ từ các đối tác liên quan, bao gồm các khách hàng, cổ đông và nhân viên của Công ty. Sự phát triển bền vững của Công ty phải dựa trên tính chính trực và chuyên nghiệp của tất cả các thành viên, bao gồm cả đội ngũ lãnh đạo và toàn thể nhân sự trong Công ty.

"Vì quyền lợi cùng sự tin tưởng và tín nhiệm của các đối tác, vì sự phát triển bền vững của VCSC, chúng tôi cam kết không ngừng hoạt động dựa trên những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh của VCSC."

Chúng tôi nhận thức và đề cao những giá trị sau đây như những thế mạnh cốt lõi của Công ty:



VCSC

nhận thức rõ ràng và đặt mục tiêu cụ thể về trách nhiệm của Công ty đối với các đối tác liên quan:



Mỗi nhân viên trong VCSC có trách nhiệm:

- Tuân thủ tất cả các quy tắc và quy định
- Hết lòng vì tinh thần làm việc nhóm
- Đảm bảo sự tin cậy, tính chuyên nghiệp
- Hành xử trung thực, có đạo đức, khách quan, trách nhiệm, cẩn trọng, chuyên cần
- Bảo vệ, sử dụng hiệu quả mọi tài sản, nguồn lực của VCSC
- Đối xử với đối tác liên quan một cách công bằng
- Báo cáo những vi phạm về quy định, luật pháp
- Không ngừng phấn đấu để hoàn thiện những kỹ năng trong công việc

VCSC cam kết sự tuân thủ:

- Các bộ luật, quy định, chính sách và tiêu chuẩn có liên quan
- Duy trì quy trình quản lý mẫu mực và môi trường làm việc tuân thủ luật định và kiểm soát chặt chẽ
- Tránh không chỉ những sai phạm thực tế mà còn cả nguy cơ sai phạm trong việc thực hiện Quy tắc Đạo đức

VCSC cam kết các nguyên tắc cơ bản trong việc giao tiếp:

- Thẳng thắn, rõ ràng và chủ động
- Chỉ dẫn tường tận cho các nhân viên trước hoặc cùng lúc như cho các đối tác liên quan
- Chỉ định người phát ngôn trước phương tiện truyền thông và quan hệ với nhà đầu tư
- Không đưa ra những bình luận công khai về từng cá nhân khách hàng, các vấn đề cá nhân, đối thủ cạnh tranh và các cuộc điều tra còn đang tiếp diễn
- Không bình luận về những tin đồn

Bảo mật thông tin:

- VCSC cam kết tuyệt đối giữ gìn bí mật và bảo vệ thông tin của khách hàng
- Chúng tôi duy trì sự bí mật của bất kỳ thông tin nào khách hàng cung cấp cho chúng tôi trừ trường hợp việc cung cấp thông tin ra bên ngoài được khách hàng cho phép hoặc theo luật
- Chia sẻ thông tin trong nội bộ Công ty một cách thận trọng
- Cẩn trọng khi tiếp nhận, xử lý và lưu giữ (cất giữ) thông tin
- Tuân thủ các quy trình và quy chuẩn về bảo mật thông tin

Bộ Phận Ngân hàng Đầu tư



Việt Nam và thế giới bước vào năm 2022 với nhiều kỳ vọng sau một thời gian dài chịu ảnh hưởng sâu rộng từ đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, mọi kỳ vọng phục hồi kinh tế đã sớm bị dập tắt trước mâu thuẫn chính trị giữa Nga và Ukraine nổ ra vào cuối tháng 2.2022. Theo đó, "lạm phát" trở thành từ khóa phổ biến bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế thế giới. Để đối phó với tình trạng này, bất chấp những hạn chế về nhu cầu tiêu dùng, Fed và các ngân hàng trung ương lần lượt công bố lộ trình đẩy mạnh lãi suất sau hơn 1 thập kỷ duy trì ở mức siêu thấp. Điều này đã gây áp lực lớn về tỷ giá so với USD cho các quốc gia có nền kinh tế mở nhưng quy mô nhỏ và phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên vật liệu như Việt Nam. Thêm vào đó, trong lúc các quốc gia dần mở cửa trở lại cuộc sống trước COVID-19 thì Trung Quốc, nước đóng góp hàng đầu vào sản xuất thế giới và cũng là một đối tác thương mại

quan trọng của Việt Nam tiếp tục phải duy trì chính sách đóng cửa để kiểm soát tình hình dịch bệnh trong nước, điều này khiến chuỗi cung ứng thế giới tiếp tục bị gián đoạn. Trong bối cảnh đó, dòng tiền bị rút mạnh khỏi hệ thống tài chính toàn cầu, khiến hoạt động phát hành và IPO trên toàn thế giới ngưng trệ, và thị trường trong nước cũng không nằm ngoài vòng ảnh hưởng. Mặt khác, tại Việt Nam, các sai phạm liên quan đến việc phát hành trái phiếu đã góp phần tạo ra tâm lý cảnh giác, dè chừng cho các nhà đầu tư. Hoạt động phát hành trái phiếu và huy động vốn vay của các doanh nghiệp gần như hoàn toàn đóng băng trong nửa cuối năm 2022. Những khó khăn trên đánh dấu một năm đầy biến động trên thị trường tài chính trong và ngoài nước đối với các hoạt động huy động vốn.



Trước thực tế đó, bộ phận Ngân hàng Đầu tư (Investment Banking - IB) của VCSC đã nhìn nhận những khó khăn chung của toàn ngành, phân tích đánh giá tình hình cụ thể để phát huy tối đa những lợi thế sẵn có. Tiếp nối một năm 2021 thành công khi là một trong số ít các nhà tư vấn trên thị trường có thể duy trì khả năng "close deal" trong mùa dịch, VCSC bước vào năm 2022 với tài sản quý giá nhất là sự tin tưởng tín nhiệm và đồng hành của các đối tác, khách hàng. Với những thành quả cụ thể đã đạt được trong suốt thời gian qua, VCSC đã và đang thuyết phục khách hàng Việt Nam đặt niềm tin vào các ngân hàng đầu tư nội địa nhiều hơn thay vì các đơn vị nước ngoài. Trải qua biến động do ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, không thể phủ nhận một thực tế rõ nét rằng trong bối cảnh đầy thách thức vừa qua thì chính các ngân hàng đầu tư nội địa mới là những đơn vị có lợi thế về hiểu biết văn hóa và nguồn lực để hỗ trợ các công ty huy động vốn, khi các ngân hàng đầu tư nước ngoài gặp nhiều hạn chế trong vận hành vì các trở ngại về địa lý và am hiểu địa phương.

Trong năm vừa qua, bộ phận Ngân hàng Đầu tư của VCSC tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu của mình trong các thương vụ liên quan đến vốn cổ phần (equity). Các thương vụ tư vấn về vốn cổ phần gồm các thương vụ M&A, huy động vốn trong năm 2022 đều là những thương vụ đặc biệt, xét về quy mô, tính phức tạp và mức độ ảnh hưởng đến nền kinh tế xã hội. Bộ phận Ngân hàng Đầu tư của VCSC xác định việc kiên định đồng hành lâu dài với các doanh nghiệp trên cơ sở tạo ra những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, phục vụ thiết thực cho cộng đồng xã hội, góp phần kiến tạo nền móng phát triển bền vững cho nền kinh tế. Đây không chỉ là chiến lược tạo ra sự khác biệt mà cũng đồng thời là một tôn chỉ về hoạt động điều hành, quản trị rủi ro và phát triển thị trường giúp VCSC tồn tại bền vững và mạnh mẽ vươn lên giữa những biến động của nền kinh tế.



Bộ Phận Tài chính Doanh Nghiệp

Bộ phận Tài Chính Doanh nghiệp (Corporate Finance - CF) được thành lập vào tháng 2.2022 với định hướng cung cấp các giải pháp tài chính doanh nghiệp đa dạng cho các khách hàng doanh nghiệp bên cạnh các dịch vụ tư vấn hiện có của Công ty. Các nghiệp vụ tư vấn của CF bao gồm các nghiệp vụ tư vấn mua bán sáp nhập (M&A), tư vấn huy động vốn thông qua các hình thức chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), chào bán riêng lẻ, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp...

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô thế giới và Việt Nam gặp nhiều thách thức trong năm 2022 khi các ngân hàng Nhà nước thực thi chính sách siết chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát, giá trị của hầu hết tài sản sụt giảm nhanh chóng khiến nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn và tốc độ luân chuyển vốn trong nền kinh tế cũng bắt đầu chậm lại. Trước tình hình đó, CF đã linh động triển khai tìm kiếm các cơ hội liên quan đến dịch vụ tái cấu trúc doanh nghiệp, chia tách, hợp nhất các mảng kinh doanh, công ty thành viên của các tập đoàn để giúp khách hàng tiết giảm những khoản

chi phí không cần thiết, giữ vững được biên lợi nhuận để vượt qua những giai đoạn khó khăn. Trong năm 2022, CF đã ký kết và thực hiện tư vấn cho 02 tập đoàn lớn của Việt Nam và 01 tập đoàn nước ngoài liên quan đến hoạt động tư vấn tái cấu trúc, hợp nhất hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, CF đang triển khai dịch vụ tư vấn thoái vốn, M&A và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho các khách hàng doanh nghiệp niêm yết với tổng giá trị lên đến 2.000 tỷ đồng. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và trong nước tiếp tục dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn trong năm 2023, CF vẫn tin rằng các cơ hội kinh doanh sẽ tiếp tục được mở ra khi các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ gia đình sang mô hình quản lý chuyên nghiệp, đồng thời với việc các cơ quan Nhà nước thực hiện chấn chỉnh các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán sẽ giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm đầu tư vào các doanh nghiệp Việt Nam.

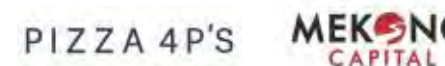


THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU

VCSC tự hào là đơn vị tư vấn độc quyền cho những thương vụ sau đây trong năm 2022:



Tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Tập đoàn Masan. Ngoài giá trị giao dịch thuộc hàng cao nhất từ trước đến nay trong ngành hàng ăn uống, thương vụ này được kỳ vọng sẽ chấp cánh cho Phúc Long, từ một thương hiệu trà sữa dẫn đầu thị trường trở thành một thương hiệu quốc dân, trên cơ sở đó mang văn hóa thưởng thức trà độc đáo của Việt Nam vươn tầm Đông Nam Á. Việc mua Phúc Long cũng là một mảnh ghép hoàn hảo cho hệ sinh thái nhắm đến việc lấy khách hàng làm trọng tâm để phục vụ của Tập đoàn Masan.



Tư vấn cho Mekong Capital bán phần vốn tại Pizza 4P's - một chuỗi pizza với công thức độc đáo. Đây cũng là một thương vụ không đơn giản khi ngành dịch vụ ăn uống bị ảnh hưởng hết sức nặng nề trong năm 2021 bởi các đợt giãn cách xã hội. Tuy nhiên, VCSC đã tận dụng kinh nghiệm tư vấn cũng như kĩ năng thương thuyết để thuyết phục các nhà đầu tư tin vào tương lai của Công ty sau bình thường mới cũng như tài năng của đội ngũ lãnh đạo. Nhà đầu tư mới được kỳ vọng sẽ tiếp nối những chiến lược và tầm nhìn của đội ngũ người sáng lập để tiếp tục phát triển những công thức sử dụng nguồn nguyên liệu sạch, hoàn toàn được sản xuất ở Việt Nam theo các tiêu chuẩn phát triển bền vững với tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng xã hội.



Tư vấn cho Indorama Venture hoàn tất việc mua lại Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương Mại Ngọc Nghĩa - một trong những công ty đi đầu trong lĩnh vực bao bì nhựa PET tại Việt Nam. Thương vụ chào mua công khai này của Indorama Venture là một phần chiến lược mở rộng của tập đoàn trong mảng bao bì, từ đó mở rộng hoạt động tại các thị trường có tiềm năng ở khu vực, trong đó có Việt Nam.



Tư vấn cho Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ), nhà sản xuất trang sức hàng đầu Việt Nam, chào bán riêng lẻ 15 triệu cổ phiếu với tổng giá trị 60 triệu đô-la Mỹ cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, mặc dù Công ty đã trải qua một năm 2021 đầy khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, với một mức định giá làm tất cả các bên hài lòng. Với số tiền huy động trong lần này, PNJ có thể đẩy mạnh việc mở rộng chuỗi cửa hàng để tận dụng cơ hội phục hồi của thị trường sau đại dịch.



Đồng tư vấn cho JERA, doanh nghiệp sản xuất năng lượng lớn nhất Nhật Bản trong việc mua lại 35% cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC). Giao dịch hỗ trợ cho JERA thâm nhập vào ngành sản xuất năng lượng tái tạo của Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện để GEC được tiếp cận với các công nghệ hàng đầu và nguồn tài chính dồi dào trong lộ trình đạt mục tiêu nâng công suất năng lượng tái tạo lên hơn 2.000 MW vào năm 2025, trong đó 2/3 đến từ điện gió.



Tư vấn cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, nhà xây lắp và tổng thầu các công trình điện số 1 Việt Nam, đặc biệt là các công trình có yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao, chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 1.200 tỷ đồng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Số vốn huy động ở mức lãi suất hợp lý trong bối cảnh nhà đầu tư quay lưng với thị trường trái phiếu và lãi suất liên tục biến động khó lường chứng tỏ uy tín mạnh mẽ của PC1 và đội ngũ thu xếp vốn VCSC. Tiềm lực tài chính được gia tăng giúp PC1 kịp thời nắm bắt và triển khai các cơ hội đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Kết thúc một năm 2022 đầy biến động với nhiều thành quả tích cực, chúng tôi nhận ra rằng nguồn lực quý giá nhất mà VCSC có được là sự tin tưởng đồng hành của khách hàng; đây là nguồn lực dài hạn, không thuế, không "tăng lãi suất" và ngày càng bền vững hơn khi thị trường biến động. Chính nguồn vốn quý giá này đã và đang giúp sức cho VCSC hướng đến một năm 2023 với nhiều kỳ vọng rực rỡ hơn bất chấp những dự báo đầy thách thức trước tình hình kinh tế toàn cầu đang ở ngưỡng suy thoái.

Chúng tôi nhìn nhận những cơ hội về M&A và huy động vốn sẽ mở ra khi **i)** việc mất thanh khoản trên thị trường dẫn đến các doanh nghiệp cần bán các tài sản tốt có giá trị ở mức giá phù hợp nhằm giải quyết tình trạng thanh khoản, **ii)** các nhà đầu tư với lượng lớn tiền mặt đang tích cực tìm các tài sản tốt với định giá phù hợp và **iii)** nhu cầu gọi vốn của các doanh nghiệp để phát triển vẫn là rất lớn. Chính vì tính cấp thiết của nhu cầu vốn, thời gian đàm phán và kết thúc thương vụ sẽ được đẩy nhanh hơn để phù hợp với nhu cầu của cả bên mua và bên bán. Đó chính là lý do để VCSC tự tin hướng đến một năm 2023 thành công với nhiều đột phá ấn tượng hơn nữa.



GIẢI THƯỞNG VINH DANH

Với các thành quả đạt được trong năm qua, VCSC tiếp tục được vinh danh tại hàng loạt các hạng mục giải thưởng quan trọng bởi các tạp chí tài chính uy tín hàng đầu của khu vực:



"Ngân hàng đầu tư tốt nhất"
 "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 "Nhà tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam"
 và "Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam" do Global Brands bình chọn.



"Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa tốt nhất Việt Nam" do Global Business Outlook bình chọn.



"Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam"
 và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" do Asiamoney bình chọn.



"Ngân hàng đầu tư tốt nhất" do Euromoney bình chọn.



"Nhà tư vấn M&A tốt nhất giai đoạn 2021 - 2022"
 do M&A Forum Vietnam bình chọn.



Môi giới - Khách hàng trong nước và thị phần



Kết thúc năm 2022, thị phần môi giới của VCSC vẫn nằm trong Top 7 trên HSX với **4,72% thị phần**, giảm 3% so với năm 2021. Thực tế này bắt nguồn từ việc giao dịch trên thị trường năm 2022 tiếp tục chủ yếu đến từ khối cá nhân trong nước, trong khi giao dịch của khối nước ngoài chiếm tỷ trọng khá cao trong thị phần của VCSC lại chứng kiến sự sụt giảm trong bối cảnh biến động nói chung của tình hình kinh tế thế giới và mức tăng của khối môi giới trong nước không theo kịp để bù đắp lại thiếu hụt giá trị giao dịch của khối ngoại.

CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

Sự kiện đáng chú ý trong năm 2022

- Mở cửa trở lại sau giai đoạn phong tỏa vì COVID-19
- Nga phát động cuộc chiến tại Ukraine 24.02.2022
- Triển khai điều tra về các hành vi thao túng thị trường chứng khoán
- FED có chuỗi 7 lần tăng lãi suất với tốc độ nhanh và mạnh nhất trong lịch sử
- Chính phủ đẩy nhanh chính sách thắt chặt tiền tệ và nâng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Cụ thể điều chỉnh biên độ tỷ giá từ +/- 3% lên +/- 5% cũng như tăng lãi suất cơ bản lên 2%.

Diễn biến Index:

Sau khi VN-Index vượt 1.500 điểm và lập đỉnh ngày 10.01.2022 với điểm số trong phiên ở mức 1.536,4 điểm, thị trường bắt đầu bước vào đà sụt giảm. Theo đó, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022 đã sụt giảm khoảng 33% so với cuối năm 2021 khi VN-Index lùi về mốc 1.007,09 điểm (30.12.2022). Thanh khoản trên thị trường chứng khoán liên tục giảm cả về khối lượng và giá trị khớp lệnh với giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2022 là 20.350 tỷ đồng/phiên, giảm 23,4% so với năm 2021 (26.589 tỷ đồng/phiên), thanh khoản cao nhất 41.700 tỷ đồng/phiên và phiên thấp kỷ lục vào ngày 23.11.2022 chỉ còn 7.856 tỷ đồng.

Sau chuỗi sự kiện FLC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát, chỉ số VN-Index liên tục phá đáy, VN-Index liên tục thủng các ngưỡng hỗ trợ, trước khi chạm 873,78 điểm vào ngày 16.11.2022 và là điểm thấp nhất của năm 2022, sau đó thị trường tăng trở lại và dao động quanh mức 1.000 – 1.100 điểm. Phân khúc nhà đầu tư cá nhân trong nước năm 2022 tiếp tục lập kỷ lục về lượng mở mới tài khoản chứng khoán với gần 2,5 triệu tài khoản, bằng tổng số tài khoản mở mới trong 5 năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 cộng lại. Theo đó, tổng số lượng tài khoản chứng khoán hiện có trên cả nước là gần 6,8 triệu tài khoản.

Thị phần giá trị giao dịch môi giới cả năm 2022 của 10 Công ty Chứng khoán lớn nhất tại SGDCK TP.HCM

STT	Tên công ty chứng khoán	Tên viết tắt	Thị phần
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	VPS	17,38%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	9,84%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VNDS	7,88%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HSC	5,72%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	MAS	5,47%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	TCBS	5,12%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	VCSC	4,72%
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	MBS	4,63%
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	FPTS	3,21%
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	KIS	2,87%

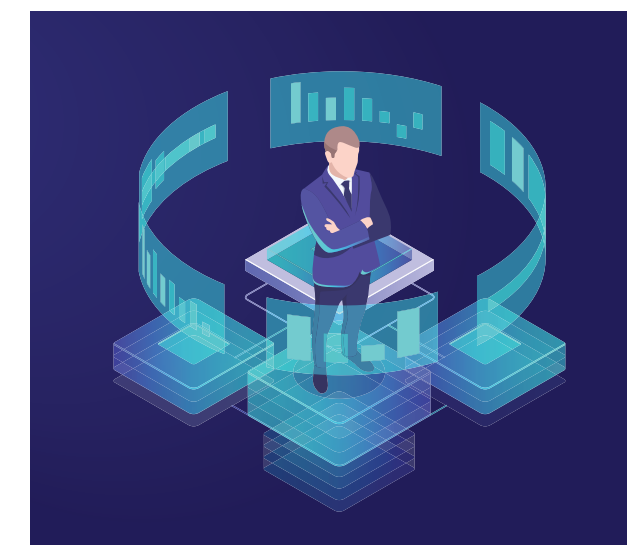
10 nhà môi giới chứng khoán lớn nhất trên sàn HOSE năm 2022 đang chiếm 66,84% thị phần, tăng 1,61% so với năm 2021 (65,78%). Năm nay, vị trí dẫn đầu tiếp tục thuộc về các công ty chứng khoán mạnh về công nghệ và vốn.

Doanh thu môi giới trong nước khoảng 458 tỷ đồng (giảm mạnh so với năm 2021 là 770 tỷ đồng), doanh thu môi giới bình quân đầu người đạt gần 3 tỷ đồng, giảm so với năm 2021 do thanh khoản thị trường giảm cũng như số lượng nhân sự môi giới tăng lên hơn 24% so với cùng kỳ năm trước. Hiện tại VCSC vẫn duy trì mức doanh thu bình quân đầu người thuộc top đầu thị trường, điều này cho thấy hiệu quả hoạt động của Khối Môi giới trong nước.

CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Thị trường Chứng khoán Phái sinh (TTCKPS) năm 2022 ghi nhận đà tăng trưởng khá ấn tượng với số lượng tài khoản mở mới. Theo dữ liệu từ HNX, đến hết Q3.2022, số lượng tài khoản trên TTCKPS đạt 1.101.704 tài khoản, so với mốc 423.639 tài khoản được ghi nhận ngày 06.08.2021 (nhân dịp kỷ niệm 1.000 phiên giao dịch CKPS), số lượng tài khoản CKPS đã tăng trưởng 160% trong thời gian khoảng 1 năm, gấp hơn 6 lần so với cuối năm 2020.

Về khối lượng giao dịch, cả năm 2022 ghi nhận 67.882.734 hợp đồng khớp lệnh, tương ứng 8.123.578 tỷ đồng. Tương đương trung bình mỗi phiên trong năm 2022, khối lượng giao dịch CKPS là 272.621 hợp đồng/phiên, tương ứng



32.625 tỷ đồng giá trị giao dịch/phiên. So với năm 2021, CKPS ghi nhận tăng trưởng 44% về khối lượng hợp đồng (năm 2021: 189.212 hợp đồng/phiên) và tăng trưởng 25% về giá trị khớp lệnh (năm 2021: 26.182 tỷ đồng/phiên).

Khối ngoại giao dịch trên TTCKPS năm 2022 ghi nhận mức tăng 82% về khối lượng hợp đồng, tương đương 1.203.362 hợp đồng so với 660.727 hợp đồng năm 2021. Về giá trị, khối ngoại đóng góp 149.267 tỷ đồng, tăng trưởng 60% so với mức 93.159 tỷ đồng đóng góp trong cả năm 2021. Tuy nhiên, tỷ trọng khối ngoại chỉ chiếm khoảng 1,8% so với tổng khớp lệnh trên TTCKPS, còn khá thấp so với các giao dịch trong nước.

Môi giới Khách hàng tổ chức



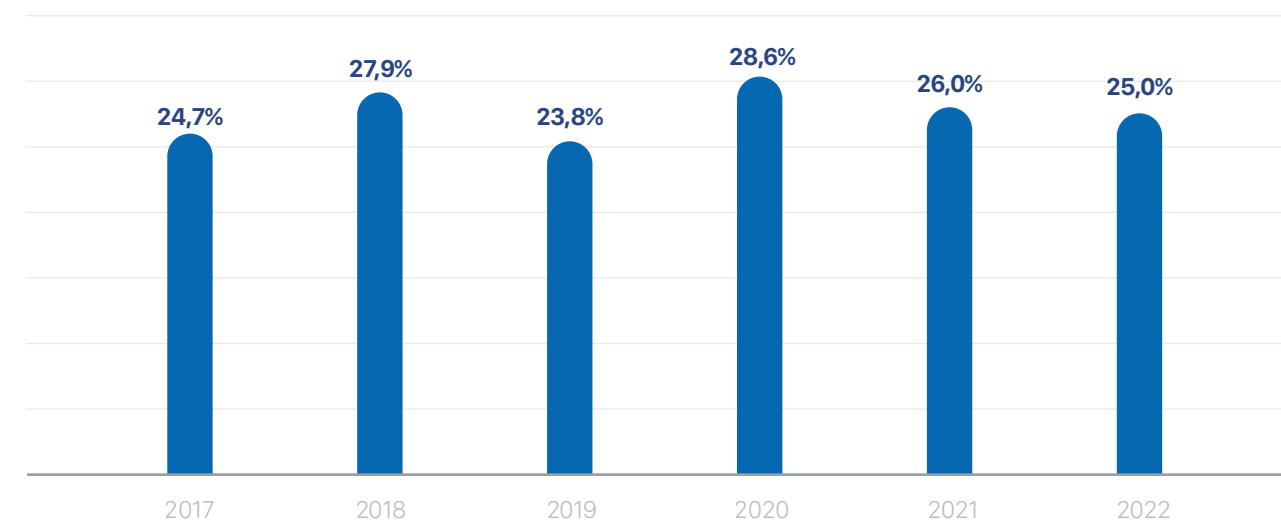
Bộ phận Môi giới Khách hàng tổ chức của VCSC tự hào là đội ngũ dẫn đầu trong ngành chứng khoán Việt Nam. Bất chấp một năm 2022 đầy biến động trên thị trường chứng khoán. Chúng tôi vẫn tiếp tục cam kết cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và toàn diện nhất cho các khách hàng tổ chức của chúng tôi. Đội ngũ Sales của chúng tôi đã cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị đáp ứng đúng nhu cầu của nhà đầu tư; đội ngũ Traders đã đảm bảo thực hiện tốt nhất các giao dịch cho khách hàng; đội ngũ Corporate Access đã tổ chức các cuộc họp với doanh nghiệp trực tiếp và theo nhu cầu của khách hàng.

Ngay sau khi Việt Nam dỡ bỏ các hạn chế đi lại liên quan đến dịch COVID-19 đầu năm 2022, chúng tôi đã ngay lập tức tổ chức các cuộc họp trực tuyến sang các buổi gặp gỡ trao đổi trực tiếp với khách hàng. Chúng tôi đã tổ chức các cuộc họp cho nhà đầu tư trên khắp thế giới bao gồm Châu Á, Châu Âu, Trung Đông và Hoa Kỳ... Hơn thế nữa, chúng tôi rất vui mừng quay lại tổ chức Hội nghị Đầu tư Quốc tế Vietnam Access Day (VAD) thường niên lần thứ 10 theo hình thức sự kiện tập trung. Chúng tôi đã tiếp đón hơn 350 nhà đầu tư tổ chức, 40 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và 16 chuyên gia, diễn giả đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Hội nghị là cơ hội để thảo luận về các xu hướng thị trường mới nhất, tìm kiếm cơ hội đầu tư, chia sẻ thông tin và thúc đẩy dòng vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán. VAD tái khẳng định niềm tin của chúng tôi: Việt Nam sẽ là điểm đến hấp dẫn cho các khoản đầu tư dài hạn.

Năm 2022, chúng tôi đạt được 25% thị phần môi giới khách hàng nước ngoài, và tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu ngành của mình. Chúng tôi hân hoan chào đón năm 2023 với tâm thế tiếp tục hướng đến chất lượng dịch vụ tuyệt vời và là đối tác được khách hàng chọn lựa hàng đầu. Chúng tôi không

ngừng khẳng định uy tín, vị thế và thực lực, chiếm trọn niềm tin của khách hàng hiện tại, đồng thời tìm kiếm, thiết lập quan hệ đối tác với các nhà đầu tư mới. Chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào nhân lực và công nghệ - hai yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng vào sự thành công bền vững.

**THỊ PHẦN MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI TRÊN HOSE
2017 - 2022**



Duy trì vị trí dẫn đầu ngành với

25%

thị phần môi giới khách hàng nước ngoài

Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích



Đội ngũ nghiên cứu của VCSC luôn nỗ lực đưa ra các phân tích chuyên sâu và các khuyến nghị thiết thực, kịp thời cho các nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam.



Bộ phận Nghiên cứu của chúng tôi gồm nhiều nhóm ngành. Đứng đầu mỗi nhóm là một quản lý giàu kinh nghiệm. Cơ cấu tổ chức này giúp các chuyên viên phân tích phát triển kiến thức chuyên sâu về ngành dưới sự hướng dẫn của các quản lý. Các chuyên viên phân tích sẽ đưa ra các khuyến nghị trong các buổi webinar, các cuộc họp với khách hàng tổ chức, và các hội thảo dành cho chuyên viên môi giới khách hàng cá nhân. Điều này không chỉ giúp chúng tôi truyền đạt các khuyến nghị tới khách hàng, mà còn giúp các chuyên viên phân tích hiểu rõ nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, chúng tôi cũng khuyến khích và hỗ trợ các chuyên viên phân tích để họ được đào tạo chuyên sâu và phát triển hơn nữa, điển hình như việc theo học chương trình CFA.

Tính đến tháng 12.2022, chúng tôi đang nghiên cứu và khuyến nghị cho 80 công ty niêm yết của Việt Nam, chiếm hơn 75% giá trị vốn hóa thị trường của VN-Index và khoảng 2/3 tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi không ngừng mở rộng phạm vi nghiên cứu, tập trung vào các cổ phiếu có giá trị vốn hóa phù hợp và có tính thanh khoản tốt, các cổ phiếu có ảnh hưởng lớn đối với nền kinh tế Việt Nam và/hoặc cổ phiếu có mức tăng trưởng cao hoặc định giá hấp dẫn. Các cổ phiếu thường xuyên giao dịch được cập nhật thông qua các báo cáo chuyên sâu. Trong suốt năm qua, chúng tôi đã công bố khuyến nghị cho hơn 30 công ty vừa và nhỏ khác.



Nghiên cứu và khuyến nghị cho

80

công ty niêm yết của Việt Nam



Chiếm hơn

75%

giá trị vốn hóa thị trường của VN-Index

Các sản phẩm của bộ phận Nghiên cứu bao gồm:

- Các bài nhận định hàng ngày và hàng tháng về thị trường chứng khoán Việt Nam
- Báo cáo chiến lược đầu tư
- Báo cáo ngành
- Báo cáo hoạt động kinh doanh
- Phân tích và khuyến nghị
- Báo cáo trái phiếu - tiền tệ
- Bài phân tích toàn diện nền kinh tế vĩ mô

Năm 2022, khi Việt Nam dỡ bỏ dần các biện pháp hạn chế phòng chống đại dịch COVID-19 và mở cửa đón du khách quốc tế, bên cạnh các cuộc họp, hội nghị trực tuyến - những điều đã quá quen thuộc trong thời kỳ đại dịch, các chuyên viên phân tích đã thúc đẩy các buổi thảo luận trực tiếp hiệu quả với công ty niêm yết và nhà đầu tư. Đội ngũ nghiên cứu của chúng tôi cũng đã thuyết trình về nhiều lĩnh vực, ngành nghề tại Hội nghị Đầu tư Quốc tế Vietnam Access Day (VAD) do Công ty CP Chứng khoán Bản Việt - VCSC tổ chức vào tháng 3 năm 2022.

Bước qua năm 2023, chúng tôi tiếp tục nỗ lực không ngừng, mang đến cho khách hàng các kết quả nghiên cứu chuyên sâu, các khuyến nghị giá trị và các ý tưởng khả thi liên quan tới các công ty niêm yết tại Việt Nam.



Báo cáo được trình bày bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để phục vụ khách hàng trong nước và quốc tế.

Bộ phận Trái phiếu

Trong 6 tháng cuối năm 2022, thị trường trái phiếu gần như “đóng băng” sau các sự kiện Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát và Nghị định 65 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153. Nhiều doanh nghiệp tái cấu trúc dư nợ và mua lại khoảng 164 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp trong 11 tháng năm 2022, tăng khoảng gấp rưỡi so với cùng kỳ.

Sự thiếu hụt dòng tiền cùng với áp lực mua lại trái phiếu cũng như việc giá cổ phiếu liên tục lao dốc khiến không ít lãnh đạo doanh nghiệp niềm yết bị bán giải chấp cổ phiếu, đặc biệt ở nhóm bất động sản, xây dựng.

Trong tình hình nói trên, đội ngũ phòng trái phiếu đã tuân thủ chặt chẽ quy trình thẩm định doanh nghiệp nhằm đảm bảo chất lượng trái phiếu doanh nghiệp được Công ty tư vấn phát hành ra thị trường.

Với năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của đội ngũ chuyên gia tư vấn, Công ty đã cung cấp giải pháp và phương án phát hành trái phiếu tối ưu cho doanh nghiệp đồng thời thực hiện thu xếp và phân phối trái phiếu thông qua mạng lưới đối tác là các định chế tài chính, quỹ đầu tư, nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân. Trong năm 2022, phòng trái phiếu đã thực hiện tư vấn thành công cho nhiều doanh nghiệp đầu ngành



Với tổng giá trị trái phiếu phát hành hơn
(Tỷ đồng)

2.000



Bộ phận Đầu tư

Tiếp nối những gián đoạn về tăng trưởng kinh tế xã hội trên toàn thế giới trong suốt năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, bước sang năm 2022, nền kinh tế toàn cầu trong giai đoạn bình thường mới tiếp tục chứng kiến chuỗi biến động toàn diện khi tốc độ lạm phát tăng phi mã buộc các ngân hàng trung ương toàn cầu đẩy cao mức lãi suất, cùng với đó là không ít hệ lụy xảy ra khi chiến sự Nga - Ukraine bùng nổ.



Trước thực tế đó, năm 2022 vừa qua cũng chứng kiến sự sụt giảm mạnh mẽ của thị trường chứng khoán. Cụ thể, cổ phiếu Việt Nam trung bình giảm 33%, trái phiếu doanh nghiệp gần như đóng băng sau chuỗi vi phạm của một loạt các công ty bất động sản lớn trong nước. Trong bối cảnh đó, VCSC cũng không nằm ngoài vòng ảnh hưởng của biến động kinh tế thị trường.



Hoạt động đầu tư ghi nhận doanh thu đạt
(Tỷ đồng)

1.344

giảm **31%** so với 2021



Lợi nhuận trước thuế đạt
(Tỷ đồng)

298

giảm **71%** so với 2021

Bước sang năm 2023, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng không mấy tích cực bởi diễn biến kinh tế toàn cầu cùng với sự leo thang từ các cuộc xung đột chính trị. Tuy nhiên, phòng Đầu tư VCSC vẫn duy trì đánh giá tích cực đối với triển vọng dài hạn của Việt Nam - nơi có sự ổn định chính trị và mức độ an toàn cao cùng với khả năng tăng trưởng tốt đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài. Thách thức luôn gắn liền cùng cơ hội, VCSC vẫn sẽ tìm kiếm và đầu tư vào những doanh nghiệp uy tín có tiềm lực mạnh mẽ và lợi thế kinh doanh vượt trội, với mức giá chiết khấu hấp dẫn.

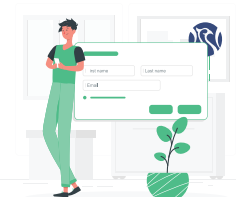
Phòng Dịch vụ Khách hàng và Quản lý Sản phẩm

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2022



ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN LÝ SẢN PHẨM

- 01** Hoạt động cho vay margin trong năm 2022: luôn chú trọng việc nhắc nợ, bán giải chấp đúng quy định, nhanh nhạy trong việc bán bắt buộc để thu hồi vốn. Trong năm 2022, bối cảnh thị trường những tháng cuối năm cực kỳ khó khăn, các doanh nghiệp bất động sản bị bán giải chấp hàng loạt dẫn đến mất thanh khoản nghiêm trọng. Tuy nhiên, với định hướng chỉ đạo từ Ban lãnh đạo Công ty, phòng Dịch vụ Khách hàng (CS) đã hoàn thành tốt việc bán giải chấp, thu hồi nợ, không để xảy ra các món nợ xấu đáng kể.
- 02** Năm 2022, CS với vai trò hỗ trợ phòng Sales đã thực hiện tất cả các thủ tục mua bán trái phiếu cho khách hàng, với tổng số 540 hợp đồng mua bán đã được hoàn thiện trong suốt cả năm, tương đương với tổng giá trị khoảng 2.800 tỷ VNĐ. Ngoài ra, phòng CS đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trong các hợp đồng đại lý phát hành, lưu ký, thanh toán, đại diện chủ sở hữu trái phiếu cho các loại trái phiếu doanh nghiệp của nhiều công ty như PC1, Phát Đạt, Đất Xanh...
- 03** Bộ phận CS ghi nhận số lượng tài khoản mở mới trong năm hơn 3 lần số lượng năm 2021, trong đó các tài khoản được mở mới qua eKYC (định danh công nghệ) chiếm 97% lượng tài khoản mở mới.



Số lượng tài khoản mở mới đạt hơn 3 lần số lượng năm 2021



- 04** Hoạt động thanh toán, chuyển tiền rút nợ cho khách hàng được kiểm soát tốt, không xảy ra sai sót nào đáng kể. Tổng kết trong năm 2022, CS đã thực hiện khoảng 140.000 món rút tiền và 137.000 món nộp tiền với giá trị tương ứng 64.000 tỷ và 72.000 tỷ.
- 05** Tỷ lệ an toàn của hoạt động chứng khoán phái sinh cũng được kiểm soát tốt, không có các cảnh báo từ VSD, không có trường hợp nào không thu hồi được tiền.
- 06** Hoạt động xác nhận kết quả sau giao dịch cho các khách hàng tổ chức nước ngoài hằng ngày thực hiện đúng giờ, nhanh chóng, không xảy ra sai sót nào.
- 07** Phòng CS trong năm qua cũng đã đồng hành và kết hợp chặt chẽ với bộ phận IT và Phát triển Sản phẩm trong việc xây dựng, nghiệm thu các phần mềm mới góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động và tiết kiệm thời gian cũng như chi phí vận hành.



Công nghệ thông tin & Đổi mới sáng tạo



Nhằm thích ứng với các thay đổi nhanh chóng của thị trường và kịp thời nắm bắt các cơ hội mới, VCSC tiếp tục tập trung đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh, đồng thời chú trọng triển khai các dự án chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Theo đó, phòng Công nghệ thông tin và phòng Đổi mới sáng tạo là đơn vị chịu trách nhiệm dẫn dắt, và thực thi các nội dung hoạt động liên quan đến các dự án chuyển đổi số của Công ty.



PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (IT)

Trong năm qua, phòng IT, kết hợp với các đối tác uy tín trong nước và quốc tế, đã triển khai thành công chuỗi dự án nâng cấp hệ thống công nghệ lõi hiện có nhằm phục vụ cho các hoạt động giao dịch, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đưa vào vận hành hệ thống lõi mới KRX, dự kiến chính thức được triển khai trong năm 2023. Bên cạnh đó, phòng IT luôn chủ động tiên phong trong công tác cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển nhiều tiện ích tự động hoá các quy trình nghiệp vụ hiện có, giúp nâng cao hiệu suất hoạt động, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong quá trình vận hành.

- Nộp/rút tiền tự động và nhanh chóng qua tài khoản định danh hoặc mã QR, tin nhắn SMS.
- Kết nối thông suốt hệ thống của Công ty với các hệ thống, cổng kết nối tài chính Bloomberg, Reuters, NYFIX....



PHÒNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO (UI)

Được thành lập cuối năm 2022 trên cơ sở kế thừa trọn vẹn nguồn nhân lực từ phòng Phát triển Sản phẩm, tính đến nay, VCSC đã hoàn thành nghiên cứu phát triển và đưa vào vận hành các sản phẩm:

- Hệ thống mở tài khoản online eKYC: khách hàng có thể mở mới tài khoản chứng khoán trong vòng 3 - 5 phút trên nền tảng công nghệ số bảo mật tối ưu.
- Nền tảng giao dịch trái phiếu trực tuyến: tự động hoá hoàn toàn quy trình giao dịch trái phiếu.
- Bảng giá chứng khoán và các thông tin doanh nghiệp.

Trên cơ sở những nền tảng vốn có, phòng Đổi mới sáng tạo xác lập định hướng chiến lược tập trung vào việc phát triển các sản phẩm công nghệ số (digital products) đột phá, mang lại giá trị gia tăng cho người sử dụng là khách hàng, đối tác của Công ty cùng đội ngũ môi giới, và các phòng ban nghiệp vụ khác trong Công ty.

Từ những thành tựu ban đầu của hai phòng Công nghệ thông tin và Đổi mới sáng tạo trong năm 2021, qua năm 2022, nhằm thúc đẩy các dự án chuyển đổi số và các hoạt động đổi mới sáng tạo nhanh chóng và hiệu quả hơn nữa, hai bộ phận trên đã được hợp nhất về định hướng chuyên môn, quy trình hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu chung cao hơn trong chiến lược phát triển bền vững.



CHUẨN BỊ CÔNG NGHỆ SẴN SÀNG CHO SỰ BÙNG NỔ CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Trong những năm gần đây (2020 - 2022), số lượng nhà đầu tư cá nhân tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam gia tăng mạnh mẽ. Mặc dù năm 2022 là giai đoạn tương đối thách thức đối với thị trường chứng khoán, số tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân lũy kế cả năm vẫn ghi nhận đạt mốc kỷ lục mới là 2,6 triệu tài khoản, đưa tổng số tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước vượt mức 6,8 triệu tài khoản, tương đương khoảng 6,8% dân số. Trong các năm tới, cột mốc 10% dân số có tài khoản chứng khoán sẽ nhanh chóng đạt được (vẫn thấp so với tỷ lệ 16% của Hàn Quốc và hơn 50% đối với Đài Loan.)



Cùng với đó, định hướng phát triển của thị trường chứng khoán đã được nêu rõ trong Đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm 2020 - 2025, kế hoạch Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trước năm 2025 đi cùng đó là các điều kiện về giao dịch T0, thay đổi về khung giá trần/sàn, cũng như tăng quy mô sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Các yếu tố trên góp phần vào kỳ vọng quy mô thị trường sẽ bùng nổ trong thời gian tới. Đây là cơ sở xác lập mục tiêu trọng yếu của hai phòng Công nghệ thông tin và phòng Đổi mới sáng tạo trong năm 2023. Đó là củng cố các nền tảng công nghệ phục vụ cho việc giao dịch trực tuyến nhanh chóng và ổn định trên quy mô lớn, đồng thời thiết lập nền tảng sẵn sàng đón đầu sự bùng nổ của thị trường chứng khoán trong các năm tiếp theo.

NÂNG TẦM TRẢI NGHIỆM NGƯỜI DÙNG

Nhằm không ngừng mang lại giá trị nâng cao cho khách hàng và Công ty, các sản phẩm công nghệ của hai phòng Công nghệ thông tin và Đổi mới sáng tạo không chỉ đáp ứng các yêu cầu cơ bản (hệ thống hoạt động ổn định trong các tác vụ hàng ngày của nhà đầu tư như: xem thông tin, đặt lệnh mua bán và quản lý tài khoản, danh mục đầu tư) mà hướng tới mục tiêu nâng tầm trải nghiệm của khách hàng trong việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của công ty.



- **Với khách hàng cá nhân:** Các sản phẩm số được phát triển hướng đến mục tiêu tạo điều kiện cho việc đầu tư chứng khoán trở nên **đễ tiếp cận hơn** với số đông bằng cách xây dựng các giải pháp đồng hành với khách hàng qua các giai đoạn khác nhau: từ nhà đầu tư mới cần cung cấp những tiện ích để bắt đầu làm quen với việc đầu tư chứng khoán, tiến tới lộ trình phát triển thành nhà đầu tư chuyên nghiệp có kinh nghiệm.



- **Với Môi giới và phòng ban nghiệp vụ trong Công ty:** Các sản phẩm được phát triển hướng tới cung cấp tiện ích tự động hoá, và tập trung hoá để nâng cao năng lực vận hành và phục vụ khách hàng, qua đó tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng, đảm bảo hiệu quả hoạt động lợi thế cạnh tranh của Công ty.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN, ĐƯA CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VƯỢT KỲ VỌNG CỦA KHÁCH HÀNG

Song song với việc củng cố các hệ thống công nghệ "truyền thống" mang tính nền tảng, Công ty đã và đang đẩy mạnh đầu tư xây dựng đội ngũ phát triển các sản phẩm mới trên nền tảng các công nghệ tiên tiến: Dữ liệu lớn (Big Data) và Trí tuệ nhân tạo (AI - Artificial Intelligence).



- **Với khách hàng:** Các hệ thống trên được kỳ vọng sẽ mang lại sự hiểu biết về từng khách hàng cụ thể, từ đó mang tới khả năng tùy biến dịch vụ và sản phẩm đặc thù phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, mang lại hiệu quả tối đa cho cả khách hàng, nhà đầu tư và Công ty.



- **Với Công ty:** Với nền tảng hạ tầng công nghệ (điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo), Công ty có được sự hiểu biết sâu sắc về từng khách hàng của mình, đồng thời nắm bắt nhanh chóng xu hướng thị trường và có năng lực phù hợp để triển khai các sản phẩm cá nhân hoá ở quy mô lớn để tối ưu chi phí, đảm bảo được chất lượng dịch vụ đồng nhất.



Nguồn năng lượng nội tại vững mạnh 2022

Với mục tiêu mang đến chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng cũng như tối ưu hóa lợi ích của cổ đông, trong năm 2022 VCSC tiếp tục mở rộng các khoản vay từ nước ngoài với số vốn lớn và chi phí vốn cạnh tranh nhằm gia tăng nguồn lực thúc đẩy các mảng kinh doanh của Công ty. Trong năm 2022, VCSC đã triển khai thành công hai khoản vay hợp vốn từ nhóm các ngân hàng nước ngoài khác nhau. Các khoản vay này bao gồm:



Tháng 10.2022

Khoản vay 105 triệu USD và quyền được mở rộng lên tới 150 triệu USD từ nhóm các ngân hàng nước ngoài được đứng đầu bởi Maybank Kim Eng Securities và O-Bank - các thành viên đầu mối dàn xếp chính cấp tín dụng và bên quản lý sổ tín dụng, cùng với Malayan Banking Berhad (chi nhánh Singapore) là một trong các bên cho vay.

Tháng 05.2022

Khoản vay hợp vốn với hạn mức 100 triệu USD thu xếp bởi Mega International Commercial Bank (Megabank)

Trước đó, VCSC cũng đã thu xếp thành công các khoản vay hợp vốn khác vào tháng 5.2022, tháng 11.2021 và tháng 5.2020. Điều đó là minh chứng rõ nét nhất khẳng định năng lực và uy tín của VCSC đối với các định chế lớn trên thị trường quốc tế.

Các khoản vay vốn với quy mô lớn đòi hỏi quá trình thẩm định vô cùng khắt khe. Theo đó, VCSC hoàn toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn của các đối tác trong quá trình thẩm định nhờ vào ba thế mạnh chính:

- Thứ nhất** VCSC là công ty chứng khoán được quản trị minh bạch và dẫn dắt bởi Hội đồng Quản trị và đội ngũ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm.
- Thứ hai** Năng lực kinh doanh của VCSC đã được khẳng định qua thời gian dài, nổi bật với tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ, bền bỉ cũng như năng lực khai thác lợi nhuận trên vốn vượt xa trung bình của ngành chứng khoán.
- Thứ ba** VCSC có năng lực tài chính vượt trội với cơ cấu doanh thu và lợi nhuận đa dạng, không ưu tiên phụ thuộc vào một mảng kinh doanh nào, đồng thời luôn duy trì được bảng cân đối kế toán lành mạnh.

Với những thế mạnh nêu trên, tất cả quy trình để hoàn thành thương vụ đối với VCSC chỉ diễn ra trong vòng 3 tháng so với mức thông thường là 5 tháng đối với những dự án tương tự.



Ngoài ra, năng lực nội tại vững mạnh của VCSC còn được phản ánh rõ nét qua kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn lần đầu ở mức "A" triển vọng xếp hạng "Ổn định" do FiiRatings công bố vào tháng 9.2022. Mức xếp hạng trên được FiiRatings đưa ra dựa trên các đánh giá toàn diện về vị thế kinh doanh, mức độ đòn bẩy và cơ cấu nguồn vốn, vị thế rủi ro, và tính đa dạng trong huy động vốn.



Đối với vị thế kinh doanh, FiiRatings đánh giá VCSC có vị thế kinh doanh ở mức "Tốt" với vị trí dẫn đầu trong mảng môi giới khách hàng tổ chức khi sở hữu thị phần ổn định. VCSC nằm trong Top 5 công ty đầu ngành theo quy mô doanh thu và tổng tài sản, đồng thời là đơn vị dẫn đầu trong mảng hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư. Mô hình kinh doanh được đa dạng hóa với các mảng hoạt động ngân hàng đầu tư, tự doanh, môi giới và cho vay ký quỹ, góp phần đem lại sự cân bằng ngay cả trong điều kiện thị trường biến động không thuận lợi.



FiiRatings đánh giá mức độ đòn bẩy và cơ cấu nguồn vốn của VCSC ở mức "Phù hợp" với mô hình chú trọng vào các hoạt động kinh doanh vốn như đầu tư và cho vay ký quỹ. Sau khi thực hiện điều chỉnh cho các khoản đầu tư vào doanh nghiệp chưa niêm yết có tính thanh khoản thấp và mang tính dài hạn, FiiRatings đánh giá tỷ lệ Nợ vay/Vốn chủ sở hữu điều chỉnh của VCSC tại thời điểm 30.6.2022 vẫn tương đương với mức trung bình của các công ty cùng ngành. Bên cạnh đó, hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời của VCSC được đánh giá ở mức tương đối tốt, thể hiện qua tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) liên tục giữ trong khoảng 18 - 25% trong 8 năm qua, so với mức biến động khá mạnh trong khoảng 7 - 22% của ngành trong cùng giai đoạn. VCSC đã thực hiện chiến lược tăng trưởng tương đối thận trọng, không ưu tiên chiến lược cạnh tranh giảm phí giao dịch mà tập trung gia tăng chất lượng dịch vụ để thu hút khách hàng và duy trì hiệu quả hoạt động.



FiiRatings đánh giá vị thế rủi ro của VCI ở mức "Phù hợp", thể hiện qua chính sách và công tác quản lý rủi ro toàn diện và thận trọng, khẩu vị rủi ro ở mức thấp, cũng như sự phát triển của hệ thống công nghệ thông tin giúp tự động hóa xử lý giao dịch, duy trì nợ xấu không phát sinh từ hoạt động cho vay ký quỹ. Bên cạnh đó, với mô hình kinh doanh có tỷ trọng đóng góp lớn từ hoạt động đầu tư, khả năng quản lý rủi ro và chiến lược đầu tư cũng là những yếu tố quan trọng để làm cơ sở cho xếp hạng. FiiRatings cho rằng triết lý và chiến lược đầu tư của VCSC tập trung vào nắm giữ các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản và tiềm năng phát triển trong dài hạn, và được hỗ trợ từ lợi thế và kinh nghiệm của Công ty trong hoạt động ngân hàng đầu tư, cũng như năng lực cốt lõi về nghiên cứu phân tích.



FiiRatings đánh giá việc đa dạng hóa trong huy động vốn giúp VCSC tăng độ linh hoạt trong quản lý nguồn vốn và duy trì mức thanh khoản ở mức "Tốt". VCSC có khả năng duy trì thanh khoản ở mức tốt, với các nguồn thanh khoản duy trì ở mức 1,2 đến 1,3 lần so với mức sử dụng thanh khoản trong 12 tháng tới. Ngoài ra, nguồn vốn đa dạng với các khoản vay hợp vốn nước ngoài chi phí thấp và hạn mức tín dụng từ các ngân hàng trong nước mang lại sự linh hoạt về kế hoạch tài chính cho Công ty để thích ứng với các diễn biến trên thị trường.



VỊ THẾ TÀI CHÍNH



THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KHÁC :

Công ty thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước theo quy định hiện hành.

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 NHƯ SAU:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31 THÁNG 12, 2021	31 THÁNG 12, 2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	99.507	21.280
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	54.190	22.744
Thuế thu nhập cá nhân	3.934	1.711
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	-	331
Tổng	157.630	46.067

Nguồn: Báo cáo Tài chính

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TRONG KỲ CỦA THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC
PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC NHƯ SAU:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	01 THÁNG 01, 2022	SỐ PHẢI NỘP TRONG KỲ	SỐ ĐÃ NỘP TRONG KỲ	31 THÁNG 12, 2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	99.507	250.981	(329.208)	21.280
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	54.190	292.994	(324.439)	22.744
Thuế thu nhập cá nhân	3.934	106.116	(108.338)	1.711
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	-	4.380	(4.049)	331
Tổng	157.630	654.470	(766.033)	46.067

Nguồn: Báo cáo Tài chính

NGHĨA VỤ NỢ

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn, đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước vay. Công ty không có nợ quá hạn.

CÔNG TY KHÔNG CÓ NỢ QUÁ HẠN TRÊN MỘT NĂM. TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022,
SỐ DƯ NỢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN NHƯ SAU:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31 THÁNG 12, 2020	31 THÁNG 12, 2021	31 THÁNG 12, 2022
Nợ ngắn hạn	3.364.450	8.326.750	6.873.307
Vay ngắn hạn	2.696.130	6.362.680	6.326.207
Trái phiếu công ty ngắn hạn	668.320	1.964.070	547.100
Nợ dài hạn	0	0	0
Tổng	3.364.450	8.326.750	6.873.307

Nguồn: Báo cáo Tài chính

CÁC KHOẢN NỢ

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31 THÁNG 12, 2020	31 THÁNG 12, 2021	31 THÁNG 12, 2022
Nợ ngắn hạn	3.733.857	9.615.482	7.487.465
Nợ dài hạn	127.061	478.920	259.818
Tổng	3.860.919	10.094.402	7.747.283

Nguồn: Báo cáo Tài chính



CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31 THÁNG 12, 2020	31 THÁNG 12, 2021	31 THÁNG 12, 2022
Khoản phải thu	221.799	236.147	91.374
Phí dịch vụ phải thu	14.833	30.823	28.334
Khác	5.939	0	0
Thanh toán trước	18.748	20.165	2.306
Dự phòng phải thu	(1.928)	(1.928)	(1.928)
Tổng	259.391	285.206	120.085

Nguồn: Báo cáo Tài chính

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31 THÁNG 12, 2020	31 THÁNG 12, 2021	31 THÁNG 12, 2022
Các khoản phải trả ngắn hạn	369.407	1.288.732	614.158
Các khoản phải trả dài hạn	127.062	478.920	259.818
Tổng	496.469	1.767.652	873.976

CHỈ SỐ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15.8.2017, công ty chứng khoán phải duy trì tỉ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu 180%. VCSC luôn duy trì tốt trên mức yêu cầu, đảm bảo an toàn tài chính của Công ty.

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31 THÁNG 12, 2020	31 THÁNG 12, 2021	31 THÁNG 12, 2022
Rủi ro thị trường	604.397	1.137.173	1.021.198
Rủi ro thanh khoản	17.348	59.971	143.473
Rủi ro hoạt động	193.608	377.637	375.907
Tổng rủi ro	815.353	1.574.780	1.540.578
Vốn khả dụng	4.353.081	6.305.155	6.388.319
Tỷ lệ an toàn vốn	534%	400%	415%

MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

1 THANH KHOẢN:
Hệ số thanh khoản hiện hành của VCSC được duy trì lành mạnh ở mức 1,89 lần vào năm 2022, cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn tốt.

2 CƠ CẤU VỐN:
VCSC duy trì cơ cấu vốn lành mạnh với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu thấp so với giới hạn quy định 500% áp dụng cho các công ty chứng khoán.

3 KHẢ NĂNG SINH LỜI:
Biên lợi nhuận ròng thu hẹp trong bối cảnh ngành gặp nhiều thách thức vào năm 2022. Tuy nhiên, ROE năm 2022 của Công ty vẫn cao hơn nhiều so với mức trung bình của các công ty cùng ngành là 10,3% và đứng ở mức cao trong ngành.

MỤC	ĐƠN VỊ	2020	2021	2022
Tỷ số thanh khoản				
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	2,23	1,72	1,89
Cơ cấu vốn				
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	46,1%	60,7%	54,4%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	74,4%	127,3%	105,8%
Nợ ròng/Vốn chủ sở hữu	%	60,2%	110,0%	53,1%
Tỷ lệ vòng quay tổng tài sản	%	22,2%	29,8%	20,7%
Tỷ suất sinh lời				
Biên lợi nhuận trước thuế	%	54,8%	49,6%	33,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	%	44,3%	40,2%	27,2%
ROE	%	17,9%	27,1%	13,3%
ROA	%	9,8%	12,0%	5,6%
EPS pha loãng đã điều chỉnh	VND	1.795	3.470	2.000
BVPS	VND	27.304	19.645	14.915

Nguồn: VCSC



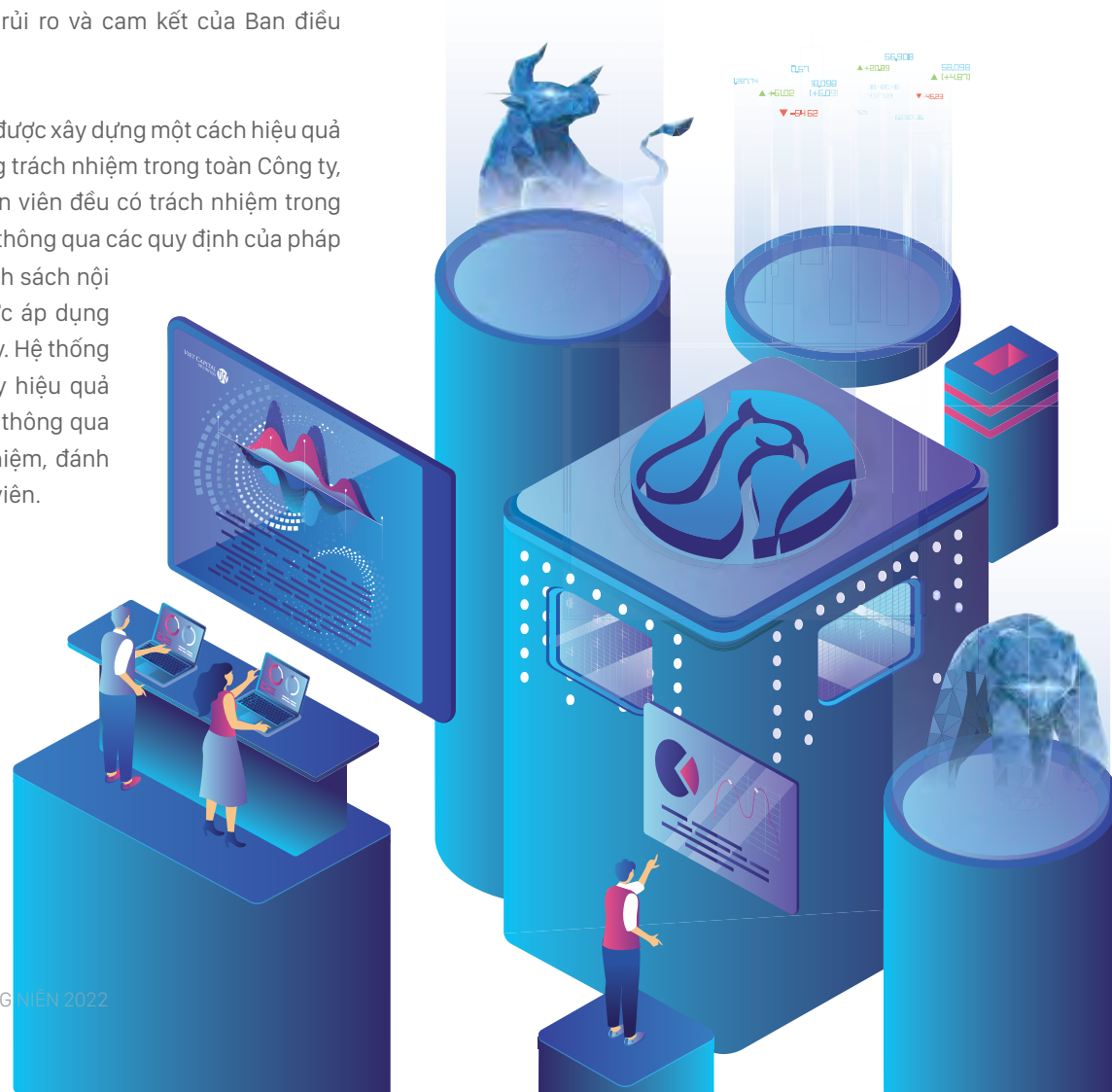
QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.

Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp Công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và cam kết của Ban điều hành.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi trường phòng, nhân viên đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Công ty triển khai các hoạt động giám sát tuân thủ và quản trị rủi ro theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26.02.2013 của Ủy ban Chứng khoán về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty Chứng khoán. Công ty đã hoàn thiện chính sách và hệ quy trình quản trị rủi ro dựa trên tiêu chuẩn ISO 31000 được vận hành đồng bộ với các chiến lược của Công ty.



Quy trình quản trị rủi ro được khái quát như sau:



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÔNG TY ĐẢM BẢO

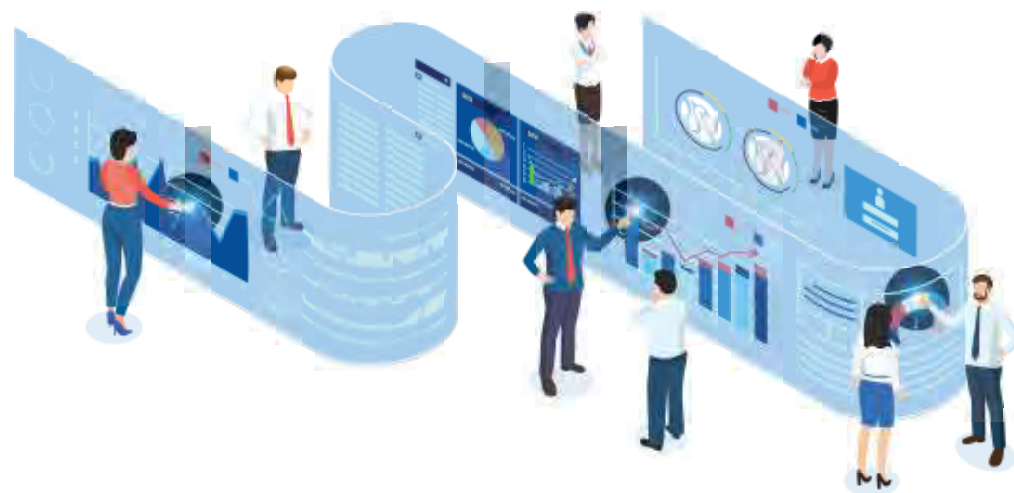


- Sự giám sát của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng Quản trị thông qua.
- Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ.
- Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám đốc.
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

Công ty thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất và được thể hiện bằng văn bản. Các bộ phận tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau, người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.

Hướng dẫn nội bộ được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật lại các hướng dẫn nội bộ này.



MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Môi trường kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm hệ thống các chuẩn mực, quy trình, tổ chức làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong toàn Công ty. Môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến toàn bộ nhận thức về hoạt động kiểm soát của đội ngũ nhân viên Công ty nên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn nêu cao các giá trị đạo đức cũng như làm gương cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty.



Mục tiêu và các thủ tục, quy trình được thực hiện trong việc thiết lập môi trường kiểm soát nội bộ hiệu quả của Công ty bao gồm:

- Bảo đảm tính trung thực, các giá trị đạo đức và hành vi trong toàn bộ Công ty:**

 - Công ty xây dựng các chuẩn mực và quy tắc ứng xử cho nhân viên.
 - Toàn bộ Ban Tổng Giám đốc và nhân viên cũng như đối tác đều được đánh giá theo các chuẩn mực đạo đức.
 - Nhân viên mới được tham gia khóa đào tạo định hướng bắt buộc về các quy định, chuẩn mực, ứng xử trong Công ty với các chế tài thích hợp đối với các trường hợp vi phạm các chuẩn mực đạo đức.
- Đảm bảo tính độc lập và mức độ tham gia của Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc:**

 - Xác định rõ vai trò, trách nhiệm quản trị và giám sát của Hội đồng Quản trị.
 - Thiết lập các chính sách và quyết định liên quan đến các cuộc họp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
 - Thiết lập kênh trao đổi thông tin mở và hiệu quả giữa Hội đồng Quản trị, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập nhằm báo cáo các hoạt động của Công ty kịp thời.
- Đảm bảo cơ cấu tổ chức, phân công, phân nhiệm và ủy quyền thích hợp:**

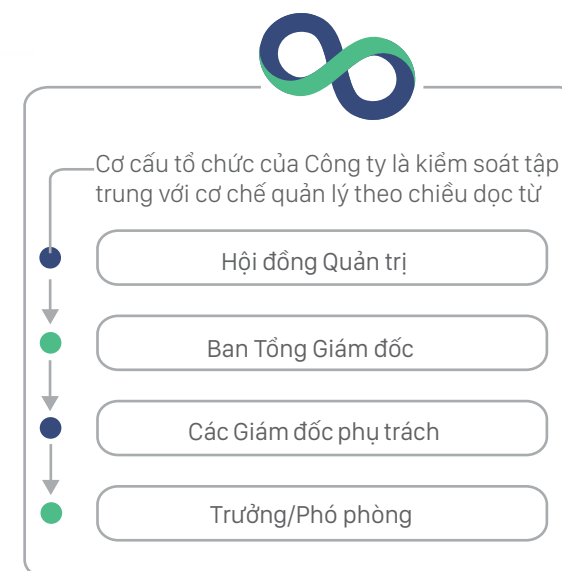
 - Xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, kênh báo cáo và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức.
 - Xác định thẩm quyền tương ứng với từng cấp quản trị và điều hành.
 - Xây dựng và duy trì bản mô tả công việc cũng như đảm bảo các hợp đồng lao động được ký kết một cách phù hợp.
 - Xác định rõ vai trò của Kiểm toán nội bộ.
- Cam kết trong việc thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực:**

 - Thiết lập các yêu cầu về năng lực, kiến thức và kỹ năng đối với toàn bộ nhân viên. Xây dựng quy trình đánh giá năng lực và hành vi.
 - Gắn kết các chuẩn mực, yêu cầu và đánh giá về năng lực và kiến thức với các chính sách và các quyết định tuyển dụng, đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự.
 - Xây dựng kế hoạch dự phòng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

PHÂN CÔNG, PHÂN NHIỆM VÀ ỦY QUYỀN

Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo sự phân công và mức phê duyệt đã được duyệt và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng Quản trị. Các Giám đốc, Trưởng/Phó phòng trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

Đối với công tác phân nhiệm, Công ty thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Tại hội sở và chi nhánh, Trưởng phòng phụ trách sẽ phân công trách nhiệm cho Phó phòng/ban và từng nhân viên. Các nhân viên sẽ được hướng dẫn bởi các nhân viên cao cấp hoặc Trưởng phòng/ban để nắm rõ quy trình thực hiện, trách nhiệm của mình và luôn đảm bảo có sự đối chiếu, kiểm tra chéo trong cùng một hoặc nhiều bộ phận.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2023

Năm 2022, việc thắt cung tiền tệ ở quy mô toàn cầu đã gây tác động mạnh đến thị trường chứng khoán thế giới, riêng tại Việt Nam, VN Index mất gần 33% trong năm qua. Năm nay bộ phận Quản lý rủi ro tiếp tục xây dựng các kịch bản, kế hoạch dự phòng cho các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa dựa trên những kinh nghiệm đúc kết được qua các năm. Hoạt động quản trị rủi ro tại VCSC sẽ tiếp tục cập nhật theo thực tế kinh doanh tại thị trường chứng khoán Việt Nam, cũng như phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế.

Định hướng bộ phận Quản lý rủi ro trong năm nay tập trung vào các hoạt động như sau:

- 1** Tiếp tục rà soát cập nhật các chính sách, quy trình, quy chế nhằm đáp ứng tuân thủ các quy định của pháp luật, thông lệ thị trường và thực tế kinh doanh.
- 2** Phối hợp với các khối Kinh doanh xây dựng danh mục rủi ro cho từng hoạt động áp dụng các hạn mức rủi ro đã được hội đồng quản trị phê duyệt, xây dựng các kịch bản kế hoạch dự phòng cho các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa để đảm bảo cho hoạt động của Công ty được thông suốt và hiệu quả.
- 3** Tiếp tục công tác kiểm tra, kiểm soát trong các hoạt động của Công ty, đặt biệt là những hoạt động có rủi ro cao.

Đồng thời tiếp tục định hướng đã vạch ra trong các năm trước, năm 2023, công tác quản trị rủi ro sẽ cập nhật bổ sung các kiến thức mới về quản trị rủi ro theo đà phát triển của thị trường, hoàn thiện công tác đào tạo nâng cao nhận thức về phòng ngừa rủi ro cho từng nhân viên với mục tiêu các bộ phận sẽ nhận thức và kiểm soát rủi ro liên quan trong hoạt động của phòng ban mình.

An toàn thông tin hiệu quả là phải đảm nhận được nhiều vai trò chuyên môn trong Công ty.

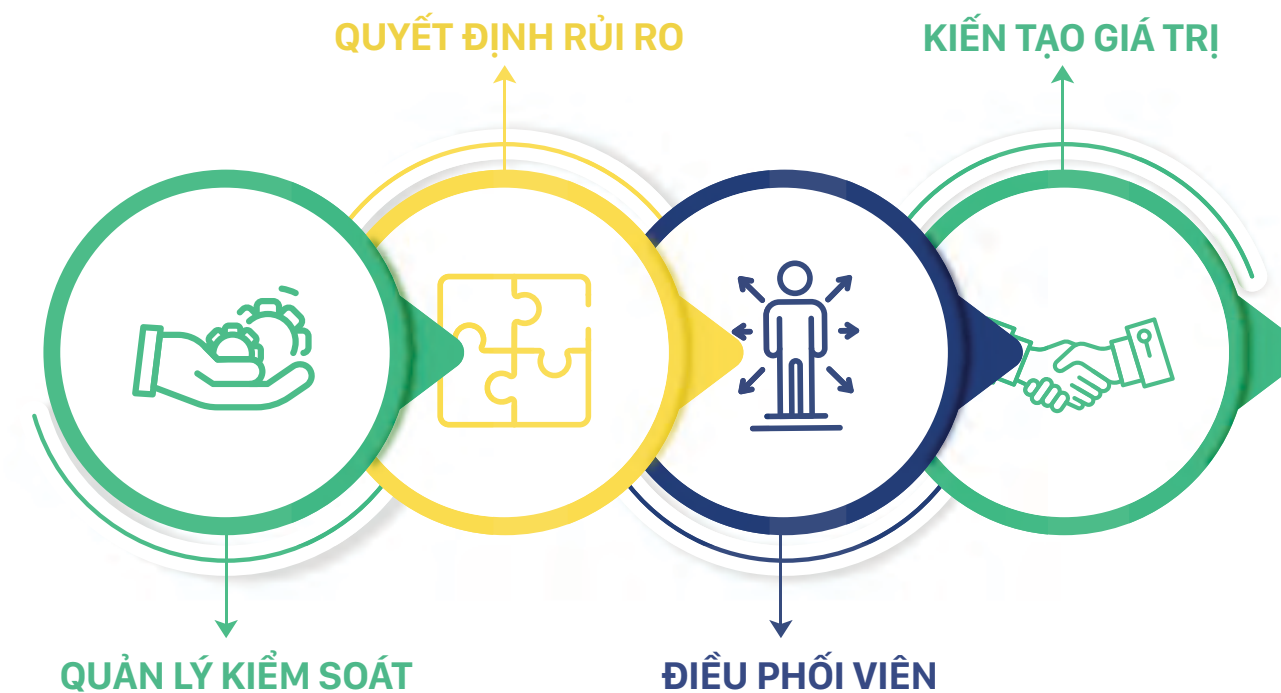
- Vai trò của bộ phận An toàn thông tin (**Information Security - IS**) ngày càng quan trọng, phạm vi trách nhiệm ngày càng cao, nhằm đáp ứng được đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh doanh.
- An toàn thông tin hiệu quả là khi đáp ứng được **4 vai trò** quan trọng sau:



Bộ phận An toàn thông tin tiếp tục hành động, đón đầu xu hướng



- Tăng cường hiệu quả hoạt động bảo mật thông tin bằng việc xác định những lỗ hổng về đặc điểm, hành vi và kỹ năng mềm trong bộ phận.
- Nâng tầm vai trò của bộ phận bằng cách cân bằng giữa giải quyết các sự vụ và tình huống An toàn thông tin với việc chủ động nhận diện và quản lý các rủi ro bảo mật.
- Tăng cường độ tin nhiệm bằng cách thiết lập mối quan hệ thường xuyên trao đổi, tư vấn với các phòng ban và bên liên quan.
- Cân bằng và phân bổ thời gian cho các hoạt động một cách hợp ý để thúc đẩy sự tham gia của toàn bộ tổ chức.
- Luôn duy trì tiêu chuẩn An toàn thông tin, nhưng cần xem xét đến các yếu tố khác trong quá trình triển khai dự án như rủi ro bảo mật tiềm tàng, hiệu suất của dự án và tối ưu hóa chi phí cho công ty.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NGUỒN NĂNG LƯỢNG CỐT LÕI



Đạo đức nghề nghiệp



Vững vàng với tâm thế **"Người dẫn đầu"** và tinh thần khởi nghiệp không ngừng tìm tòi, đổi mới, trên suốt chặng đường 15 hình thành và phát triển của VCSC, chúng tôi hiểu rằng, điều cần có của một doanh nghiệp phát triển bền vững không chỉ là những sản phẩm dịch vụ chất lượng ưu việt, phong thái chuyên nghiệp tận tâm mà còn là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng khách hàng, đối tác, cộng sự, cổ đông và cộng đồng. Chúng tôi luôn xem đây là yếu tố then chốt và là trọng tâm trong việc xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp bền vững.

VỚI KHÁCH HÀNG

- Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu.
- Nâng cao uy tín và trách nhiệm.
- Cam kết thực hiện trách nhiệm một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Cam kết tuyệt đối bảo mật thông tin khách hàng.



VỚI ĐỐI TÁC & CỘNG SỰ

- Đảm bảo tính chính trực và phong cách chuyên nghiệp.
- Cam kết không để xảy ra các mâu thuẫn lợi ích.
- Cam kết thực hiện những biện pháp xử lý sai phạm hợp lý (nếu có).



VỚI CỔ ĐÔNG

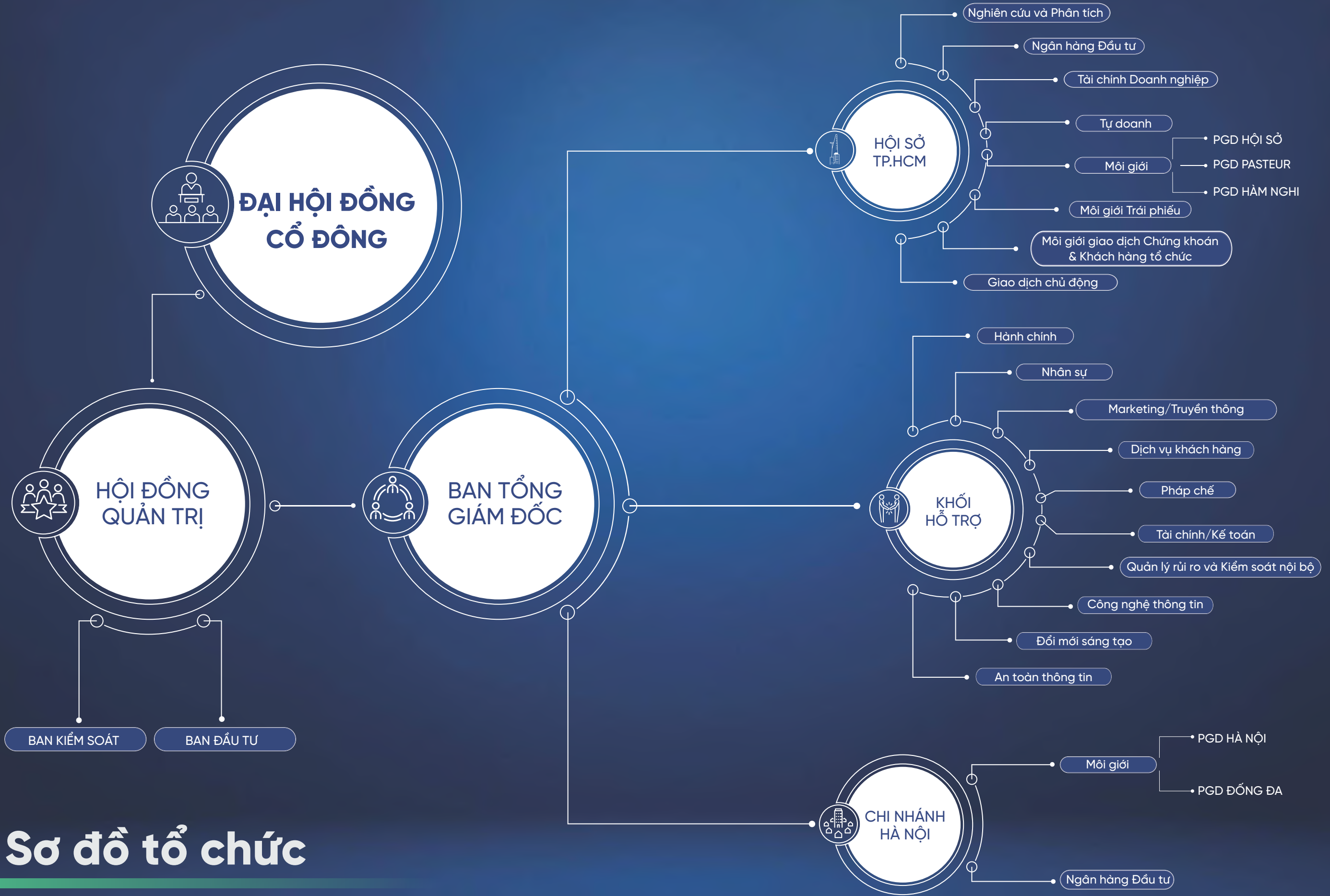
- Cam kết tuân thủ các bộ luật, quy định, chính sách và tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh.
- Bảo đảm các khoản đầu tư của cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận vượt trội, bền vững.



VỚI CỘNG ĐỒNG

- Cam kết tuân thủ triệt để các điều luật về chống rửa tiền, tham nhũng và chống khủng bố trên toàn thế giới.
- Cam kết hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.
- Tích cực thực hiện các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.





Sơ đồ tổ chức



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà **NGUYỄN THANH PHƯỢNG**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Phượng là thành viên sáng lập kiêm Chủ tịch HĐQT của VCSC và Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (VCAM), với hơn 17 năm hoạt động trong lĩnh vực Quản lý quỹ và Ngân hàng đầu tư. Bà còn đảm nhiệm vai trò là Phó Chủ tịch HĐQT tại NHTMCP Bản Việt (VCCB) hơn 10 năm qua. Đồng thời, bà cũng là thành viên sáng lập của Phoenix Holdings, công ty chuyên đầu tư vào Công nghệ tài chính, Ngân hàng số, Bất động sản, Bán lẻ, F&B và Thể thao. Với danh mục đầu tư đa dạng, Bà Phượng chịu trách nhiệm chính về việc xây dựng tầm nhìn, định hướng chiến lược kinh doanh, mô hình quản trị; đồng thời hỗ trợ Ban điều hành của các định chế tài chính và công ty nhằm mục tiêu trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu Việt Nam. Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim Việt Nam thuộc Tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ và Giám đốc Đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Holdings Asset Management.

Ngoài những hoạt động đầu tư và kinh doanh, bà còn đam mê và nỗ lực để phát triển bộ môn bóng rổ tại Việt Nam. Bà là thành viên sáng lập và hiện đang là Chủ tịch HĐQT CTCP Bóng rổ Việt Nam (VBA) - công ty tổ chức các giải bóng rổ chuyên nghiệp tại Việt Nam. Bà đang giữ vai trò Chủ tịch tại Việt Nam của Tổ chức Live to Love International - tổ chức thiện nguyện quốc tế triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển giáo dục, dịch vụ y tế và cải thiện môi trường sống tại các địa phương khó khăn. Bà còn là Thành viên Ban cố vấn của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam). Bà Phượng tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Quốc tế Geneva - Thụy Sĩ.



Ông **TÔ HẢI**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Hải được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc VCSC năm 2007, kể từ khi thành lập Công ty. Ông Hải có kiến thức chuyên sâu và vững chắc trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, am hiểu về thị trường chứng khoán Việt Nam. Với nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành, ông Hải được biết đến là một trong những chuyên gia có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành chứng khoán ra công chúng và tái cấu trúc tài chính.

Ông được cấp bằng Cử nhân Quản trị Công nghiệp của Đại học Kỹ thuật TP.HCM và bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của Đại học Sydney, Úc. Ông Hải còn được cấp các chứng nhận và chứng chỉ hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.



Ông **TRẦN QUYẾT THẮNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Thắng hiện đang giữ vị trí Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO). Ông có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và quản trị. Ông Thắng tốt nghiệp ngành Luật từ Đại học Luật (London, Anh) và Đại học Martin Luther (Đức). Ông đồng thời là sáng lập viên của Văn phòng Luật sư Thắng và các đồng sự (Thắng & Associates). Ngoài ra, ông còn là một trong những người lập nên CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) và từng là Tổng Giám đốc của SSI. Ông Thắng còn giữ vị trí Chủ tịch Ủy ban Đầu tư của Quỹ Aureos (Anh) chuyên đầu tư vốn cổ phần cá nhân trên toàn cầu.



Ông **NGUYỄN LÂN TRUNG ANH**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Lân Trung Anh là CEO của Phoenix Holdings, Công ty Văn phòng Gia đình (Family Office) tiên phong tại Việt Nam. Tại Phoenix, ông Trung Anh trực tiếp điều hành và quản lý các công ty trong nhiều lĩnh vực khác nhau như dịch vụ tài chính và công nghệ tài chính, năng lượng tái tạo, F&B, bán lẻ, truyền thông và thể thao giải trí. Ông Trung Anh cũng nằm trong Hội đồng Quản trị của Vietcredit (tài chính tiêu dùng), Kredivo Việt Nam (BNPL), Timo (ngân hàng số), Advance (EWA), Seven System Vietnam (bán lẻ), MSE (dịch vụ thể thao), PCP (năng lượng mặt trời), First AI (phương tiện truyền thông). Ông Trung Anh cũng lãnh đạo nhóm Đầu tư của Phoenix Holdings trong việc tìm kiếm các khoản đầu tư mới trong lĩnh vực công nghệ tài chính, các công ty dịch vụ tài chính.

Trước khi trở thành CEO của Phoenix, ông Trung Anh đã tham gia đội ngũ quản lý đầu tư của IDG Ventures Vietnam - quỹ đầu tư mạo hiểm đầu tiên tại Việt Nam với số vốn đầu tư ban đầu 100 triệu USD và đầu tư thành công vào công ty kỳ lân đầu tiên của Việt Nam là VNG (Zalo/Baomoi/Zing). Ông Trung Anh đã có 15 năm hoạt động trong lĩnh vực đầu tư VC&PE với mạng lưới các nhà đầu tư và doanh nhân sở hữu tiềm lực lớn mạnh và độc đáo ở Đông Nam Á, đồng thời có thành tích xuất sắc về huy động vốn trong lĩnh vực Công nghệ tài chính, Bán lẻ và Internet. Ông Trung Anh cũng nằm trong danh sách Forbes 30Under30.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **LÊ PHẠM NGỌC PHƯƠNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phương tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế. Ông có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính và kế toán. Từ năm 2002 đến năm 2016, ông lần lượt giữ các chức vụ Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Khải Vy - Duyên Hải, Phó Tổng Giám đốc điều hành CTCP VM Group và Giám đốc Tài chính CTCP Bao bì Nhựa Tân Tiến. Hiện tại, ông Phương là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính CTCP D1 Concepts và Phó Tổng Giám đốc CTCP Lothamilk.



Bà **NGUYỄN VIỆT HÒA**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Hòa là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của CTCP Chứng khoán Bản Việt từ tháng 4 năm 2021. Bà hiện cũng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành. Bà Hòa tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán - Kiểm toán và Thạc sĩ Kinh tế trường Đại học Kinh tế TP.HCM.



Ông **NGUYỄN HOÀNG BẢO (HENRY NGUYỄN)**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Với chủ trương ủng hộ sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam, ông hiện đang là thành viên quản trị sáng lập của trường Đại học Anh Quốc Việt Nam. Ông cũng là Thành viên Hội đồng Tín thác của Đại học Fulbright Việt Nam - đại học tư thục không vì lợi nhuận đầu tiên của Việt Nam. Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới và là thành viên của Hiệp hội Asia Society 21. Ông được trao tặng giải thưởng danh dự "Asian Game Changer" do tổ chức Asia Society khu vực Bắc California bầu chọn dựa trên những sáng kiến và đóng góp mang tầm vóc lãnh đạo của anh trong cách làm việc, kinh doanh, nghệ thuật và giáo dục nhằm giúp kết nối và giao thoa các nền văn hóa. Ông còn là Chủ tịch Hội đồng Bảo trợ của Quỹ Phẫu thuật Nụ cười Operation Smile Việt Nam.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard, Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management - Hoa Kỳ.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch HĐQT	17	100%	
2	Ông Tô Hải	Thành viên HĐQT	17	100%	
3	Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	17	100%	
4	Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên HĐQT	17	100%	
5	Ông Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT	17	100%	
6	Ông Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên HĐQT	17	100%	
7	Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	17	100%	



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC:

- Hội đồng Quản trị giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-HĐQT.VCSC	13.01.2022	Mua lại trước hạn Trái phiếu phát hành lần 08 năm 2021	100%
2	04/2022/NQ-HĐQT.VCSC	26.01.2022	Mua lại trước hạn Trái phiếu phát hành lần 03 năm 2021	100%
3	05/2022/NQ-HĐQT.VCSC	09.02.2022	Chốt danh sách tham dự Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022	100%
4	09/2022/NQ-HĐQT.VCSC	04.04.2022	Thành lập Công ty Quản lý Quỹ	100%
5	10/2022/NQ-HĐQT.VCSC	18.04.2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên, ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Danh sách được mua cổ phần theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
6	14/2022/NQ-HĐQT.VCSC	11.05.2022	Nhận khoản vay hợp vốn do Ngân hàng Mega International Commercial Bank thu xếp ("Megabank")	100%
7	19/2022/NQ-HĐQT.VCSC	01.07.2022	Phát hành cổ phần để trả cổ tức	100%
8	20/2022/NQ-HĐQT.VCSC	21.07.2022	Phát hành trái phiếu lần 01 năm 2022, tổng mệnh giá 120 tỷ đồng	100%
9	23/2022/NQ-HĐQT.VCSC	04.08.2022	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phần để trả cổ tức	100%
10	24/2022/NQ-HĐQT.VCSC	10.08.2022	Mua lại trước hạn trái phiếu phát hành lần 5 năm 2021	100%
11	26/2022/NQ-HĐQT.VCSC	11.10.2022	Phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm	100%
12	27/2022/NQ-HĐQT.VCSC	19.10.2022	Hạn mức vay hợp vốn với giá trị 100 triệu USD do Maybank & O-Bank thu xếp	100%
13	30/2022/NQ-HĐQT.VCSC	02.11.2022	Mua lại trước hạn trái phiếu (Mã VCIH2123008 - 25 tỷ và VCIH2123009 - 100 tỷ)	100%
14	31/2022/NQ-HĐQT.VCSC	08.11.2022	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc nhiệm kỳ năm 2022 đến năm 2027	100%
15	32/2022/NQ-HĐQT.VCSC	10.11.2022	Mua lại trước hạn trái phiếu (Mã VB2020600.03.031, VCIH2123002, VCIH2123003, VCIH2123006, VCIH2123008)	100%
16	33/2022/NQ-HĐQT.VCSC	13.12.2022	Mua lại trước hạn trái phiếu (Mã VCIH2123001 phát hành lần 01 năm 2021)	100%
17	34/2022/NQ-HĐQT.VCSC	14.12.2022	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022	100%



CÁC KHOẢN LƯƠNG, THƯỞNG, ESOP CHO NHÂN SỰ CHỦ CHỐT NĂM 2022

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	Lương (Đvt: đồng)	Thưởng (Đvt: đồng)	ESOP (Đvt: cổ phiếu)
A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (*)	-	-	-
B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP	720.000.000	-	-
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	240.000.000	-	-
Ông Nguyễn Lâm Trung Anh	240.000.000	-	-
Bà Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	-	-
C. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	7.665.666.000	-	617.000
Ông Tô Hải	2.715.222.000	-	200.000
Ông Đinh Quang Hoàn	2.475.222.000	-	247.000
Ông Nguyễn Quang Bảo	2.475.222.000	-	170.000

(*) Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị không độc lập



**BÁO CÁO CỦA
BAN KIỂM SOÁT**

BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà **MAI THỊ THANH TRANG**
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà **BÙI THỊ MINH NGUYỆT**
Thành viên Ban Kiểm soát



Bà **TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG**
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán và hiện đang là Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán T&F. Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán tại các công ty và tập đoàn lớn như Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.

Bà Nguyệt hiện đang giữ vị trí Kế toán trưởng tại Phoenix Holdings. Bà Nguyệt đã từng làm việc tại Công ty TNHH Đầu tư Bản Việt, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán của Công ty. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán tại các công ty hàng đầu tại Việt Nam như KPMG và Ngân hàng Bản Việt. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán.

Bà Huyền Trang tốt nghiệp Đại học Kinh Tế TP.HCM - chuyên ngành Tài chính - Kế Toán. Bà hiện đang giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Bất động sản Bản Việt. Bà Huyền Trang có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán ở các tổ chức.



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	30.03.2023	02	100%	
2	Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS		02	100%	
3	Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS		02	100%	

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông và cổ đông của Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cận trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo Tài chính. Đồng thời, BKS có nhiệm vụ thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trưởng họp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Điều hành và cán bộ quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS (NẾU CÓ)

Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

BAN ĐIỀU HÀNH

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC



Ông **TÔ HẢI**
Tổng Giám đốc

(Xem mục Hội đồng Quản trị)



Ông **ĐINH QUANG HOÀN**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàn tham gia VCSC từ những ngày đầu thành lập và hiện đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán. Trước khi gia nhập VCSC, ông Hoàn giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tư vấn của CTCP Chứng khoán Bảo Việt - chi nhánh TP.HCM, phụ trách các lĩnh vực phát hành, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành, cổ phần hóa, tái cấu trúc hoạt động các công ty. Trước đó, ông Hoàn làm việc tại Công ty Kiểm toán quốc tế KPMG với chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán, phụ trách các dự án kiểm toán, soát xét tài chính cho các tập đoàn đa quốc gia cũng như các doanh nghiệp trong nước.

Ông có bằng Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính và bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Ông có chứng chỉ kiểm toán viên độc lập của Bộ Tài chính và là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán viên công chứng - Vương quốc Anh (ACCA).



Ông **NGUYỄN QUANG BẢO**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Bảo tham gia VCSC từ năm 2008. Ông đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng thương mại và chứng khoán. Ông tham gia hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngay từ những ngày đầu thành lập. Với kinh nghiệm và khả năng của mình, ông Bảo đã tham gia định giá, xây dựng phương án cổ phần hóa, tổ chức bán đấu giá cho rất nhiều doanh nghiệp trên nhiều địa bàn khác nhau, xây dựng và triển khai nhiều sản phẩm nghiệp vụ tại các công ty chứng khoán.

Trước khi làm việc tại VCSC, ông Bảo đã từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc chi nhánh TP.HCM của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phó giám đốc Khối Dịch vụ CTCP Chứng khoán Sài Gòn kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng. Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tín dụng tại Học Viện Ngân hàng và bằng Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ông **Ngô Vinh Tuấn**
Giám đốc điều hành
Ngân hàng Đầu tư

Ông Tuấn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và dịch vụ tư vấn tài chính.

Trước khi gia nhập VCSC, ông Tuấn là Giám đốc Đầu tư và Giám đốc phụ trách Danh mục đầu tư tại hai quỹ phòng hộ với chiến lược đầu tư theo định hướng sự kiện và nợ có vấn đề là Alden Global Capital và Longacre Assets Management. Đầu năm 2009, ông Tuấn gia nhập quỹ đầu tư quốc gia của Pháp là Fonds Stratégique d'Investissements (FSI) tại Paris, Pháp với vai trò Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng Quản trị. Quỹ đầu tư quốc gia của Pháp được thành lập để hỗ trợ nền kinh tế nước này vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008.

Trước đó trong sự nghiệp của mình, ông Tuấn là chuyên viên M&A tại các ngân hàng đầu tư hàng đầu thế giới như Goldman Sachs, Credit Suisse và Bank of America Merrill Lynch ở London, Vương quốc Anh. Ông Tuấn có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA WG'02) của Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ với hai chuyên ngành Tài chính và Quản trị Doanh nghiệp và bằng Cử nhân của Ecole Supérieure de Commerce ở Grenoble, Pháp.



Ông **Nhan Tuấn**
Giám đốc điều hành

Ông Tuấn lãnh đạo nhiều bộ phận kinh doanh của VCSC, bao gồm: Giao dịch chứng khoán - Khách hàng Tổ chức, Môi giới khách hàng cá nhân, Quản lý tài sản cá nhân, và Trái phiếu Doanh nghiệp. Ông Tuấn tập trung xây dựng một mô hình kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, được dựa trên chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, năng lực nghiệp vụ hàng đầu, thông tin đáng tin cậy, hiệu suất công việc cao, và sự tin tưởng của khách hàng và đối tác.

Ông Nhan Tuấn có 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Trước khi gia nhập Vietcap vào năm 2013, ông Tuấn đã có 7 năm làm việc tại JP Morgan Australia và Rodman & Renshaw USA.

Ông Tuấn có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính tại Đại học Bang Colorado. Ông Tuấn nắm giữ các giấy phép tài chính của Hoa Kỳ bao gồm Series 7, Series 55 và Series 63.



Ông **Alastair Macdonald, CFA, CIPM**
Giám đốc điều hành
Nghiên cứu & Phân tích

Ông Alastair đảm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành Phòng Nghiên cứu và Phân tích từ năm 2018. Trước đó, ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Nghiên cứu và Phân tích tại nhiều thị trường như Thái Lan, Singapore, Nhật Bản và Việt Nam.

Trước khi gia nhập VCSC, ông Alastair giữ chức vụ Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích tại Công ty Chứng khoán Kasikorn và Công ty Chứng khoán Macquarie tại Thái Lan, chuyên viên Phân tích cao cấp phụ trách mảng Tài chính tại Công ty Chứng khoán Macquarie tại Nhật Bản. Trước khi làm việc tại thị trường Châu Á, ông Alastair từng giữ chức vụ Trưởng phòng Tiếp thị Quý đầu tư Gartmore có trụ sở tại London.

Ông Alastair có bằng Thạc sĩ Khoa học Tự nhiên và Kinh tế của trường Trinity, Đại học Cambridge.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT:



Ông **Lê Văn Tuấn**
Giám đốc điều hành
Khối Công nghệ

Ông Tuấn có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng và lãnh đạo các nhóm kỹ thuật đa chức năng, một số vị trí gần đây nhất của ông là: Tập đoàn Mai Linh (CIO của Tập đoàn), Grab (Giám đốc Kỹ thuật cấp cao), Seldat Inc Việt Nam (Giám đốc điều hành, Kiến trúc sư trưởng), Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển điện thoại di động Samsung tại Việt Nam (Giám đốc Bộ phận Thương mại hoá), Vietsoftware International Inc (CTO).

Ông có bằng Tiến sĩ Khoa học Máy tính - Đại học Caen Basse-Normandie, Pháp.



Bà **Châu Thiên Trúc Quỳnh**
Giám đốc điều hành
Khối Môi giới khách hàng cá nhân

Bà Quỳnh hiện đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành Khối môi giới khách hàng cá nhân và đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ năm 2005 đến 2007, bà đã đảm nhiệm vị trí Phó phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và sau đó là Phụ trách Phòng Môi giới của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, một trong những công ty chứng khoán lớn của Việt Nam.

Trước đó, từ năm 2001 đến 2005, bà là chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Quá trình làm việc tại các công ty chứng khoán đem lại cho bà những kinh nghiệm, đặc biệt là khả năng đáp ứng dịch vụ chuyên nghiệp. Bà đã từng tư vấn cho hàng loạt các cá nhân và tổ chức, đem lại hiệu quả đầu tư cao cho các khách hàng.

Bà Quỳnh đã tốt nghiệp hệ Cử nhân và hệ Thạc sĩ tại Đại học Kinh tế TP. HCM, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và bằng Executive MBA, chương trình liên kết giữa Đại Học Kinh tế TP.HCM và Trường Quản lý, Đại Học Quebec Montreal (ESG UQAM), Canada.



Bà **Phạm Thị Thanh**
Giám đốc Ngân hàng Đầu tư
chi nhánh Hà Nội

Bà Thanh đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính. Trước khi gia nhập VCSC, bà đã có thời gian làm việc tại Bộ Tài chính và sau đó là Công ty CP Chứng khoán Vincom với vai trò Giám đốc Khối Tư vấn tài chính và Giao dịch trực tuyến. Bà đã tư vấn thành công nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, tái cấu trúc, huy động vốn và niêm yết doanh nghiệp điển hình tại Việt Nam.

Bà Thanh cũng là một trong những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn cổ phần hoá cho các tổng công ty lớn của Nhà nước.

Bà lấy bằng Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ Quản lý Tài chính tại Đại học Melbourne, Úc. Bà Thanh cũng đồng thời được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thẻ thẩm định viên về giá bởi Bộ Tài chính.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ông **Nguyễn Quốc Dũng**
Giám đốc Môi giới
Khách hàng tổ chức

Ông Dũng có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và kiểm toán. Ông gia nhập VCSC từ những ngày đầu thành lập vào tháng 11 năm 2007 và làm việc tại bộ phận Ngân hàng Đầu tư, sau đó là bộ phận Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức từ năm 2010.

Trước khi gia nhập VCSC, ông đã có kinh nghiệm làm việc đa dạng về tài chính và kiểm toán cho các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực sản xuất, phân phối hàng tiêu dùng, kiểm toán độc lập như L'oréal, Heineken & Tiger Beer và KPMG.

Ông Dũng có bằng MBA của CFVG, một chương trình được tài trợ bởi Chính phủ Pháp và Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam và bằng Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của Đại học Kinh tế TP.HCM.



Ông **Lý Điển Anh**
Giám đốc Môi giới

Hiện giữ chức vụ Giám đốc Môi giới ở VCSC từ năm 2011 đến nay, ông Điển Anh là một trong những người tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu thành lập. Bắt đầu sự nghiệp của mình từ Công ty Chứng khoán Bảo Việt vào năm 2000, sau đó ông Điển Anh đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Môi giới tại Công ty Chứng khoán Đông Á từ năm 2004 đến 2011.



Ông **Phạm Thanh Vũ**
Giám đốc Môi giới

Ông Vũ hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Môi giới trong nước, chịu trách nhiệm quản lý Phòng Môi giới Năng động (ABS).

Với 18 năm kinh nghiệm môi giới chứng khoán trên thị trường Việt Nam, ông cùng với đội ngũ nhân sự ABS tập trung vào các hoạt động tư vấn quan hệ cổ đông (Investor Relations), tư vấn đầu tư cùng các hoạt động liên quan đến môi giới chứng khoán.

Ông Vũ tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế - Luật và là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kỹ Thuật TP.HCM (HUTECH).



Ông **Phan Xuân Nguyên**
Giám đốc Môi giới Hội sở

Ông Nguyên tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng. Ông có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán.

Gia nhập Công ty Chứng khoán Bản Việt từ những ngày đầu thành lập đến nay, Ông đảm nhận qua nhiều chức danh và có nhiều đóng góp cho Công ty. Chính thức được bổ nhiệm Giám đốc Môi giới Hội sở từ cuối năm 2019, ông được kỳ vọng sẽ cùng tập thể Môi giới Hội sở giữ vững các kết quả đã đạt được và cùng công ty xây dựng một tập thể đoàn kết vững mạnh.



Ông **Đoàn Minh Thiện**
Kế toán trưởng

Ông Thiện có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Ông Thiện có bằng Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.



Ông **Trần Thế Luân**
Phó Giám đốc An toàn thông tin

Ông Luân có 16 năm kinh nghiệm tại Katalon Việt Nam (Giám đốc CNTT & An ninh thông tin), Ngân hàng CIMB Việt Nam (Giám đốc Cơ sở hạ tầng CNTT & Bảo mật thông tin), CMC TSSG (Giám đốc An ninh Thông tin), Jetstar Pacific Airlines (Trưởng phòng An ninh Thông tin) và MService JSC (MoMo e- Wallet), Viettel ICT, HDBank, Renesas Design Việt Nam.

Ông có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng về An toàn thông tin, đặc biệt là tuân thủ bảo mật như: tuân thủ ISO 27001, tuân thủ SOC2 Type II, tuân thủ PCI-DSS và áp dụng thành công cho Ví điện tử MoMo, Ngân hàng CIMB, RadicalPay, Katalon, Jetstar Pacific Airlines.

Ông Luân tốt nghiệp Cử nhân Điện tử Viễn thông - Đại học Bách khoa TP.HCM.



TÁI THIẾT NĂNG LƯỢNG





Tái thiết năng lượng

TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2023

KHÓ KHĂN TRONG NỬA ĐẦU 2023, KỶ VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU PHỤC HỒI VÀO NỬA CUỐI NĂM

Nhu cầu toàn cầu suy yếu có thể tiếp tục gây áp lực đến hoạt động xuất khẩu và sản xuất của Việt Nam trong nửa đầu năm 2023 trước khi phục hồi vào nửa cuối năm 2023 và trong năm 2024. Mặc dù vậy, Chính phủ có thể áp dụng các chính sách tài khóa để thúc đẩy nhu cầu trong nước khi tỷ lệ nợ công vẫn còn thấp hơn nhiều so với mức trần 60% GDP và phần lớn gói hỗ trợ 350 nghìn tỷ đồng được thông qua vào tháng 1 năm 2022 nhằm phục hồi kinh tế xã hội trong giai đoạn 2022 - 2023 vẫn chưa được giải ngân. Thêm vào đó, số lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2022 chỉ mới đạt 20% so với mức trước dịch vào năm 2019, cho thấy dư địa tăng trưởng năm 2023 vẫn còn rất lớn. Ngoài ra, việc Trung Quốc mở cửa trở lại có thể thúc đẩy nhu cầu từ quốc gia này, qua đó giảm bớt tác động tiêu cực lên xuất khẩu do nhu cầu suy yếu tại các thị trường khác, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng ngành

du lịch. Trong khi đó, dòng vốn FDI được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định nhờ những lợi thế cơ bản của Việt Nam trong bối cảnh các công ty đa quốc gia đa dạng hóa đầu tư và mở rộng thị trường sản xuất ra khỏi phạm vi Trung Quốc, từ đó có thể củng cố hoạt động sản xuất và thương mại của Việt Nam trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt 6,5% vào năm 2023, phù hợp với mục tiêu của Chính phủ, và đạt 7,0% vào năm 2024.

Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt **6,5%** vào năm 2023

Hoạt động xuất nhập khẩu có thể tiếp tục kém khả quan trong nửa đầu năm trước khi hồi phục vào nửa cuối năm 2023. Theo dự báo đồng thuận của Bloomberg, tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ mức 3,1% trong năm 2022 xuống 2,1% trong năm 2023 và sẽ phục hồi lên 2,9% vào năm 2024. Trong đó, tăng trưởng GDP của Mỹ - thị trường lớn nhất chiếm gần 30% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào năm 2022 - có thể giảm tốc từ mức 1,9% năm 2022 xuống 0,3% vào năm 2023 và sẽ phục hồi phần nào lên 1,3% trong năm 2024. Dự báo nhu cầu toàn cầu suy yếu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong nửa đầu năm 2023, trước khi phục hồi vào nửa cuối năm 2023 và trong năm 2024.

Trung Quốc mở cửa có thể giúp giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực từ một số thị trường xuất khẩu khác. Theo dự báo đồng thuận của Bloomberg, nền kinh tế Trung Quốc dự kiến sẽ tăng trưởng 4,9% vào năm 2023 sau khi chỉ tăng 3,0% trong năm 2022. Kinh tế Trung Quốc phục hồi có thể phần nào giảm thiểu tác động tiêu cực từ suy thoái kinh tế Mỹ và một số nền kinh tế khác đối với Việt Nam, đồng thời cũng hỗ trợ ngành du lịch (xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 15,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2022, trong khi khách Trung Quốc đóng góp 1/3 lượng khách quốc tế đến Việt Nam trước dịch).

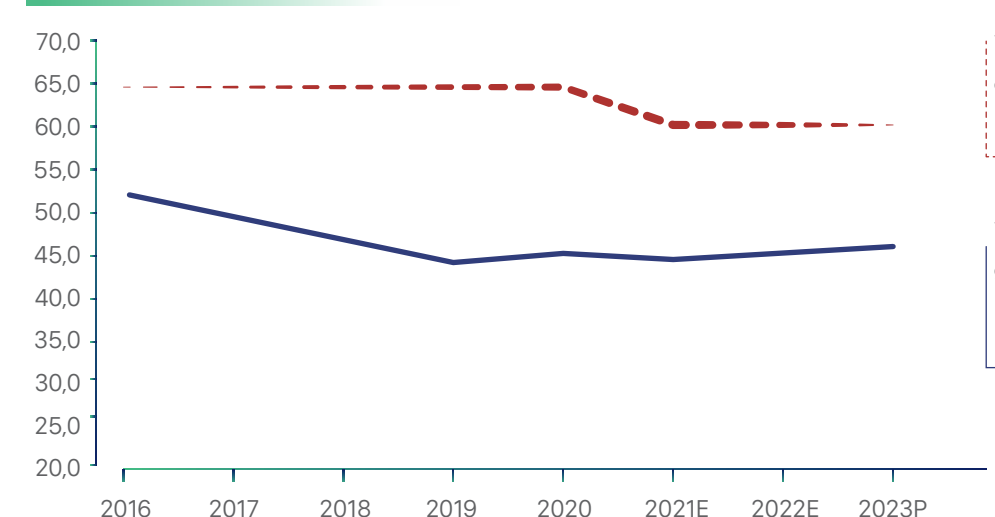
DỰ BÁO ĐỒNG THUẬN CỦA BLOOMBERG

Tăng trưởng GDP	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Thế giới	3,3	3,8	3,6	2,8	(3,0)	6,0	3,1	2,1	2,9
Quốc gia									
Mỹ	1,7	2,2	2,9	2,3	(2,8)	5,9	1,9	0,3	1,3
Trung Quốc	6,8	6,9	6,7	6,0	2,2	8,4	3,0	4,9	5,0
Châu Âu	2,0	2,9	2,1	1,8	(5,6)	5,4	3,3	0,1	1,5
Nhật Bản	0,8	1,7	0,7	(0,4)	(4,3)	2,3	1,4	1,2	1,0
Hàn Quốc	3,0	3,2	2,9	2,2	(0,7)	4,1	2,6	1,7	2,3
Việt Nam	6,2	6,8	7,1	7,0	2,9	2,6	7,4	6,2	6,7

Nguồn: Bloomberg, VCSC, cập nhật ngày 28.12.2022

Giải ngân vốn đầu tư công tăng tốc có thể hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Theo kế hoạch ngân sách Nhà nước năm 2023 của Bộ Tài chính đã được Quốc hội thông qua, dự toán thu và chi ngân sách năm 2023 ở mức 1.620,7 nghìn tỷ đồng và 2.076 nghìn tỷ đồng, với thâm hụt ngân sách 455,5 nghìn tỷ đồng - tương đương 4,4% GDP. Trong đó, Bộ Tài chính dự kiến sẽ chi 726,7 nghìn tỷ đồng cho đầu tư và phát triển (bao gồm cả vốn từ gói kích thích tài khóa được phê duyệt vào đầu năm 2022) - tăng 38,1% so với kế hoạch năm 2022 đã được Quốc hội thông qua. Trong khi đó, nợ công (khoảng 43% - 44% vào năm 2022) thấp hơn nhiều so với mức trần 60% GDP có thể giúp Chính phủ linh hoạt trong việc thực thi các chính sách tài khóa.

NỢ CÔNG/GDP (%)



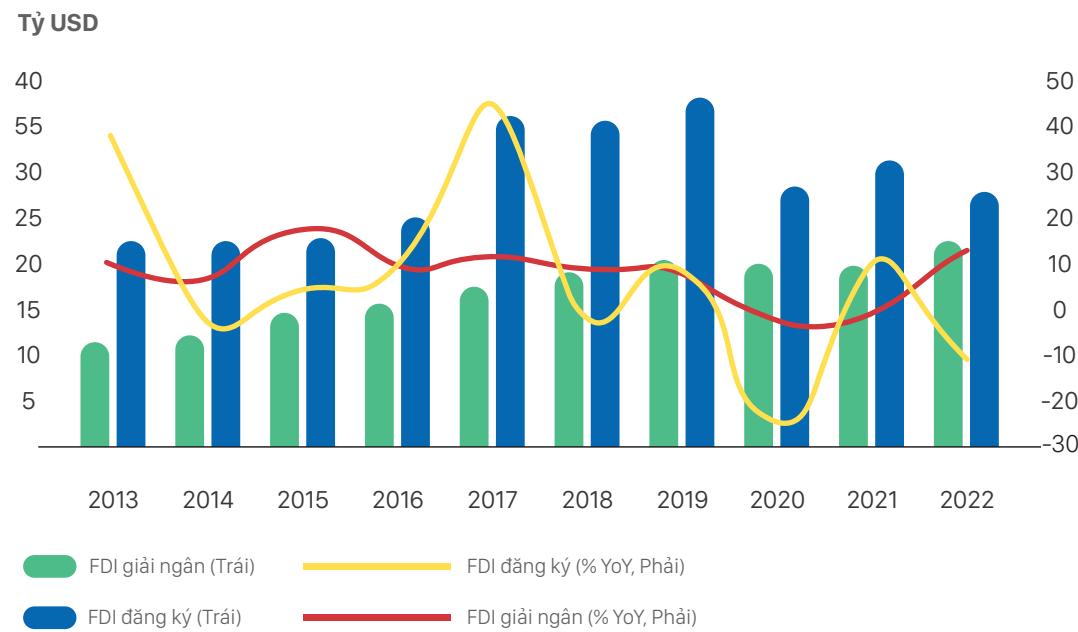
Nguồn: Bộ Tài chính, VCSC



Dòng vốn FDI duy trì triển vọng tích cực. Hoạt động nghiên cứu khả thi cho các dự án mới sau khi bị gián đoạn bởi COVID-19 có thể hỗ trợ giải ngân vốn FDI trong năm 2023. Thêm vào đó, Việt Nam có thể tiếp tục hưởng lợi từ việc các công ty đa quốc gia đa dạng hóa đầu tư và mở rộng thị trường sản xuất ra khỏi Trung Quốc trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn đang tiếp diễn. Bên cạnh đó, sự kiện nâng cấp quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc lên đối tác chiến lược toàn diện trong năm vừa qua được kỳ vọng sẽ tiếp tục thúc đẩy thương mại hai chiều giữa hai quốc gia và đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam. Ngoài ra, những lợi thế cơ bản của Việt Nam như vị trí địa lý, dân số cao/trẻ, chi phí lao động cạnh tranh và một loạt các hiệp định thương mại tự do có thể sẽ giúp Việt Nam tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài trong trung và dài hạn.

FDI GIẢI NGÂN VÀ ĐĂNG KÝ

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, VCSC



Tỷ giá USD/VND có thể sẽ ổn định trong năm 2023. Chu kỳ tăng lãi suất của Fed đang gần đạt đỉnh (với kỳ vọng của Fed về lãi suất cuối kỳ là 5,1%, tương đương với mức tăng 75 điểm cơ bản vào năm 2023), trong khi chỉ số USD Index (DXY) có thể sẽ mất giá 2,7% vào năm 2023 và 3,2% vào năm 2024, theo dự báo đồng thuận của Bloomberg. Ngoài ra, dòng vốn nước ngoài dồi dào từ FDI, kiều hối, thặng dư thương mại hàng hóa, bên cạnh thâm hụt thương mại dịch vụ thu hẹp (nhờ khách du lịch quốc tế quay trở lại) có thể hỗ trợ Ngân hàng Nhà nước trong việc điều hành tỷ giá USD/VND.



Áp lực lạm phát gia tăng trong năm 2023. Lạm phát bình quân có thể tăng trong năm 2023 do Chính phủ có khả năng sẽ tăng giá một số mặt hàng dịch vụ sau khi duy trì bình ổn hoặc giảm giá trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, CPI bình quân có thể vẫn nằm trong tầm kiểm soát ở mức 4,0% do một số giá hàng hóa cơ bản - đặc biệt là dầu thô - dự kiến sẽ giảm, điều này sẽ giúp giảm bớt lạm phát do chi phí đẩy.

CHIẾN LƯỢC & Mục tiêu kinh doanh VCSC



1. Đổi mới toàn diện

Nằm trong chiến lược đổi mới toàn diện nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đối với vấn đề tên và thương hiệu Công ty, chúng tôi nhận thấy rằng:

- Xét về độ nhận diện thương hiệu:** Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau: VCSC, Viet Capital Securities, VCI, Chứng khoán Bản Việt. Điều này đã làm pha loãng sức mạnh thương hiệu của Công ty và do đó cần phải nhanh chóng đồng nhất bộ nhận diện thương hiệu của Công ty.

Mặt khác, tên gọi "Chứng khoán Bản Việt" có thể làm cho khách hàng nhầm lẫn với một số tổ chức trong nước khác có tên tương tự. Trong khi đó, tên gọi "Vietcap" rất ngắn gọn, độc đáo và đã được các nhà đầu tư (đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức) trên thị trường tài chính trong và ngoài nước biết đến.

- Xét về mặt ngôn ngữ:** Từ "Vietcap" ngắn gọn, súc tích, dễ nhớ và có phát âm giống nhau trong cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.

Việc thay đổi tên Công ty thành "Vietcap" sẽ gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu cũng như nâng cao sức mạnh thương hiệu của Công ty. Bộ nhận diện thương hiệu của Công ty cũng cần được đổi mới theo hướng hiện đại và đơn giản hơn.

Từ những lý do trên, chúng tôi nhận thấy việc thay đổi tên Công ty và thay đổi bộ nhận diện thương hiệu là cần thiết, góp phần hoàn thiện các mục tiêu tăng trưởng và phát triển theo định hướng chiến lược Công ty trong thời gian sắp tới.



2. Tiếp tục đà phát triển, củng cố vị thế số 1 trong nghiệp vụ ngân hàng đầu tư

- Sau khi đạt đỉnh vào năm 2021, thị trường M&A Việt Nam chứng kiến sự chững lại trong năm 2022 do các bên tham gia giao dịch M&A có xu hướng chi tiêu thận trọng hơn, một phần là do những lo ngại về địa chính trị trên toàn cầu cùng nguy cơ về lạm phát cao gây ảnh hưởng đến các giao dịch xuyên quốc gia.

Trước thực tế đó, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng chậm hơn trong năm 2023 sau khi đạt mức tăng trưởng GDP năm 2022 là 8,02%. Tuy nhiên, ngay cả khi tốc độ tăng trưởng chậm lại vào năm 2023 đúng như dự báo, đây vẫn là mức tăng trưởng cao do hầu hết các nền kinh tế khác đều được dự đoán mức tăng trưởng thấp hơn nhiều, thậm chí là tăng trưởng âm. Trong bối cảnh đó, giá trị của các thương vụ M&A tại thị trường Việt Nam trong năm 2023 được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Với vị thế số 1 trong nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, chúng tôi tự tin khẳng định sang năm 2023, chúng tôi sẽ tiếp tục giữ vững và củng cố vị thế số 1 trong nghiệp vụ này. Công ty luôn có mối quan hệ tốt với các doanh nghiệp trong nước, các quỹ đầu tư trong nước và quốc tế, đồng thời là đơn vị tư vấn cho nhiều doanh nghiệp hàng đầu đang niêm yết tại Việt Nam.



2,5 triệu tài khoản
chứng khoán



3. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển môi giới bán lẻ

- Lĩnh vực môi giới chứng khoán được dự báo vẫn sẽ tiếp tục trải qua giai đoạn thách thức trong năm 2023 với sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty chứng khoán cùng chiến lược cho vay ký quỹ cao, áp dụng chính sách miễn/giảm phí giao dịch cùng với việc đầu tư rất nhiều cho đội ngũ môi giới, trả hoa hồng cao để chào mời nhà đầu tư mới và nhà đầu tư có thâm niên đang giao dịch tại những công ty khác qua nhiều kênh.

Số lượng nhà đầu tư cá nhân tham gia thị trường chứng khoán tiếp tục bùng nổ trong năm 2022 (với gần 2,5 triệu tài khoản chứng khoán, bằng tổng số tài khoản mở mới trong 5 năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 cộng lại).

Trước thực tế đó, chúng tôi sẽ tập trung phát triển lĩnh vực môi giới bán lẻ cho các nhà đầu tư cá nhân để nắm bắt cơ hội từ sự bùng nổ này. Đây là một trong những chiến lược trọng tâm của năm 2023. Để thực hiện chiến lược này, phòng Đối mới Sáng tạo đã được thành lập trong quý 3 năm 2022. Theo đó, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư về nhân sự, công nghệ và các hệ thống giao dịch hiện đại, đồng thời cải tổ toàn diện hệ thống công nghệ và đa dạng hoá sản phẩm phục vụ khách hàng. Tiêu biểu trong đó là các dự án phần mềm lõi (core) giao dịch chứng khoán niêm yết, phần mềm lõi giao dịch chứng khoán phái sinh; nâng cấp kênh giao dịch chứng khoán qua web và app mobile; xây dựng sản phẩm mở tài khoản trực tuyến eKYC, giúp khách hàng nhanh chóng sở hữu tài khoản giao dịch chứng khoán. ■



6,5% tốc độ tăng trưởng 2023

10% tăng trưởng EPS

P/E năm 2023 **9,5** lần



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Đối với mục tiêu của Chính phủ về tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,5% trong năm 2023, chúng tôi nhận định rằng đây là một mục tiêu khả thi nhờ một loạt các yếu tố hỗ trợ: (1) ngành du lịch được dự đoán sẽ tiếp tục phục hồi ấn tượng trong năm 2023, cầu tiêu dùng tiếp tục phục hồi sau đại dịch và được hỗ trợ tối đa từ nhu cầu du lịch trong nước và sự gia tăng số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (đặc biệt là từ Trung Quốc khi nước này đã thực hiện chính sách mở cửa lại sau COVID-19), (2) giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh, (3) việc Trung Quốc mở cửa sau COVID-19 sẽ giúp giá trị xuất khẩu của Việt Nam gia tăng mạnh mẽ và (4) sự ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội thông qua đẩy mạnh và điều chỉnh có hiệu quả Chương trình Phục hồi kinh tế trong năm 2023. Bộ phận Phân tích của Công

ty dự báo tăng trưởng EPS của VN-Index sẽ đạt khoảng 10% cho năm 2023 tương ứng với P/E dự phóng cho năm 2023 là 9,5 lần.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng không loại trừ những rủi ro nhất định có thể ảnh hưởng tới thị trường chứng khoán Việt Nam, ví dụ như (1) tăng trưởng toàn cầu giảm tốc cao hơn dự kiến dẫn đến gián đoạn lớn hơn đối với hoạt động sản xuất, thương mại và FDI, (2) lạm phát cao hơn dự kiến khiến lãi suất duy trì ở mức cao hơn trong thời gian dài hơn, (3) các vấn đề tài chính của các công ty phát triển bất động sản ảnh hưởng đến các ngân hàng và nền kinh tế, (4) chính sách tài khóa thắt chặt hơn dự kiến, và (5) các rủi ro khác như cuộc xung đột Nga - Ukraine tiếp tục leo thang.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Định hướng phát triển bền vững



"Trở thành một trong những Ngân hàng Đầu tư hàng đầu Việt Nam là tầm nhìn mục tiêu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)."

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, chúng tôi hiểu rằng, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và chính trực từ đội ngũ lãnh đạo và toàn thể nhân sự của Công ty là những yếu tố nòng cốt góp phần tạo nên một doanh nghiệp vững mạnh.



Cùng với đó, sự tin nhiệm và ủng hộ từ các đối tác liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các khách hàng, cổ đông và nhân viên của Công ty cũng là những mắt xích quan trọng đóng góp vào thành công chung đưa chúng tôi vươn cao vươn xa hơn trong hành trình phát triển bền vững.

Sứ mệnh của chúng tôi là cung cấp những dịch vụ chất lượng tối ưu với phong cách dịch vụ chuyên nghiệp, bảo tín cho sự tăng trưởng vượt trội và lâu bền mà chúng tôi đã và đang nỗ lực xây dựng mỗi ngày. Chúng tôi luôn phấn đấu duy trì mối quan hệ chất lượng và hoạt động kinh doanh tốt nhất vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan.



Tác động tích cực trong doanh nghiệp

- Tăng trưởng ổn định
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động
- Chăm lo đời sống cho người lao động
- Phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng trong đội ngũ
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ
- Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động



Tác động tích cực tới xã hội

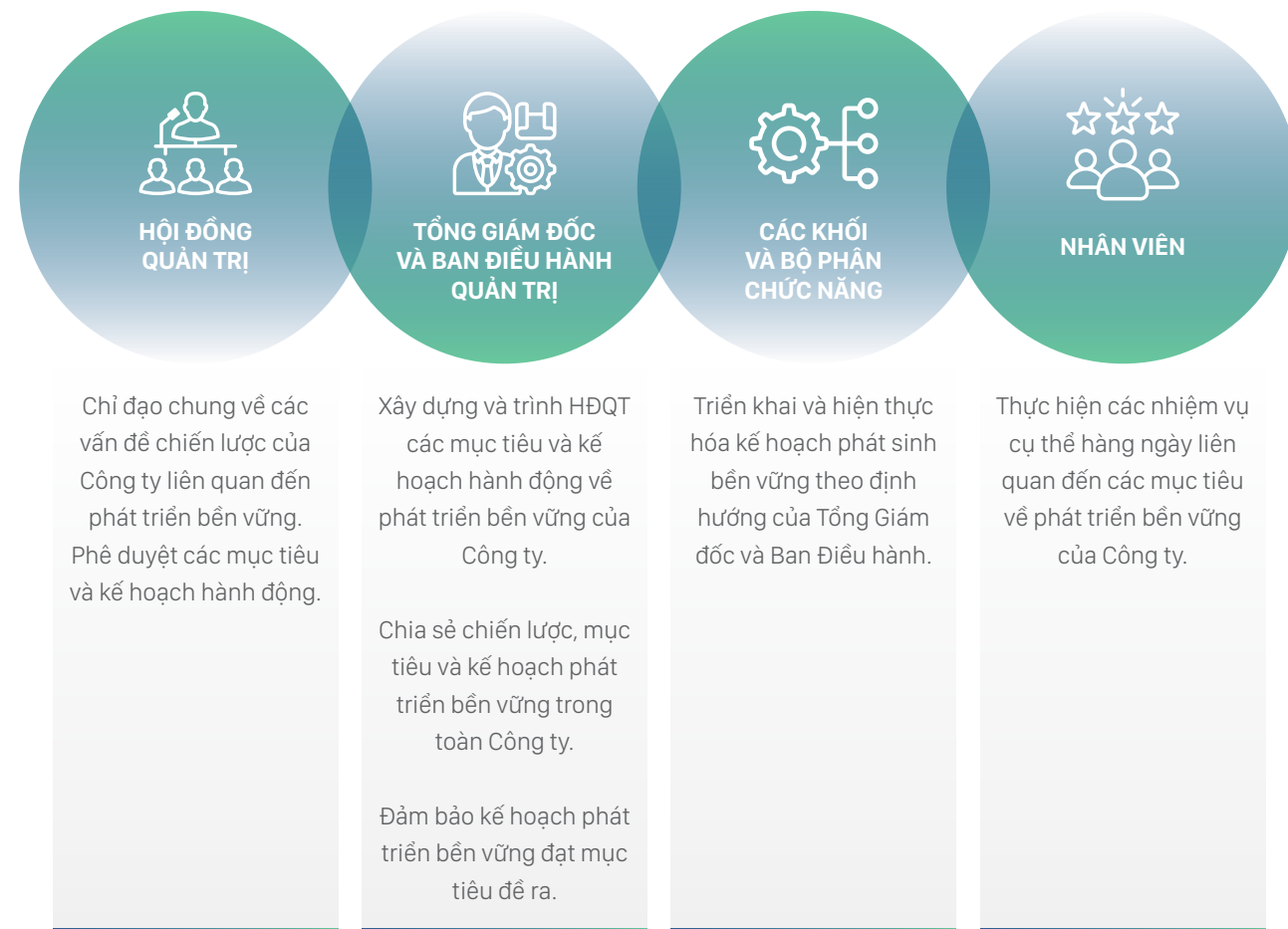
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước
- Chiến lược "đầu tư xanh"
- Bảo vệ môi trường
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ với cộng đồng



Tác động tích cực tới thị trường

- Duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định cho cổ đông
- Cung cấp những sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao đáp ứng như cầu khách hàng
- Kết nối vốn và cơ hội đầu tư
- Tham gia xây dựng đóng góp phát triển thị trường, là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế
- Hỗ trợ doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Đối với khách hàng:** Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mang đến cho khách hàng những khuyến nghị hợp lý, nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả với chi phí cạnh tranh.
- Đối với nhân viên:** Mang đến cho nhân viên môi trường làm việc rộng mở, nhiều thách thức với mức thù lao cạnh tranh, tạo ra cơ hội công bằng để mọi thành viên có điều kiện phát triển sự nghiệp, phát triển năng lực cá nhân.
- Đối với cổ đông:** Đảm bảo khoản đầu tư của các cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận vượt trội, bền vững.
- Đối với đối tác:** Tìm kiếm mối quan hệ song phương cùng có lợi với các đối tác. Luôn tuân thủ quy tắc đạo đức hướng tới mối quan hệ bền vững với các đối tác.
- Đối với xã hội:** Hoạt động kinh doanh như một thành viên có trách nhiệm trong xã hội nói chung cũng như trong cộng đồng mà Công ty đang hoạt động. Thực hiện các cam kết trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.

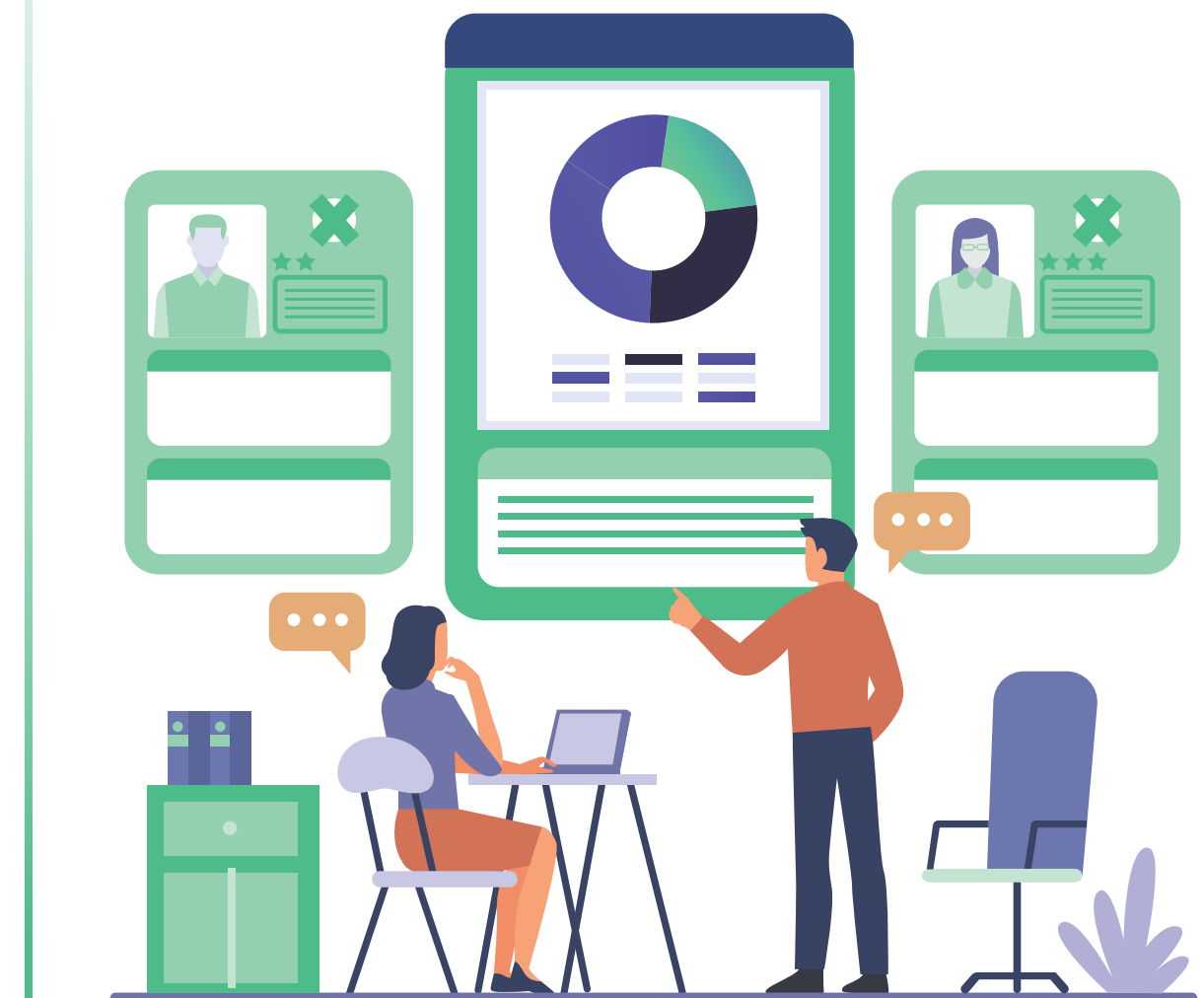
MỤC TIÊU CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VCSC



"VCSC đã và đang không ngừng đầu tư nghiên cứu và triển khai nhiều sáng kiến để thúc đẩy tối đa cơ hội tăng trưởng và phát triển tại thị trường chứng khoán trong nước cũng như đóng góp vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế xã hội Việt Nam."

Thông qua đó, VCSC đã có những đóng góp đáng kể trên các phương diện sau:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.
- Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành tài chính chứng khoán.
- Huy động vốn cho nền kinh tế Việt Nam.
- Hỗ trợ tăng trưởng của các mảng kinh doanh thông qua việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và minh bạch trong kinh doanh.
- Thúc đẩy các cơ hội phát triển và trao quyền cho thế hệ trẻ.
- Hỗ trợ cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống.



Tổng quan báo cáo

NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững VCSC năm 2022 thể hiện định hướng phát triển bền vững và cái nhìn tổng quan về một năm hoạt động tích cực và hiệu quả của VCSC, đồng thời rà soát những hạn chế cần khắc phục và hoạch định kế hoạch hoạt động trong tương lai.



VCSC thực hiện báo cáo này dựa trên Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Các vấn đề báo cáo được chi tiết hóa theo hệ thống tiêu chuẩn công bố thông tin G4. VCSC lựa chọn nguyên tắc Phù hợp - Cốt lõi cho báo cáo năm 2022, tập trung vào các lĩnh vực: hiệu quả hoạt động kinh tế, việc làm, giáo dục và đào tạo, thông tin nhân hàng sản phẩm và dịch vụ, cộng đồng địa phương.

Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm Báo cáo Phát triển bền vững - Công ty Chứng khoán Bản Việt, bao gồm các thành viên đến từ Phòng Truyền thông, Phòng Kế toán, Phòng Nhân sự và Thư ký HĐQT. Đây là những bộ phận chịu trách nhiệm về phần lớn các số liệu, thông tin liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu trong hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững VCSC năm 2022 được xem như một tài liệu bổ sung, một phần không thể thiếu và có sự gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2022, đồng thời đề cập đến định hướng và mục tiêu của VCSC trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm trụ sở chính và tất cả các chi nhánh, phòng giao dịch của VCSC trên cả nước.

Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của VCSC, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy định và quy trình về kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...

LIÊN HỆ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển bền vững VCSC, vui lòng liên hệ:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Email: info@vcsc.com.vn

Địa chỉ: Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.



Gắn kết các bên liên quan về mục tiêu phát triển bền vững

VCSC xác định mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty, bao gồm nhân viên, cổ đông, khách hàng/nhà đầu tư và cộng đồng địa phương.

Để đảm bảo phát triển toàn diện, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, VCSC trực tiếp thực hiện và tổ chức các hoạt động tương tác gắn kết với các bên liên quan:



Khách hàng/Nhà đầu tư

- Hội thảo
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp
- Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, Trung tâm chăm sóc khách hàng cá nhân và Phòng Dịch vụ
- Hỗ trợ khách hàng qua website VCSC
- Email gửi khách hàng
- Hộp thư góp ý đặt tại các phòng giao dịch



Cổ đông

- Đại hội cổ đông thường niên
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư
- Các buổi thuyết trình cho nhà đầu tư về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty
- Hỏi đáp qua website VCSC
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư



Nhân viên

- Họp tổng kết hàng quý, tổng kết năm
- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp với Ban giám đốc
- Tổ chức sinh nhật nhân viên trong tháng,...
- Thông tin, trao đổi qua điện thoại, email nội bộ
- Chương trình teambuilding, gắn kết đội ngũ
- Các hoạt động giao lưu được tổ chức hàng quý hoặc các sự kiện ngày gia đình, thiếu nhi...



Cộng đồng địa phương

- Hỗ trợ các hoạt động của giới trẻ qua các tổ chức thanh niên, sinh viên các trường đại học
- Tham gia các hoạt động phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những hoàn cảnh thiếu may mắn
- Tham gia các hoạt động môi trường và cộng đồng.

Báo cáo Hoạt động bền vững



ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



Trên cương vị một doanh nghiệp có hiệu quả hoạt động vượt trội với nhiều thành tích tiêu biểu, VCSC luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và khoản nộp ngân sách Nhà nước với mức đóng góp tăng dần qua các năm.

Trong suốt năm 2022, nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn phục hồi sau đại dịch, mặc dù có mang lại những kết quả khả quan nhưng vẫn không tránh khỏi những bất lợi dưới sự tác động nhiều chiều của nền kinh tế thế giới. Nhờ vào đường lối chiến lược với tầm nhìn sâu rộng mà VCSC đã và đang vững vàng vượt qua thách thức, tiếp tục duy trì hiệu quả quản lý nguồn vốn của Công ty và các nhà đầu tư, bảo đảm an toàn với hiệu suất sinh lời cao, đóng góp đều đặn vào ngân sách Nhà nước.



Riêng trong năm 2022, Công ty đã đóng góp (Đồng)

766.033.014.255

vào ngân sách Nhà nước.



CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC THAM GIA XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Ý thức được vai trò trách nhiệm đối với các nhà đầu tư, các nhà phát hành, các cơ quan quản lý thị trường cũng như với thị trường chứng khoán trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nói chung, ngoài việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về chứng khoán và các quy định có liên quan, VCSC luôn nỗ lực đóng góp ý kiến để xây dựng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về thị trường chứng khoán, nâng cao tính thực tiễn trong hoạt động đầu tư chứng khoán, đồng thời góp phần xây dựng một thị trường chứng khoán minh bạch, an toàn và phát triển bền vững.

Trong những năm qua, bộ phận Công nghệ thông tin không ngừng nâng cấp hạ tầng hệ thống và phần mềm giao dịch lõi, cải thiện đáng kể tốc độ hệ thống, đảm bảo chất lượng giao dịch, củng cố sự tin nhiệm đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tiếp tục xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng đáp ứng các yêu cầu về bảo mật, sao lưu dữ liệu và dự phòng rủi ro về hệ thống cũng như các vấn đề về thiên tai, thảm họa.

QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ AN TOÀN, MINH BẠCH



Trên tinh thần "Lấy khách hàng làm trọng tâm trên hành trình phát triển bền vững", chúng tôi không chỉ mong muốn mang lại nguồn tài chính ổn định mà còn bảo vệ các nhà đầu tư khỏi những rủi ro về tài sản.

Với các quy trình rõ ràng minh bạch từ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình đầu tư được kiểm soát chặt chẽ, VCSC luôn hướng tới mục tiêu xây dựng niềm tin, sự minh bạch và tăng trưởng về giá trị tài sản lâu dài cho nhà đầu tư.





KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG



Trải qua chặng đường 15 năm hình thành và phát triển với không ít thăng trầm cùng biến động, những thành tựu trong hoạt động kinh doanh và vị thế thương hiệu bền vững của VCSC đều được xây dựng trên nền tảng tín nhiệm và tin cậy của các đối tác liên quan bao gồm các khách hàng và cổ đông của Công ty.

Trên tinh thần đó, chúng tôi ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình đối với mỗi đối tác liên quan, đồng thời cam kết thực hiện trách nhiệm một cách chuyên nghiệp và hiệu quả nhất. VCSC hiểu rằng mục tiêu phát triển bền vững cần phải được kiến tạo từ chính những giá trị cốt lõi vững bền mà chúng tôi cống hiến cho cộng đồng trên mọi phương diện.

Đối với khách hàng và cổ đông, VCSC tập trung chú trọng vào mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên trước mọi biến động kinh tế xã hội. Đây chính là yếu tố then chốt quyết định khả năng tăng trưởng và vị thế vững chắc của VCSC trên chặng đường phía trước.

Cụ thể, đối với khách hàng, chúng tôi cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên cơ sở mang đến những khuyến nghị hợp lý, nhanh chóng, tiện lợi và hiệu quả cả về chi phí và chất lượng. Chúng tôi đặc biệt tâm huyết với sứ mệnh cung cấp cho khách hàng những dịch vụ có chất lượng tốt nhất, tạo ra giá trị thặng dư cho các đối tác liên quan và nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng. Đồng thời, VCSC cam kết tuyệt đối giữ gìn bí mật và bảo vệ thông tin của khách hàng. Đối với cổ đông, hoạt động của VCSC từ những ngày đầu luôn gắn liền với phương châm "Tất cả vì quyền lợi cổ đông", chúng tôi đảm bảo bảo toàn các khoản đầu tư của cổ đông và mang lại cho cổ đông giá trị lợi nhuận vượt trội và bền vững.

Sự ổn định, minh bạch, công bằng và an toàn cho mọi đối tượng đầu tư là kim chỉ nam xuyên suốt trong định hướng hoạt động của VCSC. Chúng tôi ý thức sâu sắc về thực tế rằng, một thị trường chứng khoán "khỏe mạnh" chỉ tồn tại và phát triển bền vững khi và chỉ khi quyền và lợi ích hợp pháp của những nhà đầu tư - những người kiến tạo nên thị trường - được đảm bảo.

Tại VCSC, chúng tôi tuyệt đối tôn trọng và tuân thủ các chính sách bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông. Tính đến ngày 28.12.2022, VCSC có 14.836 cổ đông, trong đó 118 cổ đông là tổ chức, 14.718 cổ đông là cá nhân. Chúng tôi luôn nỗ lực duy trì mối quan hệ tốt đẹp trên cơ sở đảm bảo hiệu quả của hoạt động kinh doanh vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan.

Mỗi cổ đông đều có: quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội Cổ đông; quyền nhận cổ tức với mức chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác; quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của Công ty... Chúng tôi đảm bảo việc đối xử bình đẳng với mọi cổ đông, không có ưu đãi đặc biệt cho bất kỳ đối tượng nào. Các quyết định do Hội đồng Quản trị đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết công khai.

Các quy định cụ thể của Pháp luật Nhà nước và điều lệ của Công ty được thực hiện nghiêm túc, rõ ràng, minh bạch. VCSC cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, công bằng, chính xác, hoàn chỉnh, khách quan, đúng hạn và dễ hiểu trên mọi khía cạnh, đặc biệt trong các tài liệu và các báo cáo để lưu trữ hoặc nộp lên các cơ quan Chính phủ và các phương tiện thông tin đại chúng. VCSC tự hào tiên phong trong việc nghiên cứu ứng dụng và đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ 4.0, liên tục đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông qua hệ thống website, email, ứng dụng di động... trên cơ sở an toàn bảo mật, thân thiện và tiện dụng với mọi đối tượng sử dụng, tạo điều kiện tối ưu để các đối tác, khách hàng nắm bắt thông tin thị trường một cách nhanh chóng và chính xác nhất.

Trên tinh thần hội nhập toàn cầu hóa, VCSC đảm bảo thực hiện công bố thông tin bằng cả hai ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh trên hệ thống website, bảo đảm các điều kiện tiếp cận thông tin đầy đủ và kịp thời cho cộng đồng nhà đầu tư trong nước và quốc tế, góp phần nâng tầm chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế thương hiệu và không ngừng mở rộng thị trường.



Tính đến ngày 28.12.2022, VCSC có:
(Cổ đông)

14.836



Cổ đông là tổ chức
(Cổ đông)

118



Cổ đông là cá nhân
(Cổ đông)

14.718



Cổ tức Đợt 1.2022:
(Đồng)

700



Vốn chủ sở hữu:
(Tỷ đồng)

6.495

Đặc biệt, VCSC chú trọng duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định theo hướng cân bằng về lợi ích và lợi nhuận qua các năm, đáp ứng hiệu quả nhu cầu đầu tư sinh lời từ nguồn vốn của cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty theo hướng bền vững. Đây được xem là một trong những tiêu chí tiên quyết và cốt lõi cho các nhà đầu tư khi lựa chọn một cổ phiếu uy tín và tiềm năng cho mục tiêu đầu tư dài hạn.



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO



VCSC xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất.

Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập với khả năng xác định, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả. Đặc biệt với các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ tại mọi thời điểm.



Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:

- 01** Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát; công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Ban điều hành.
- 02** Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể.
- 03** Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ.
- 04** Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, VCSC tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống.

Hàng năm, VCSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty. Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chính sách quản trị rủi ro được xây dựng và trình bày một cách rõ ràng, cụ thể, chi tiết các quy trình quản trị rủi ro cho từng hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo mọi nhân viên và bộ phận trong Công ty được tiếp cận, nắm vững và hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng/ban mình cũng như trách nhiệm của bản thân trong công tác quản trị rủi ro của Công ty.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi trưởng phòng, nhân viên của từng phòng/ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.

HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG

Với chúng tôi, ưu tiên đối mới trước hết không nằm ngoài mục tiêu làm hài lòng và bảo vệ quyền lợi của Quý Nhà đầu tư, tiếp theo là đảm bảo lợi ích chung của thị trường chứng khoán. Chúng tôi hiểu rằng, những nỗ lực của mình sẽ có đóng góp thiết thực vào sự phát triển chung của thị trường.



Việc liên tục cải tiến các quy cách hướng dẫn, cập nhật ứng dụng giao dịch, không ngừng trau dồi cách thức tiếp cận khách hàng trên mọi phương diện thông qua hàng loạt các chương trình cùng các đối tác công nghệ lớn như VPBank, BIDV, Ví điện tử TIMO, MOMO đã mang lại hiệu quả vượt trội và thành công thực tiễn.

Chúng tôi tin rằng, việc không ngừng mang tới những giá trị thiết thực cho khách hàng chính là động lực cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, VCSC đã và đang đẩy mạnh đầu tư vào phát triển hạ tầng công nghệ, không ngừng xây dựng những ứng dụng kỹ thuật số để phục vụ tối đa cho nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận thông tin, thực hiện giao dịch nhanh chóng của các nhà đầu tư.

Song song với việc tư vấn và hỗ trợ khách hàng trực tiếp thông qua đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, bài bản, VCSC còn duy trì và phát triển các kênh thông tin, ứng dụng hỗ trợ khách hàng đa dạng, bao gồm:

- **Các giải pháp giao dịch trực tuyến như V-Pro, V-Web Trading** cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.
- **Dịch vụ giao dịch trên thiết bị di động như V-Mobile:** phần mềm hỗ trợ thiết bị di động trên cả hai nền tảng iOS và Android với những tính năng tiên tiến đáp ứng nhu cầu giao dịch cần thiết nhất.
- **Hệ thống giao dịch trái phiếu V-Bond** thuận tiện, giúp khách hàng mua bán và theo dõi tài sản trái phiếu trực tuyến, cập nhật những thông tin trái phiếu mới nhất.
- **Giải pháp eKYC** giúp nhà đầu tư mới gia nhập thị trường đơn giản và thuận tiện hơn, chỉ cần vài thao tác nhanh gọn để nhà đầu tư có thể nạp tiền vào thực hiện giao dịch đầu tư.

Sản phẩm giao dịch trực tuyến hoạt động nhanh gọn, hướng dẫn quy trình, giao dịch đầy đủ rõ ràng, nhân viên sẵn sàng tư vấn và phục vụ.

HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ

VCSC TỔ CHỨC THÀNH CÔNG GIẢI BÓNG ĐÁ GIAO HỮU "VCSC 1568 TOURMALET"

Ngày 26.06.2022 vừa qua, tại TP.HCM, VCSC đã tổ chức thành công giải bóng đá giao hữu "VCSC 1568 Tourmalet". Với sự xuất hiện của dãy số "thần tài" 1568 tượng trưng cho "Một Năm Phát Tài", VCSC muốn truyền tải thông điệp đầy kỳ vọng về một năm tài chính thịnh vượng dồi dào đến tất cả các doanh nghiệp.



Giải đấu quy tụ sự tham gia của các vận động viên không chuyên đến từ 6 đơn vị: VCSC, BIDV Bến Nghé, BIDV Gia Định, SAPA Bến Thành, Katinat và D1 Concept. Kết quả chung cuộc, giải vô địch thuộc về D1 Concept, giải nhì thuộc về BIDV Gia Định và giải ba thuộc về SAPA Bến Thành.

Chương trình nằm trong khuôn khổ chuỗi hoạt động giao lưu thường niên giữa các doanh nghiệp tại TP.HCM do VCSC tổ chức, nhằm **củng cố tinh thần đoàn kết, mở rộng mạng lưới kết nối** giữa hệ thống doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện giải trí thư giãn, tăng cường sức khỏe thể lực, **nâng cao đời sống tinh thần và thể chất** cho đội ngũ nhân sự của các đơn vị.

Giải đấu đã nhận được sự quan tâm chú ý, nhiệt tình tham gia và theo dõi cổ vũ của đông đảo cán bộ nhân viên các đơn vị. Công tác tổ chức chuyên nghiệp của đơn vị "chủ nhà" VCSC được các đội bạn đánh giá cao, để lại nhiều dấu ấn và phản hồi tích cực sau khi kết thúc giải đấu. Đây là tiền đề và động lực để VCSC tiếp tục mở rộng quy mô tổ chức các chương trình ý nghĩa hơn nữa cho cộng đồng doanh nghiệp trong thời gian tới.



NÂNG CAO TINH THẦN THỂ THAO

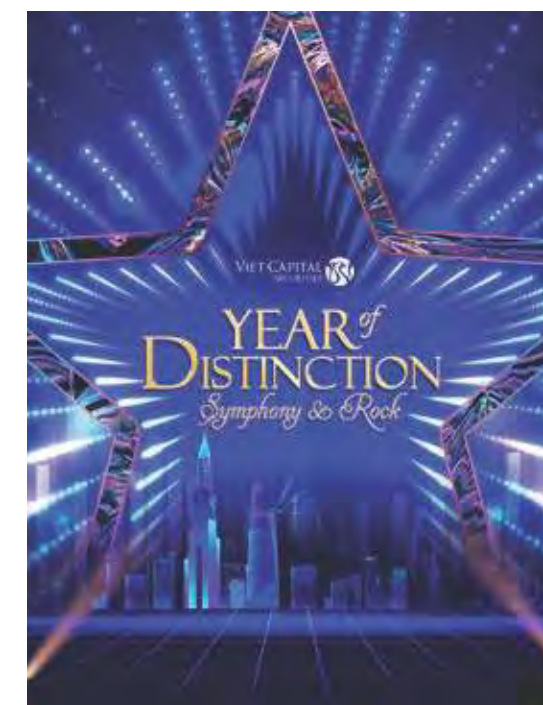
Bên cạnh các phúc lợi lao động cơ bản, nhân viên của VCSC còn được tài trợ toàn bộ các chi phí để tham gia vào các câu lạc bộ thể thao nội bộ như bóng đá, cầu lông, tennis,... Ngoài các buổi sinh hoạt định kỳ hàng tuần, các câu lạc bộ thể thao của VCSC còn tham gia các giải đấu giao hữu với các đơn vị, tổ chức khác.

Việc được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ không chỉ giúp các nhân viên VCSC rèn luyện sức khỏe mà còn nâng cao tinh thần đoàn kết và cơ hội giao lưu, góp phần tăng cường hiệu quả và hiệu suất công việc.

HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NỘI BỘ

Tại VCSC, chuỗi chương trình nội bộ như Tiệc tất niên, Quốc tế Thiếu nhi, Quốc tế Phụ nữ, Chúc mừng Sinh nhật nhân viên,... là những hoạt động nội bộ được duy trì định kỳ trong suốt nhiều năm. Vào đầu tháng 01.2023 vừa qua, để khép lại một năm đầy bứt phá với những thành tích ấn tượng, buổi tất niên với chủ đề **"YEAR OF DISTINCTION: Symphony & Rock - MỘT NĂM CỦA SỰ ĐẶC SẮC"** đã diễn ra vô cùng trang trọng và ấm cúng với sự hiện diện của toàn thể đội ngũ lãnh đạo và nhân sự VCSC.

Company Trip (hay còn gọi là Awayday) là hoạt động thường niên lớn nhất và được quan tâm nhất dành cho tất cả các nhân viên trên cả nước của VCSC. Theo thông lệ hàng năm, chương trình là những chuyến đi có thể kéo dài từ 2 - 3 ngày bao gồm các chuỗi hoạt động giải trí và gắn kết các thành viên VCSC lại với nhau. Sau 2 năm vắng bóng, hành trình Awayday trở lại với chủ đề **"RECHARGE TO CHARGE - TÁI NẠP NĂNG LƯỢNG"**. Chuyến đi đã mang đến cho các VCSC-ers nhiều cung bậc cảm xúc và năng lượng tích cực sau một quãng thời gian dài vắng vàng đường đầu vượt qua khó khăn thách thức.



Các hoạt động nội bộ này được xây dựng với mục đích mang lại điều kiện giao lưu giữa Ban lãnh đạo và nhân viên, giữa từng phòng ban với nhau, tạo môi trường làm việc thuận lợi để mỗi cá nhân có cơ hội phát huy năng lực bản thân và đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG:

Trao yêu thương Tương lai rộng mở



4.000 BƯỚC ĐI VCSC TRAO TẤM LÒNG ĐẾN NHỮNG NGƯỜI KHÓ KHĂN

"Đồng hành chăm lo cho người dân có hoàn cảnh khó khăn" là một chủ đề ý nghĩa. Thấu hiểu điều đó, VCSC đã có những đóng góp thiết thực và cùng đồng hành trong Chương trình Đi bộ gây quỹ do Quận ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận Phú Nhuận tổ chức vào sáng sớm 27.11.2022.

Với sự tham gia, ủng hộ từ các cấp lãnh đạo thành phố và địa phương, cùng sự nhiệt tình hưởng ứng từ người dân. Chương trình đi bộ đã hoàn thành tốt đẹp với quãng đường dài 3,2km qua các trục đường quận Phú Nhuận như: Hoa Phượng, Trường Sa, Phan Đình Phùng, Phan Đăng Lưu và Phan Xích Long, góp phần gây quỹ 112 tỷ đồng, trao tặng những món quà ý nghĩa: 1.099 căn nhà tình thương, 8.750 suất học bổng, 9.027 thẻ bảo hiểm y tế...

112
tỷ đồng gây quỹ

1.099
căn nhà tình thương

8.750
suất học bổng

9.027
thẻ bảo hiểm y tế



200 CHIẾC XE ĐẠP CHO HỌC SINH KHÓ KHĂN TỈNH VĨNH LONG

Trên tinh thần cam kết hỗ trợ cộng đồng và xác định giáo dục gắn với sự phát triển bền vững, VCSC đã hợp tác cùng với Thành Đoàn TP.HCM tổ chức chương trình thiện nguyện trao tặng 200 chiếc xe đạp Martin 107 cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Vĩnh Long. Hoạt động này nhằm giúp đỡ các em rút ngắn khoảng cách đến trường an toàn và phần nào đó giúp gia đình yên tâm khi cho các em đi học.



TRAO YÊU THƯƠNG, XUÂN TIẾP SỨC

Trong những ngày cận Tết, VCSC đã phối hợp với Thành đoàn thực hiện chương trình "Xuân yêu thương" dành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Thông qua chương trình, VCSC mong muốn gửi đến các em những phần quà yêu thương nhằm chia sẻ, tiếp sức, đồng hành cùng các em vượt qua hoàn cảnh khó khăn, phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. Hơn nữa phần nào giúp em các cảm thấy được chia sẻ, góp thêm chút niềm vui cho dịp tết này để các em yên tâm học tập và phát triển toàn diện.

Với sự hỗ trợ của các cộng tác viên, đã có rất nhiều phần quà được trao đến tay các em, bao gồm những phần quà thiết thực như thực phẩm và nhu yếu phẩm cần thiết cho mùa Tết thêm ý nghĩa. Cầm trên tay món quà yêu thương, các em đều rất hào hứng. Đó cũng chính là động lực để VCSC cố gắng hơn nữa khi tổ chức những chương trình thiện nguyện tiếp theo.





CÁC CHỈ SỐ TỔNG QUAN

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
Chiến lược phân tích			
G4-2	Mô tả các tác động rủi ro và cơ hội chính	Định hướng phát triển bền vững; Quản trị doanh nghiệp hướng tới PTBV	113
Hồ sơ tổ chức			
G4-3	Báo cáo tên tổ chức	Tổng quan về báo cáo	14
G4-4	Sản phẩm dịch vụ chính	Ngành nghề kinh doanh - Báo cáo thường niên	13
G4-5	Trụ sở chính	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	14
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý của tổ chức	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	16
G4-8	Thị trường phục vụ	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	27
G4-9	Quy mô của doanh nghiệp báo cáo	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	09
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	36
Xác định các Ranh giới và Lĩnh vực trọng yếu			
G4-18	Giải thích quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo. Nêu rõ doanh nghiệp đã áp dụng các quy tắc báo cáo để xây dựng nội dung báo cáo như thế nào	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững; Xác định các lĩnh vực trọng yếu	
Xác định các Ranh giới và Lĩnh vực trọng yếu			
G4-19	Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	Xác định lĩnh vực trọng yếu	20
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó.	Báo cáo không có việc trình bày lại thông tin nào gây ảnh hưởng	23
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô và các Ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn trước đây	Báo cáo không có thay đổi gì lớn so với nội dung yêu cầu	24

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
Sự tham vấn của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với doanh nghiệp	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	117
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	116
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	116
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của các bên liên quan, doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	121
Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	Tổng quan về báo cáo	
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	Năm 2022 (thực hiện báo cáo cho năm 2021)	
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
G4-31	Địa chỉ liên hệ	Tổng quan về báo cáo	
Quản trị			
G4-34	Báo cáo cơ cấu quản trị của tổ chức	Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức - Báo cáo thường niên	90
G4-37	Báo cáo các quy trình tham vấn các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Ứng xử với các bên liên quan	
Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc thiết lập mục đích, giá trị và chiến lược			
G4-45	Báo cáo vai trò cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động quản trị rủi ro - Báo cáo Thường niên; Quản trị Doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	73
Thù lao và các khoản lợi ích			
G4-51	Báo cáo cơ chế thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các Giám đốc điều hành cấp cao	Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT & BKS - Báo cáo thường niên	86

CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
MỤC TIÊU KINH TẾ			
Hiệu quả kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	
Các ảnh hưởng kinh tế trực tiếp			
G4-EC8	Những tác động gián tiếp về kinh tế	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	
MỤC TIÊU KINH TẾ			
Cách đối xử với người lao động và việc làm bền vững			
			46
Việc làm			
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	40
G4-LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	46
Giáo dục đào tạo			
G4-LA9	Giờ đào tạo mỗi năm cho người lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và danh mục người lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	45
Tính đa dạng và cơ hội nghề nghiệp bình đẳng			
G4-LA12	Thành phần của các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	40



GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
Công bằng thù lao cho Nữ và Nam			
G4-LA13	Tỷ lệ lương và thù lao cơ bản của phụ nữ so với nam giới theo danh mục người lao động, và theo địa điểm hoạt động quan trọng	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	46
Cộng đồng địa phương			
G4-S01	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	124
Trách nhiệm đối với sản phẩm			
G4-LA9	Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng	Hành động vì khách hàng	

KHẪNG ĐỊNH VỊ THẾ



Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư

Thông tin cổ phiếu 2022



Giá cổ phiếu VCSC: **23.250** đồng vào cuối năm 2022

Năm 2022 ghi nhận nhiều biến động trên cả tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu nói chung và cho diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Hàng loạt sự kiện vĩ mô làm cản trở đà phục hồi của kinh tế toàn cầu trong năm 2022, trong đó có:



(1) Xung đột Nga - Ukraine bắt đầu từ tháng 2 năm 2022 khiến giá dầu và một số hàng hóa khác tăng đột biến, góp phần lớn vào sự gia tăng lạm phát trên toàn cầu.



(2) Các biện pháp chống COVID-19 của Trung Quốc làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.



(3) Các đợt tăng lãi suất của FED và sự tăng giá của đồng USD so với các đồng tiền khác trên thế giới.

Theo đó, các đợt tăng lãi suất mạnh của FED buộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) phải thích ứng bằng các đợt tăng lãi suất vào tháng 9 và tháng 10 năm 2022. Ngoài ra, việc bắt giữ những nhân vật chủ chốt trong các công ty bất động sản lớn trong nước - cùng với việc ban hành Nghị định 65 quy định về phát hành và kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp - đã gây ra một số lo ngại về triển vọng tái cấp vốn trong lĩnh vực bất động sản.

Ban lãnh đạo của VCSC đã thẳng thắn nhìn nhận những cơ hội cũng như thách thức của năm 2022 và đặt kế hoạch lợi nhuận năm 2022 dự kiến đạt 1.900 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng nhẹ 3% so với thực hiện năm 2021 trong Đại hội Cổ đông thường niên của VCSC tổ chức vào tháng 4 năm 2022. Tại thời điểm đó, Ban lãnh đạo của VCSC đã xây dựng

kịch bản kinh doanh năm 2022 dựa trên giả định VN-Index xoay quanh 1.550 điểm. Tuy nhiên, với nhiều diễn biến vĩ mô khó lường cả trong và ngoài nước, VN-Index ghi nhận mức sụt giảm mạnh trong năm 2022, đảo ngược gần như hoàn toàn mức tăng mạnh đã ghi nhận được trong năm 2021. VN-Index giảm 33% trong năm 2022 và kết thúc năm tại mức 1.007 điểm.

Với những biến động của tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến của thị trường, VCSC đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế 1.060 tỷ đồng trong năm 2022, giảm 43% so với năm 2021. Giá cổ phiếu của VCSC qua đó cũng ghi nhận mức giảm trong năm 2022. Cổ phiếu VCSC đạt mức 23.250 đồng vào cuối năm 2022, giảm 57% từ mức 54.300 đồng vào đầu năm 2022.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ 2022

Trong năm 2022, VCSC tiếp tục duy trì hoạt động cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty một cách thường xuyên, đầy đủ, và chính xác.

Đi kèm với các Báo cáo Tài chính hằng quý, VCSC luôn phát hành các Báo cáo Hoạt động kinh doanh hằng quý, trong đó nêu chi tiết tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của từng bộ phận. Cổng tiếp nhận thư điện tử: **ir@vcsc.com.vn** cũng nhận được nhiều yêu cầu thông tin từ Quý Nhà đầu tư về chiến lược tổng thể cũng như tình hình tài chính của VCSC và đã nhanh chóng chuyển đến bộ phận liên quan để giải đáp. Thông qua các kênh thông tin trên, Ban quản trị VCSC đã làm việc sâu sát với các nhà đầu tư có quan tâm đến cổ phiếu VCI, qua hình thức họp theo nhóm hoặc hình thức họp 1:1.



Hoạt động Thị trường vốn

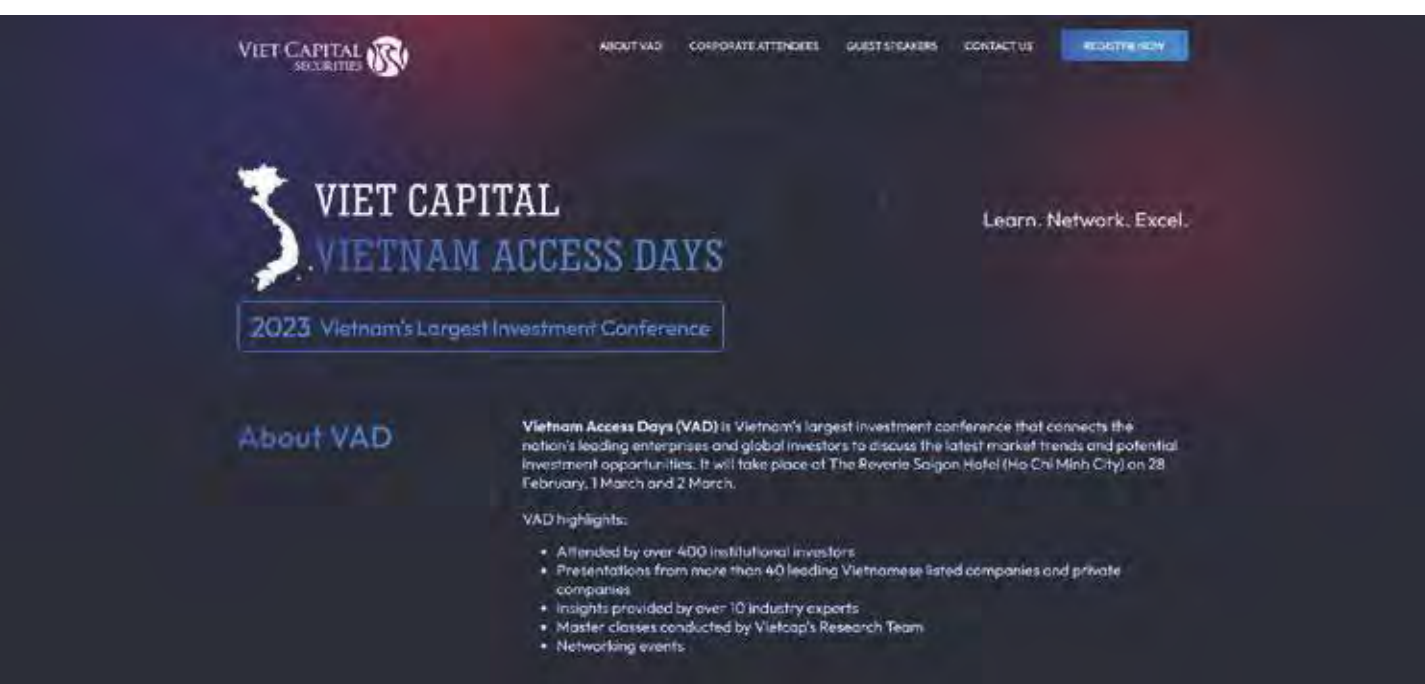
Cầu nối giao thương
gắn kết các thương vụ đầu tư thành công

NĂM THỨ 9 VCSC tổ chức thành công chương trình Vietnam Access Day (VAD)

 **460**
chuyên gia

 **38**
doanh nghiệp

 **17**
chuyên gia/diễn giả



Với tinh thần không ngừng nỗ lực nghiên cứu phát triển và mạnh dạn đầu tư ứng dụng công nghệ kỹ thuật số tiên tiến trong hoạt động vận hành, bộ phận Môi giới Tổ chức của VCSC đã thành công trong việc đảm bảo cung cấp các dịch vụ chất lượng nhất cho khách hàng dưới nhiều hình thức đa dạng và linh hoạt ngay trong những giai đoạn biến động phức tạp do ảnh hưởng của tình hình kinh tế chính trị trong nước và quốc tế.

Theo đó, năm 2022 là lần thứ 9 liên tiếp VCSC tổ chức thành công chương trình Vietnam Access Day (VAD), Hội thảo đầu tư thường niên nổi bật trong ngành ở Việt Nam, nhằm tạo cơ hội cho doanh nghiệp trong nước gặp gỡ, thiết lập quan hệ với các nhà đầu tư quốc tế và tìm kiếm thêm nguồn vốn, cũng như giúp nhà đầu tư nước ngoài biết rõ hơn về tình hình kinh tế và doanh nghiệp

Việt Nam để có thể đưa ra các quyết định phù hợp. Thông qua chương trình này, VCSC mong muốn trở thành cầu nối gắn kết hữu hiệu cho các cơ hội đầu tư, đồng thời góp phần đưa Việt Nam trở lại danh sách các địa điểm ưa chuộng của những nhà đầu tư quốc tế.

VAD năm nay thu hút 460 nhà đầu tư đại diện tham dự từ các quỹ đầu tư, 38 doanh nghiệp cùng 17 chuyên gia/diễn giả tham gia trao đổi kiến thức, thông tin. Đây cũng là lần đầu tiên trong VAD có phiên thảo luận bao gồm các nhà quản lý quỹ, đại diện cho Dragon Captial, VinaCapital, Pyn Elite Fund. Tại buổi hội thảo, đại diện các tổ chức đã thẳng thắn chia sẻ nhiều quan điểm về dự báo xu hướng phát triển của thị trường trong thời gian tới, đồng thời ghi nhận tiềm năng tăng trưởng đầy hứa hẹn của khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu Cổ đông tính đến hết ngày 28.12.2022

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TỔNG SỐ VỐN CỔ PHẦN	435.499.901	4.354.999.010.000	100%
1. Cổ đông nội bộ			
HDQT, BGD, BKS, KTT	125.700.522	1.257.005.220.000	28,86%
2. Cổ đông khác			
Cá nhân, tổ chức	309.799.379	3.097.993.790.000	71,14%

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TỔNG SỐ VỐN CỔ PHẦN	435.499.901	4.354.999.010.000	100%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	121.534.427	1.215.344.270.000	27,91%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	155.262.815	1.552.628.150.000	35,65%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	158.702.659	1.587.026.590.000	36,44%

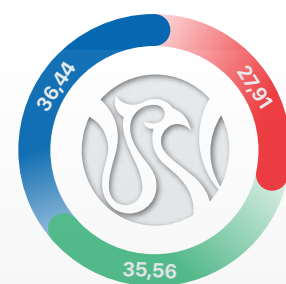
Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TỔNG SỐ VỐN CỔ PHẦN	435.499.901	4.354.999.010.000	100%
Cổ đông nước ngoài	87.206.838	872.068.380.000	20,03%
Cổ đông trong nước	348.293.063	3.482.930.630.000	79,97%

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO CỔ PHẦN (%)



● Cổ đông nội bộ
● Cổ đông khác

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO SỞ HỮU (%)



● Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên
● Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%
● Cổ đông sở hữu dưới 1%

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC (%)



● Cổ đông nước ngoài
● Cổ đông trong nước

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cá nhân/Tổ chức	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu đã được lưu ký	Tỷ lệ sở hữu
1	Tô Hải	98.695.695	16.484.000	22,66%
2	Trương Nguyễn Thiên Kim	22.838.732	5.200.000	5,25%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	
			Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)
Hội đồng Quản trị				
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	17.550.000	4,03%
2	Tô Hải	Thành viên HĐQT	98.695.695	22,66%
3	Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	702.000	0,16%
4	Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT	0	0%
7	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	0	0%
Ban Tổng Giám đốc				
1	Đình Quang Hoàn	Phó TGĐ	5.417.035	1,24%
2	Nguyễn Quang Bảo	Phó TGĐ	2.985.320	0,69%
Ban Kiểm soát				
1	Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	0	0,00%
3	Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	0	0,00%
Kế toán trưởng				
1	Đoàn Minh Thiện	Kế toán trưởng	325.000	0,07%
Phụ trách quản trị Công ty				
1	Bùi Vũ Hoàng Tuyên	Phụ trách quản trị Công ty	25.472	0,01%
TỔNG CỘNG			125.700.522	28,86%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

- 142 Thông tin về Doanh nghiệp
- 143 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 144 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 146 Báo cáo Tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)
- 150 Báo cáo Kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)
- 152 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b – CTCK)
- 155 Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)
- 156 Thuyết minh Báo cáo Tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)



Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 91/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng ban (từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Ông Trương Ngọc Hoài Phương	Trưởng ban (đến ngày 08 tháng 3 năm 2022)
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
------------	---------------

Trụ sở chính

Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco
Số 2, Đường Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập Báo cáo Tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập Báo cáo Tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập Báo cáo Tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của Báo cáo Tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn Báo cáo Tài chính đính kèm từ trang 146 đến trang 221. Báo cáo Tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Tô Hải

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2023. Báo cáo Tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh Báo cáo Tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 146 đến trang 221.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo Tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo Tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo Tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo Tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)



Trần Thị Thanh Trúc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13100
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Đoàn Trần Phương Thảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4701-2019-006-1



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
TÀI SẢN				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.157.693.071.824	16.568.965.942.558
110	Tài sản tài chính		14.105.852.063.553	16.415.067.989.149
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	3.423.501.614.803	1.131.748.599.533
111.1	Tiền		2.313.501.614.803	1.131.748.599.533
111.2	Các khoản tương đương tiền		1.110.000.000.000	-
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2(a)	665.257.896.316	1.221.516.469.435
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.2(b)	885.888.640.000	753.719.000.000
114	Các khoản cho vay	3.3	5.279.279.236.685	7.701.237.131.479
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	3.2(c)	3.734.009.015.450	5.323.810.269.012
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thể chấp	3.3	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
117	Các khoản phải thu		91.374.339.025	236.146.930.094
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	3.4	31.889.442.000	188.294.807.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		59.484.897.025	47.852.123.094
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3.4	59.484.897.025	47.852.123.094
118	Trả trước cho người bán	3.5	2.306.029.740	20.164.828.099
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	28.333.567.121	30.823.037.084
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(1.928.450.000)	(1.928.450.000)
130	Tài sản ngắn hạn khác		51.841.008.271	153.897.953.409
131	Tạm ứng		973.203.243	530.106.947
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		342.890.728	76.961.000
133	Chi phí trả trước ngắn hạn		4.387.924.500	2.574.424.574
135	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.543.240
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.7(a)	46.136.989.800	150.714.917.648
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		85.058.244.998	67.299.004.559
220	Tài sản cố định		23.496.558.588	13.155.825.424
221	Tài sản cố định hữu hình	3.6(a)	22.456.280.125	9.960.774.421
222	Nguyên giá		80.848.183.754	62.383.707.160
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(58.391.903.629)	(52.422.932.739)
227	Tài sản cố định vô hình	3.6(b)	1.040.278.463	3.195.051.003
228	Nguyên giá		50.615.835.542	49.981.431.542
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(49.575.557.079)	(46.786.380.539)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.6(c)	7.359.767.000	5.809.600.000
250	Tài sản dài hạn khác		54.201.919.410	48.333.579.135
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		6.864.190.240	4.927.625.066
252	Chi phí trả trước dài hạn		13.290.531.600	10.702.485.700
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.7(b)	23.914.928.922	22.591.443.032
255	Tài sản dài hạn khác	3.7(c)	10.132.268.648	10.112.025.337
270	TỔNG TÀI SẢN		14.242.751.316.822	16.636.264.947.117

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		7.747.283.145.208	10.094.401.701.730
310	Nợ phải trả ngắn hạn		7.487.464.949.226	9.615.482.121.617
311	Vay ngắn hạn		6.326.207.142.857	6.362.680.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.9	6.326.207.142.857	6.362.680.000.000
316	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.9	547.100.000.000	1.964.070.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.10	12.400.167.546	79.581.842.302
320	Phải trả người bán ngắn hạn	3.11	16.020.566.000	587.193.591.020
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.12	221.000.000	52.551.076.244
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.13	46.067.330.600	157.629.858.019
323	Phải trả người lao động		112.156.022.703	326.845.972.777
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	140.272.500
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.14	110.247.314.968	72.911.685.779
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.15	317.045.404.552	11.877.822.976
340	Nợ phải trả dài hạn		259.818.195.982	478.919.580.113
356	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.16	259.818.195.982	478.919.580.113
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ			7.747.283.145.208	10.094.401.701.730
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.495.468.171.614	6.541.863.245.387
410	Vốn chủ sở hữu		6.495.468.171.614	6.541.863.245.387
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.364.499.010.000	3.334.500.000.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.17	4.354.999.010.000	3.330.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.354.999.010.000	3.330.000.000.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		9.500.000.000	4.500.000.000
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.18	1.030.130.358.576	1.665.653.687.451
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		67.496.330.852	67.496.330.852
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		233.096.330.852	233.096.330.852
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.19	800.246.141.334	1.241.116.896.232
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		791.426.130.951	1.024.259.038.107
417.2	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		8.820.010.383	216.857.858.125
TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			6.495.468.171.614	6.541.863.245.387
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.242.751.316.822	16.636.264.947.117

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.1	25.145.170.448	25.145.170.448
005	Ngoại tệ các loại (quy ra VND)	4.2	21.169.108.717	237.318.007.088
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.3	435.499.901	333.000.000
			Theo số lượng	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của công ty chứng khoán	4.4	56.400.338	98.582.364
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	4.5	509.600	5.226.586
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	4.6	23.864.101	24.922.159
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.7	14.379.100	33.417.400
			Theo số lượng	
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		3.303.485.792	2.770.078.395
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		2.651.433.724	2.223.890.918
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		185.960.814	175.669.929
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		438.337.063	326.821.911
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.863.441	1.863.441
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		25.890.750	41.832.196
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		28.445.780	38.060.123

Mã số	CHỈ TIÊU	Tại ngày	
		31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)		
026	Tiền gửi của khách hàng	2.215.437.099.227	3.134.359.469.453
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.630.139.522.487	1.427.063.444.480
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	345.167.970.766	38.650.610.938
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	585.297.576.740	1.707.296.024.973
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	562.180.386.740	1.677.096.776.973
029.2	Tiền gửi tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	23.117.190.000	30.199.248.000
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.630.139.522.487	1.427.063.444.480
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.129.292.077.485	1.227.164.620.341
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	500.847.445.002	199.898.824.139
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	1.669.649.100

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		1.201.683.322.439	1.864.457.170.207
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	1.431.873.905.175	1.589.792.906.521
01.2	(Giảm)/tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(272.875.074.860)	182.633.550.307
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	66.985.745.980	55.110.709.878
01.4	(Giảm)/tăng chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	(24.301.253.856)	36.920.003.501
02	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")		64.247.120.862	3.303.443.834
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		708.154.429.982	576.917.998.289
04	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")		107.410.888.493	94.549.192.664
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.011.221.765.817	857.252.510.639
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	272.727.272
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		7.479.717.052	10.566.741.414
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		10.997.351.336	9.567.780.983
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		44.665.254.181	274.717.254.545
11	Thu nhập hoạt động khác		382.886.183	15.463.904.645
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		3.156.242.736.345	3.707.068.724.492
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		(900.399.312.647)	(650.260.538.269)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(936.490.470.685)	(616.696.682.328)
21.2	Giảm/(tăng) chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	25.213.517.094	(24.561.465.059)
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(1.037.861.000)	-
21.4	Giảm/(tăng) chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	11.915.501.944	(9.002.390.882)
24	Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	3.3	-	214.202.387
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(19.503.078.747)	(30.162.262.479)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(429.270.571.569)	(570.693.058.669)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(20.168.782.538)	(10.360.354.702)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính		(29.189.433.977)	(58.245.253.838)
32	Chi phí các dịch vụ khác		-	(6.626.556.952)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(1.398.531.179.478)	(1.326.133.822.522)

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện		28.280.000.000	20.675.000.000
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		7.268.432.639	4.941.869.946
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		35.548.432.639	25.616.869.946
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	5.4	(116.511.865.797)	(9.741.600.000)
52	Chi phí lãi vay	5.4	(477.360.036.322)	(330.776.772.616)
55	Chi phí tài chính khác	5.4	(106.578.173.967)	(27.321.991.009)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH		(700.450.076.086)	(367.840.363.625)
61	CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.5	(76.767.476.142)	(187.858.228.291)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.016.042.437.278	1.850.853.180.000
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác	5.6	44.543.029.091	69.316.632
72	Chi phí khác		(846.752.984)	(337.103.544)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		43.696.276.107	(267.786.912)
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.059.738.713.385	1.850.585.393.088
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.319.786.023.063	1.664.595.695.221
92	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(260.047.309.678)	185.989.697.867
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(190.760.527.583)	(351.867.017.760)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(250.981.079.495)	(309.748.513.618)
100.2	Hoàn nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại		60.220.551.912	(42.118.504.142)
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		868.978.185.802	1.498.718.375.328
300	(LỖ)/THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		(635.523.328.875)	1.238.958.350.345
301	(Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.18	(635.523.328.875)	1.238.958.350.345
400	TỔNG (LỖ)/THU NHẬP TOÀN DIỆN		(635.523.328.875)	1.238.958.350.345
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông (Đồng/cổ phiếu)	5.8	1.999	4.502
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	5.8	1.999	4.502

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		1.059.738.713.385	1.850.585.393.088
02	Điều chỉnh cho các khoản:		427.676.933.455	290.207.389.587
03	Khấu hao tài sản cố định		9.647.191.174	7.496.942.452
04	Các khoản dự phòng		-	(214.202.387)
06	Chi phí lãi vay	5.4	477.360.036.322	330.776.772.616
07	Lỗ từ hoạt động đầu tư		154.602.984	-
08	Dự thu tiền lãi		(59.484.897.025)	(47.852.123.094)
10	Điều chỉnh các chi phí phi tiền tệ		(25.213.517.094)	24.561.465.059
11	(Giảm)/tăng chênh lệch giảm đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	5.2	(25.213.517.094)	24.561.465.059
18	Điều chỉnh các doanh thu phi tiền tệ		272.875.074.860	(182.633.550.307)
19	Giảm/(tăng) chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	5.2	272.875.074.860	(182.633.550.307)
30	Thay đổi trong vốn lưu động		2.006.811.362.129	(5.732.733.292.320)
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		308.597.015.353	(448.620.781.888)
32	Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")		(132.169.640.000)	(647.719.000.000)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		2.421.957.894.794	(3.819.594.413.307)
34	Giảm/(tăng) tài sản tài chính sẵn sàng để bán		954.277.924.687	(1.372.194.365.758)
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		156.405.365.000	12.555.808.300
36	Giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		47.852.123.094	20.948.002.265
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		2.489.469.963	(15.989.880.960)
39	Giảm các khoản phải thu khác		-	5.939.376.000
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		101.913.636.579	(58.253.927.260)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		13.776.432.504	(12.674.208.749)
42	(Giảm)/tăng chi phí trả trước		(4.401.545.826)	5.172.749.463
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp công ty chứng khoán đã nộp	3.13	(329.207.669.171)	(277.954.908.256)
44	Lãi vay đã trả		(453.800.839.637)	(275.011.403.767)
45	(Giảm)/tăng phải trả người bán		(553.314.226.661)	485.662.526.173
46	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(140.272.500)	140.272.500
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(192.216.769.962)	339.720.423.356
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(214.689.950.074)	237.759.282.196
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(119.194.100.124)	88.803.338.332
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.323.485.890)	(1.422.180.960)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.741.888.566.735	(3.750.012.594.893)

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, hình thành tài sản cố định		(22.377.694.322)	(6.428.566.364)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		685.000.000	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(21.692.694.322)	(6.428.566.364)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	7.1	25.000.000.000	13.500.000.000
73	Tiền vay gốc	6.1	15.126.047.142.857	16.591.566.600.000
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác	6.2	(16.579.490.000.000)	(11.629.266.600.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	3.15	-	(730.123.222.800)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.428.442.857.143)	4.245.676.777.200
90	TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		2.291.753.015.270	489.235.615.943
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.131.748.599.533	642.512.983.590
101.1	Tiền		1.131.748.599.533	642.512.983.590
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	-
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	3.423.501.614.803	1.131.748.599.533
103.1	Tiền		2.313.501.614.803	1.131.748.599.533
103.2	Các khoản tương đương tiền		1.110.000.000.000	-

Các thông tin liên quan đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 6.

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	215.091.700.373.791	157.293.871.174.113
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(283.568.027.341.637)	(216.584.590.063.755)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	67.269.386.371.230	59.729.621.830.519
07.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	306.517.359.828	(46.609.959.979)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(20.168.782.538)	(10.360.354.702)
20	(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẬN TRONG NĂM	(920.592.019.326)	381.932.626.196
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	3.136.029.118.553	2.754.096.492.357
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	3.136.029.118.553	2.754.096.492.357
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.427.063.444.480	1.933.455.555.057
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.708.965.674.073	820.640.937.300
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	2.215.437.099.227	3.136.029.118.553
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	2.215.437.099.227	3.136.029.118.553
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.630.139.522.487	1.427.063.444.480
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	585.297.576.740	1.708.965.674.073

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.

Chi tiêu	Tại ngày		Tăng	Giảm	Trong năm tài chính kết thúc ngày		Tăng	Giảm
	1.1.2021	1.1.2022			31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2022		
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.240.917.295.890	3.334.500.000.000	1.678.500.000.000	(584.917.295.890)	1.029.999.010.000	-	3.334.500.000.000	4.364.499.010.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.656.000.000.000	3.330.000.000.000	1.674.000.000.000	-	1.024.999.010.000	-	3.330.000.000.000	4.354.999.010.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	584.917.295.890	4.500.000.000	4.500.000.000	(584.917.295.890)	5.000.000.000	-	4.500.000.000	9.500.000.000
1.3 Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	115.757.247.094	67.496.330.852	67.496.330.852	(115.757.247.094)	-	-	67.496.330.852	67.496.330.852
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	165.600.000.000	233.096.330.852	67.496.330.852	-	-	-	233.096.330.852	233.096.330.852
4. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	426.695.337.106	1.665.653.687.451	1.238.958.350.345	-	-	(635.523.328.875)	1.665.653.687.451	1.030.130.358.576
5. Lợi nhuận chưa phân phối	1.572.516.639.624	1.241.116.896.232	1.498.718.375.328	(1.830.118.118.720)	1.077.016.033.544	1.241.116.896.232	1.241.116.896.232	800.246.141.334
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.504.450.539.793	1.024.259.038.107	1.349.926.617.034	(1.830.118.118.720)	1.077.016.033.544	1.024.259.038.107	1.024.259.038.107	791.426.130.951
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	68.066.099.831	216.857.858.125	148.791.758.294	-	-	(208.037.847.742)	216.857.858.125	8.820.010.383
TỔNG CỘNG	4.521.486.519.714	6.541.863.245.387	4.551.169.387.377	(2.530.792.661.704)	2.107.015.043.544	(2.153.410.117.317)	6.541.863.245.387	6.495.468.171.614



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 156 đến trang 221 là một phần cấu thành Báo cáo Tài chính này.



1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 91/GPĐC-UBCK được cấp ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 233/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 6 năm 2017 với mã chứng khoán là VCI.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:

Email: info@vcsc.com.vn

Điện thoại: (+84) 8 3914 3588

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 19 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 374 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 291 nhân viên).

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("ngày báo cáo")

	VND
Vốn điều lệ của Công ty	4.364.499.010.000
Tổng vốn chủ sở hữu	6.495.468.171.614
Tổng tài sản	14.242.751.316.822

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Công ty là tối ưu hóa lợi nhuận. Hoạt động đầu tư phải phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và đảm bảo tuân thủ với pháp luật chứng khoán hiện hành.

Mạng lưới hoạt động

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 chi nhánh và 3 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập Báo cáo Tài chính

Báo cáo Tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC"), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 ("Công văn 6190/BTC-CĐKT") và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 ("Thông tư 23/2018/TT-BTC") do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo Tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo Tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo Tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.2). Trong đó, kết quả định giá tài sản đảm bảo của trái phiếu PDRH2123008 và PDRH2123010 như trình bày ở Thuyết minh 3.2(a) là được dựa trên những thông tin và giả định đáng tin cậy nhất mà Ban Tổng Giám đốc có thể thu thập được tại thời điểm định giá. Kết quả định giá này có thể bị ảnh hưởng bởi những thay đổi sau ngày định giá này, cụ thể là những thay đổi từ thị trường bất động sản.
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM và các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7, Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.3);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 3.4);

2.3 Hệ thống và hình thức số kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên Báo cáo Tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (“AFS”); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; và
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về ghi nhận doanh thu.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗi suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại.

(ii) Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại theo phương pháp nội bộ của Công ty. Các cổ phiếu không có đủ thông tin giao dịch và giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế.

Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(v) Chứng chỉ quỹ mở/quỹ hoán đổi danh mục (“ETF”)

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày định giá.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(e) *Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý (tiếp theo)*

(vi) *Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi*

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

(f) *Hạch toán lãi/(lỗ)*

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CDKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản ngắn hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên Báo cáo Tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL'.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định'.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản dài hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán'.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu 'Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư' và 'Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD'.

2.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cầm cố, thế chấp trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản cầm cố, thế chấp để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận cầm cố, thế chấp sẽ được sử dụng tài sản cầm cố, thế chấp để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng cầm cố, thế chấp kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản đem đi cầm cố, thế chấp được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị tài sản phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên Báo cáo Tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Phương tiện vận chuyển	16,67%
Thiết bị văn phòng	33,33%
Phần mềm vi tính	33,33% - 50%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.14 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.15 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Trái phiếu phát hành;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa, dịch vụ;
- Người mua trả tiền trước; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên Báo cáo Tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.17 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.18 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành. Phụ trội/(chiết khấu) trái phiếu được xác định tại thời điểm phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hoặc vốn hóa trong suốt thời hạn của trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Số dư trái phiếu phát hành được trình bày trên cơ sở thuần (mệnh giá cộng phụ trội hoặc trừ chiết khấu chưa phân bổ hết tại ngày báo cáo).

Số dư trái phiếu phát hành được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo thời hạn của trái phiếu.

2.19 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong kỳ phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối kỳ, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối kỳ. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính AFS.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.20 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.21 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong năm.

2.22 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

2.23 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi kỳ làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày báo cáo.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.24 Vốn chủ sở hữu

(a) *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(a) Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty nhưng chưa bị huỷ bỏ tại ngày báo cáo. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

- Cổ phiếu quỹ mua lại trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán 2019 (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và có thể được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn điều lệ theo quy định. Công ty không có giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 tính đến ngày phát hành báo cáo này.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(d) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.25 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong Báo cáo Tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN. Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022 (ngày Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực), cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

2.26 Tài sản của và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.27 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành chứng khoán, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí tư vấn tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo Tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.28 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

2.29 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.30 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng thương mại trong nước. Chi phí phòng ngừa rủi ro phát sinh từ những hợp đồng này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.31 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

2.32 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí vật liệu văn phòng phẩm, chi phí khấu hao, chi phí đi lại, chi phí thuê văn phòng và chi phí quản lý khác.

2.33 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo Tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.34 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.35 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng Báo cáo Tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.36 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong Báo cáo Tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	209.635.507	577.800.477
Tiền gửi ngân hàng	2.313.291.979.296	1.131.170.799.056
	2.313.501.614.803	1.131.748.599.533
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng	1.110.000.000.000	-
	3.423.501.614.803	1.131.748.599.533

3.2 Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			Giá thị trường/ Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	68.273.489.947	498.111.105	(2.106.167.352)	66.665.433.700
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	598.592.462.616	-	-	598.592.462.616
Tổng cộng	666.865.952.563	498.111.105	(2.106.167.352)	665.257.896.316

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			Giá thị trường/ Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	851.299.716.153	273.373.185.965	(27.319.684.446)	1.097.353.217.672
Chứng chỉ tiền gửi (*)	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	14.163.251.763	-	-	14.163.251.763
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết (*)	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Tổng cộng	975.462.967.916	273.373.185.965	(27.319.684.446)	1.221.516.469.435

(*) Các công cụ tài chính này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên được phản ánh theo giá gốc.



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	68.273.489.947	66.665.433.700	851.299.716.153	1.097.353.217.672
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH)	1.269.589.890	1.704.506.500	151.103.163.136	415.571.245.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	2.874.315.939	2.836.500.000	388.580.716.249	363.888.000.000
Cổ phiếu khác	64.129.584.118	62.124.427.200	311.615.836.768	317.893.971.872
Trái phiếu chưa niêm yết (**)	598.592.462.616	598.592.462.616	14.163.251.763	14.163.251.763
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1H2227001)	234.488.113.962	234.488.113.962	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phát Đạt (PDRH2123010)	151.283.043.984	151.283.043.984	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSNH2227004)	125.105.128.614	125.105.128.614	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phát Đạt (PDRH2123008)	74.559.176.056	74.559.176.056	-	-
Trái phiếu khác	13.157.000.000	13.157.000.000	14.163.251.763	14.163.251.763
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	666.865.952.563	665.257.896.316	975.462.967.916	1.221.516.469.435

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

(**) Thông tin chi tiết trái phiếu chưa niêm yết như sau:

Trái phiếu chưa niêm yết	Tại ngày 31.12.2022 VND	Đặc điểm chính	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Mệnh giá/trái phiếu VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1H2227001)	234.488.113.962	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng cổ phiếu của công ty phát hành	31.03.2022	31.03.2027	10%	100.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Phát Đạt (PDRH2123010) (i)	151.283.043.984	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng cổ phiếu của công ty phát hành và cổ phiếu của công ty con	23.12.2021	23.12.2023	12%	100.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSNH2227004)	125.105.128.614	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo	21.09.2022	21.09.2027	9,5%	100.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Phát Đạt (PDRH2123008) (i)	74.559.176.056	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng cổ phiếu của công ty phát hành và cổ phiếu của công ty con	08.12.2021	08.12.2023	12%	10.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết khác	13.157.000.000	Có chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không tài sản đảm bảo	02.11.2020	02.11.2025	11%	1.000.000
	598.592.462.616					



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lô 30.000 trái phiếu mã PDRH2123008 và lô 5.000 trái phiếu mã PDRH2123010 với tổng mệnh giá là 800.000.000.000 Đồng được đảm bảo bằng 35.568.052 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt (mã chứng khoán: PDR). Trong đó, Công ty đang sở hữu 6.862 trái phiếu PDRH2123008 và 1.514 trái phiếu PDRH2123010, với tổng mệnh giá là 220.020.000.000 Đồng.

Căn cứ theo các Nghị quyết Trái chủ số 02/NQ-PDRH2123008 và số 01/NQ-PDRH2323010 ngày 16 tháng 11 năm 2022, Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động sản Phát Đạt đã thực hiện bổ sung tài sản đảm bảo bao gồm 152.000.000 cổ phiếu phổ thông của một công ty con. Công ty con này đang nắm giữ quyền sử dụng đất do nhà nước cho thuê trả tiền hằng năm và tài sản gắn liền với đất tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("tài sản đảm bảo bổ sung") để phát triển dự án khu du lịch. Giá trị của tài sản đảm bảo bổ sung theo chứng thư thẩm định giá được cung cấp bởi một công ty thẩm định giá trong nước ngày 11 tháng 11 năm 2022 là 3.857.824.274.390 Đồng.

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	867.288.640.000	-	642.329.000.000	-
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền	18.600.000.000	-	106.390.000.000	-
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	5.000.000.000	-
	885.888.640.000	-	753.719.000.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày báo cáo như sau:

Tổ chức phát hành/đối tác	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Mệnh giá VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn			867.288.640.000
Ngân hàng nước ngoài (*)	12.10.2022	31.10.2023	420.000.000.000
Ngân hàng trong nước (*)	17.11.2022	17.11.2023	150.000.000.000
Công ty tài chính trong nước	05.12.2022	05.6.2023	140.000.000.000
Ngân hàng trong nước (*)	13.5.2022	24.5.2023	110.000.000.000
Ngân hàng nước ngoài (*)	27.10.2022	03.11.2023	30.000.000.000
Ngân hàng nước ngoài (*)	12.5.2022	12.5.2023	17.288.640.000
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (**)			18.600.000.000
Ngân hàng trong nước			18.600.000.000

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hưởng lãi suất từ 3,5% đến 13,5%/năm.

(*) Khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 3.9).

(**) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành, có thời gian đáo hạn trên 3 tháng. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.736.090.790.598	1.271.393.607.326	(171.152.014.987)	2.836.332.382.937
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	5.550.850.919	104.690.744	(283.334.863)	5.372.206.800
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	704.704.425.713	187.600.000.000	-	892.304.425.713
Phản ánh theo giá gốc (*)	296.464.425.713	-	-	296.464.425.713
Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)	408.240.000.000	187.600.000.000	-	595.840.000.000
Tổng cộng	2.446.346.067.230	1.459.098.298.070	(171.435.349.850)	3.734.009.015.450

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	2.236.662.240.537	1.851.962.817.056	(15.005.867.294)	4.073.619.190.299
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	300.376.493.448	61.669.518.833	(4.159.359.281)	357.886.653.000
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	704.704.425.713	187.600.000.000	-	892.304.425.713
Phản ánh theo giá gốc (*)	296.464.425.713	-	-	296.464.425.713
Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)	408.240.000.000	187.600.000.000	-	595.840.000.000
Tổng cộng	3.241.743.159.698	2.101.232.335.889	(19.165.226.575)	5.323.810.269.012



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.736.090.790.598	2.836.332.382.937	2.236.662.240.537	4.073.619.190.299
Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (IDP)	440.985.822.375	1.617.938.299.327	440.985.822.375	1.290.905.866.000
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH)	510.591.635.125	357.297.194.500	452.567.246.223	534.020.653.200
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	161.993.717.385	176.253.600.000	40.808.918.000	48.003.462.000
CTCP Tập đoàn Hà Đô (HDG)	-	-	325.705.938.800	786.568.251.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	-	-	150.542.126.824	388.664.622.900
Cổ phiếu khác	622.519.615.713	684.843.289.110	826.052.188.315	1.025.456.335.199
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	5.550.850.919	5.372.206.800	300.376.493.448	357.886.653.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	-	-	25.750.694.140	66.482.280.000
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH)	-	-	51.286.089.496	60.516.600.000
Cổ phiếu khác	5.550.850.919	5.372.206.800	223.339.709.812	230.887.773.000
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	704.704.425.713	892.304.425.713	704.704.425.713	892.304.425.713
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) (**)	408.240.000.000	595.840.000.000	408.240.000.000	595.840.000.000
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (*)	161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000
Cổ phiếu khác (*)	135.170.055.713	135.170.055.713	135.170.055.713	135.170.055.713
Tổng cộng	2.446.346.067.230	3.734.009.015.450	3.241.743.159.698	5.323.810.269.012

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") (tiếp theo)

(*) Các công cụ tài chính này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên được phản ánh theo giá gốc.

(**) Khoản đầu tư vào cổ phiếu NAPAS được định giá theo mô hình định giá nội bộ của Công ty theo phương pháp hệ số thị trường. Giá trị hợp lý được xác định là giá trị trung bình đơn thuần của hai kết quả ước tính theo phương pháp hệ số thu nhập (PE) và phương pháp hệ số sổ sách (PB).

Giá trị các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày ở Thuyết minh 3.8.

3.3 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị

(a) Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (*)	4.968.026.671.773	(2.169.825.587)	7.515.786.303.555	(2.169.825.587)
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	311.252.564.912	-	185.450.827.924	-
	5.279.279.236.685	(2.169.825.587)	7.701.237.131.479	(2.169.825.587)

(*) Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 27.202.388.205.950 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 48.721.316.206.750 Đồng).

(b) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Biến động số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong kỳ như sau:

	Số dư đầu năm VND	Trích lập trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.169.825.587	-	-	2.169.825.587



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND
Phải thu bán các tài sản tài chính				
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	31.888.215.000	-	187.029.585.000	-
Phải thu bán chứng quyền có bảo đảm	1.227.000	-	1.265.222.000	-
	31.889.442.000	-	188.294.807.000	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính				
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	59.484.897.025	-	47.852.123.094	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	28.333.567.121	1.928.450.000	30.823.037.084	1.928.450.000
	119.707.906.146	1.928.450.000	266.969.967.178	1.928.450.000

Chi tiết biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng			
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Trích lập trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	1.928.450.000	1.928.450.000	1.928.450.000	-	-	1.928.450.000
Công ty TNHH Besra Việt Nam	582.450.000	582.450.000	582.450.000	-	-	582.450.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm QVD Đồng Tháp	462.000.000	462.000.000	462.000.000	-	-	462.000.000
Các khách hàng khác	884.000.000	884.000.000	884.000.000	-	-	884.000.000
Tổng cộng	1.928.450.000	1.928.450.000	1.928.450.000	-	-	1.928.450.000

3.5 Trả trước cho người bán

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Đặt cọc mua chứng khoán niêm yết	-	-
Đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết	-	18.049.315.068
Khác	2.306.029.740	2.115.513.031
	2.306.029.740	20.164.828.099

3.6 Tài sản cố định ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2022	7.738.286.701	54.645.420.459	62.383.707.160
Mua trong năm	6.509.946.409	13.403.176.913	19.913.123.322
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	-	280.000.000	280.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.590.826.728)	(137.820.000)	(1.728.646.728)
Tại ngày 31.12.2022	12.657.406.382	68.190.777.372	80.848.183.754
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2022	3.279.070.978	49.143.861.761	52.422.932.739
Khấu hao trong năm	1.337.323.895	5.520.690.739	6.858.014.634
Thanh lý, nhượng bán	(751.223.744)	(137.820.000)	(889.043.744)
Tại ngày 31.12.2022	3.865.171.129	54.526.732.500	58.391.903.629
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2022	4.459.215.723	5.501.558.698	9.960.774.421
Tại ngày 31.12.2022	8.792.235.253	13.664.044.872	22.456.280.125

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán TSCĐ có giá trị lớn chưa thực hiện.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 48.603 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 47.216 triệu Đồng).



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2022	49.981.431.542
Mua trong năm	49.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	585.404.000
Tại ngày 31.12.2022	50.615.835.542
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2022	46.786.380.539
Khấu hao trong năm	2.789.176.540
Tại ngày 31.12.2022	49.575.557.079
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2022	3.195.051.003
Tại ngày 31.12.2022	1.040.278.463

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các cam kết về việc mua TSCĐ có giá trị lớn chưa thực hiện (Thuyết minh 12).

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 42.484 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 40.541 triệu Đồng).

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	5.809.600.000	5.649.600.000
Tăng trong năm	12.419.675.060	3.887.381.898
Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 3.6(a))	(280.000.000)	(3.176.305.454)
Kết chuyển vào TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.6(b))	(585.404.000)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước	(10.004.104.060)	(551.076.444)
Số dư cuối năm	7.359.767.000	5.809.600.000

3.7 Tài sản khác

(a) Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh (*)	46.136.989.800	150.714.917.648

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

(b) Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	22.591.443.032	21.169.262.072
Tiền nộp bổ sung	-	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.323.485.890	1.422.180.960
Số dư cuối năm	23.914.928.922	22.591.443.032

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

(c) Tài sản dài hạn khác

Đây là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

3.8 Tài sản đã cầm cố, thế chấp

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 3.2(b))	727.288.640.000	642.329.000.000
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM		
Trong danh mục AFS (Thuyết minh 3.2(c))	1.554.650.000.000	2.128.160.000.000
	2.281.938.640.000	2.770.489.000.000

Các tài sản đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.9).



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.9 Các khoản vay và trái phiếu phát hành

Tổng hợp tình hình tăng giảm các khoản vay và trái phiếu phát hành trong năm như sau:

	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng nước ngoài	-	2.569.707.142.857	-	2.569.707.142.857
Vay ngân hàng nước ngoài	-	2.300.000.000.000	-	2.300.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	500.000.000.000	1.575.000.000.000	(1.575.000.000.000)	500.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài	920.980.000.000	640.100.000.000	(1.104.580.000.000)	456.500.000.000
Vay ngân hàng trong nước	1.000.000.000.000	2.300.000.000.000	(3.000.000.000.000)	300.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	429.000.000.000	2.300.000.000.000	(2.629.000.000.000)	100.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	100.000.000.000	547.000.000.000	(547.000.000.000)	100.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài	2.260.000.000.000	-	(2.260.000.000.000)	-
Vay ngân hàng trong nước	500.000.000.000	800.000.000.000	(1.300.000.000.000)	-
Vay ngân hàng trong nước	300.000.000.000	320.000.000.000	(620.000.000.000)	-
Vay ngân hàng nước ngoài	138.300.000.000	136.200.000.000	(274.500.000.000)	-
Vay ngân hàng nước ngoài	114.400.000.000	159.040.000.000	(273.440.000.000)	-
Vay ngân hàng trong nước	100.000.000.000	900.000.000.000	(1.000.000.000.000)	-
Vay công ty tài chính trong nước	-	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-
Vay ngân hàng nước ngoài	-	159.000.000.000	(159.000.000.000)	-
Vay công ty cổ phần trong nước	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-
Tổng vay ngắn hạn	6.362.680.000.000	15.006.047.142.857	(15.042.520.000.000)	6.326.207.142.857
Trái phiếu phát hành	1.964.070.000.000	120.000.000.000	(1.536.970.000.000)	547.100.000.000
Tổng	8.326.750.000.000	15.126.047.142.857	(16.579.490.000.000)	6.873.307.142.857

- (i) Đây là khoản vay hợp vốn từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 150 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 19 tháng 10 năm 2023. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá với 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn với các ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn phòng ngừa tương đương kỳ hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng cho vay (Thuyết minh 3.8).
- (ii) Đây là khoản vay hợp vốn từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 100 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 18 tháng 5 năm 2023. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá với 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn với một ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn phòng ngừa tương đương kỳ hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản bảo lãnh từ một ngân hàng thương mại trong nước.
- (iii) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.500 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 6 tháng 4 năm 2023, bao gồm hạn mức cho vay tín chấp là 1.000 tỷ Đồng và hạn mức cho vay có tài sản đảm bảo là 500 tỷ Đồng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 nằm trong hạn mức tín chấp và do đó không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Đây là khoản vay hợp vốn từ các ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 28 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 13 tháng 5 năm 2023. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá với 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi ngoại tệ và hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn với các ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn hoán đổi tương đương kỳ hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng cho vay (Thuyết minh 3.8).
- (v) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 2.200 tỷ Đồng và 51,5 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 13 tháng 5 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng cho vay và cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS của Công ty (Thuyết minh 3.8).
- (vi) Đây là khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.100 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 14 tháng 11 năm 2023, bao gồm hạn mức tín chấp là 200 tỷ Đồng, hạn mức có tài sản đảm bảo là 900 tỷ Đồng.
- (vii) Đây là các khoản vay có tài sản đảm bảo từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 200 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 31 tháng 3 năm 2023.
- (viii) Đây là khoản vay hợp vốn từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 150 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 30 tháng 11 năm 2022. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá với 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn với một ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn phòng ngừa tương đương kỳ hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng cho vay (Thuyết minh 3.8).
- (ix) Đây là các khoản vay tín chấp từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 25 tháng 3 năm 2022, bao gồm hạn mức tín chấp là 800 tỷ Đồng và hạn mức có tài sản đảm bảo là 200 tỷ Đồng.
- (x) Đây là khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 17 tháng 3 năm 2023.



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.9 Các khoản vay và trái phiếu phát hành (tiếp theo)

- (xi) Đây là khoản vay tín chấp từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 6 triệu Đô la Mỹ cấp ngày 11 tháng 3 năm 2019 và tự động gia hạn sau mỗi năm kể từ ngày ký kết.
- (xii) Đây là khoản vay tín chấp từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 7 triệu Đô la Mỹ cấp ngày 22 tháng 8 năm 2022 và tự động gia hạn sau mỗi năm kể từ ngày ký kết.
- (xiii) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 700 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 17 tháng 6 năm 2023.
- (xiv) Đây là các khoản vay tín chấp từ một công ty tài chính trong nước với hạn mức tín dụng là 200 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 23 tháng 3 năm 2023.
- (xv) Đây là khoản vay từ một chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với hạn mức tín dụng là 7 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 28 tháng 2 năm 2023.
- (xvi) Đây là các khoản vay tín chấp từ một công ty cổ phần trong nước với hạn mức tín dụng là 100 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 28 tháng 11 năm 2022.
- (xvii) Đây là trái phiếu ghi danh không chuyển đổi do Công ty phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị. Các trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 Đồng và 100.000.000 Đồng Việt Nam, có thời hạn từ 1 đến 2 năm kể từ ngày phát hành. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu áp dụng tùy thuộc vào thời gian nắm giữ của trái chủ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có trái phiếu phát hành cho trái chủ là bên liên quan (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: không có).

Toàn bộ các khoản vay và trái phiếu phát hành của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay và trái phiếu phát hành chịu lãi suất từ 2,1% đến 8,5% một năm tùy thuộc vào thời điểm giải ngân/phát hành (2021: từ 3,02% đến 11% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản vay hoặc trái phiếu phát hành nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản này.

3.10 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2(b))	515.216.000	58.858.728.000
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	8.988.251.833	18.797.160.047
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	935.635.208	1.005.210.960
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	1.961.064.505	920.743.295
	12.400.167.546	79.581.842.302

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Phải trả mua chứng khoán qua các sở giao dịch	16.014.895.000	517.001.230.000
Phải trả mua chứng quyền có bảo đảm	1.447.000	348.263.000
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	4.224.000	86.368.020
Phải trả mua chứng khoán chưa niêm yết	-	66.780.000.000
Phải trả VSD - lỗ tự doanh chứng khoán phái sinh	-	2.977.730.000
	16.020.566.000	587.193.591.020

Công ty không có khoản phải trả người bán là các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư này chủ yếu bao gồm tiền ứng trước cho các dịch vụ cung cấp.



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.13 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	21.280.201.119	99.506.790.795
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	22.744.326.132	54.189.541.107
Thuế thu nhập cá nhân	1.711.434.881	3.933.526.117
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	331.368.468	-
	46.067.330.600	157.629.858.019

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	99.506.790.795	250.981.079.495	(329.207.669.171)	21.280.201.119
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	54.189.541.107	292.993.507.631	(324.438.722.606)	22.744.326.132
Thuế thu nhập cá nhân	3.933.526.117	106.115.883.091	(108.337.974.327)	1.711.434.881
Thuế GTGT	-	4.380.016.619	(4.048.648.151)	331.368.468
	157.629.858.019	654.470.486.836	(766.033.014.255)	46.067.330.600

3.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chi phí lãi vay	65.786.088.283	64.249.022.318
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	40.572.722.940	-
Chi phí phải trả khác	3.888.503.745	8.662.663.461
	110.247.314.968	72.911.685.779

3.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 8(b))	8.168.624.110	9.123.667.500
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (i)	307.138.973.840	2.289.043.140
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.737.806.602	465.112.336
	317.045.404.552	11.877.822.976

(i) Chi tiết biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm (*)	2.289.043.140	1.612.265.940
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	304.849.930.700	730.800.000.000
Trong đó:		
Cổ tức đợt 2 năm 2020 (Thuyết minh 7.1(iii))	-	331.200.000.000
Cổ tức đợt 1 năm 2021 (Thuyết minh 7.1(iv))	-	399.600.000.000
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (Thuyết minh 7.1(vii))	304.849.930.700	-
Cổ tức đã trả	-	(730.123.222.800)
Số dư cuối năm	307.138.973.840	2.289.043.140

(*) Số dư cổ tức chưa chi trả tại ngày báo cáo là do một số cổ đông chưa đến nhận.

Ngoài khoản (*), Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng (i)	8.870.120.954	433.965.117
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng (ii)	(268.688.316.936)	(479.353.545.230)
	(259.818.195.982)	(478.919.580.113)

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	(478.919.580.113)	(127.061.488.385)
Ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.7)	60.220.551.912	(42.118.504.142)
Ghi nhận vào Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu	158.880.832.219	(309.739.587.586)
Số dư cuối năm	(259.818.195.982)	(478.919.580.113)

(i) Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	40.572.722.940	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.2(a))	1.608.056.247	-
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 3.3)	2.169.825.587	2.169.825.587
	44.350.604.774	2.169.825.587
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	8.870.120.954	433.965.117

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

(ii) Chi tiết thuế thu nhập hoãn lại phải trả như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Dự thu lãi cho vay	43.145.567.237	43.628.294.179
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.2(a))	-	246.053.501.519
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 3.18)	1.287.662.948.220	2.082.067.109.314
Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2(b))	12.633.069.224	25.018.821.136
	1.343.441.584.681	2.396.767.726.148
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	268.688.316.936	479.353.545.230

3.17 Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	435.499.901	333.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	435.499.901	333.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	435.499.901	333.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số lượng tại ngày đầu năm	333.000.000	165.600.000
Cổ phiếu mới phát hành trong năm	102.499.901	167.400.000
Số lượng tại ngày cuối năm	435.499.901	333.000.000



3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.18 Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.2(c))	1.287.662.948.220	2.082.067.109.314
Điều chỉnh: Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(257.532.589.644)	(416.413.421.863)
	1.030.130.358.576	1.665.653.687.451

Chi tiết biến động của chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý trong năm như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	1.665.653.687.451	426.695.337.106
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(635.523.328.875)	1.238.958.350.345
Số dư cuối năm	1.030.130.358.576	1.665.653.687.451

3.19 Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2022 VND	Thu nhập trong năm VND	Chia cổ tức VND	Trích lập các quỹ VND	Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối VND	Số dư tại ngày 31.12.2022 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.024.259.038.107	1.077.016.033.544	(1.309.848.940.700)	-	-	791.426.130.951
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	216.857.858.125	(208.037.847.742)	-	-	-	8.820.010.383
Lợi nhuận chưa phân phối	1.241.116.896.232	868.978.185.802	(1.309.848.940.700)	-	-	800.246.141.334

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm trước như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2021 VND	Thu nhập trong năm VND	Chia cổ tức VND	Trích lập các quỹ VND	Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối VND	Số dư tại ngày 31.12.2021 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.504.450.539.793	1.349.926.617.034	(730.800.000.000)	(134.992.661.704)	(964.325.457.016)	1.024.259.038.107
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	68.066.099.831	148.791.758.294	-	-	-	216.857.858.125
Lợi nhuận chưa phân phối	1.572.516.639.624	1.498.718.375.328	(730.800.000.000)	(134.992.661.704)	(964.325.457.016)	1.241.116.896.232

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	25.145.170.448	25.145.170.448

Nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến số dư cho vay theo hợp đồng giao dịch ký quỹ trong năm 2011 mà Công ty không thu hồi được đầy đủ do giá trị của tài sản đảm bảo giảm thấp hơn dư nợ. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ phần nợ không thu hồi được trước khi xóa sổ các số dư khó đòi này theo Nghị quyết số 09/2015/QĐ-HTQT.VCSC ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

4.2 Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các số dư ngoại tệ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
Theo nguyên tệ		
Đô la Mỹ	747.217	10.335.519
Bảng Anh	70.005	83.960
Euro	19.651	19.215
Quy ra VND		
Đô la Mỹ	18.521.591.953	234.256.245.326
Bảng Anh	2.158.933.408	2.585.237.357
Euro	488.583.356	476.524.405
	21.169.108.717	237.318.007.088

4.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm	102.499.901	167.400.000
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên	333.000.000	165.600.000
	435.499.901	333.000.000

4.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	46.886.438	76.829.064
Giao dịch cầm cố	8.500.000	16.700.000
Chờ thanh toán	1.013.900	5.053.300
	56.400.338	98.582.364

4.5 Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Chờ thanh toán	509.600	5.226.586

4.6 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	21.126.101	22.184.159
Hạn chế chuyển nhượng	2.738.000	2.738.000
	23.864.101	24.922.159



4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.7 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
FPT/VCSC/M/Au/T/A5	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	12.07.2022	13.01.2023	4.000.000	-	1.005.200	2.994.800
MSN/VCSC/M/Au/T/A5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	12.07.2022	13.01.2023	4.000.000	-	887.000	3.113.000
PNJ/VCSC/M/Au/T/A6	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	12.07.2022	13.01.2023	4.000.000	-	430.200	3.569.800
POW/VCSC/M/Au/T/A1	Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam (POW)	12.07.2022	13.01.2023	4.000.000	-	3.715.500	284.500
TCB/VCSC/M/Au/T/A4	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	12.07.2022	13.01.2023	4.000.000	-	1.298.400	2.701.600
VPB/VCSC/M/Au/T/A5	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	12.07.2022	13.01.2023	4.000.000	-	2.941.500	1.058.500
VRE/VCSC/M/Au/T/A2	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	12.07.2022	13.01.2023	4.000.000	-	3.343.100	656.900
				28.000.000	-	13.620.900	14.379.100

4.8 Hợp đồng tương lai

Vị thế mở đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		
Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán
VN30F2301	18.11.2022	19.01.2023	-	1.004.500	-	-	-	-
VN30F2201	19.11.2021	20.01.2022	-	-	-	2.202	1.537.000	338.447.400.000
						-		338.447.400.000



5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và kết quả giao dịch chứng quyền đã thực hiện

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	1.431.873.905.175	1.589.792.906.521
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	896.038.675.708	1.283.077.542.959
Lãi bán chứng khoán phái sinh	427.232.330.000	298.086.692.000
Lãi khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	16.218.259.470	3.098.142.001
Lãi khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	92.384.639.997	5.530.529.561
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(936.490.470.685)	(616.696.682.328)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(664.733.011.151)	(303.204.365.047)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(267.858.676.000)	(297.705.817.000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(1.080.806.368)	(8.587.327.082)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(2.817.977.166)	(7.199.173.199)
	495.383.434.490	973.096.224.193

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và kết quả giao dịch chứng quyền đã thực hiện (tiếp theo)

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi/(lỗ) bán kỳ này VND	Lãi/(lỗ) bán kỳ trước VND
Cổ phiếu	553.421.066	21.231.597.886.065	21.061.715.921.168	169.881.964.897	993.591.864.531
Trái phiếu	19.645.288	3.913.544.248.707	3.896.555.518.205	16.988.730.502	(27.596.712.802)
Chứng chỉ quỹ	180.443.078	4.223.365.355.852	4.173.819.687.494	49.545.668.358	13.913.782.420
Chứng chỉ tiền gửi	2.532	8.930.000.000.000	8.935.110.699.200	(5.110.699.200)	(35.756.237)
Lãi bán chứng khoán cơ sở				231.305.664.557	979.873.177.912
Lãi vị thế từ hợp đồng tương lai				159.373.654.000	380.875.000
Lãi/(lỗ) khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành				15.137.453.102	(5.489.185.081)
Lãi/(lỗ) khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành				89.566.662.831	(1.668.643.638)
				495.383.434.490	973.096.224.193

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

(a) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
(Giảm)/tăng chênh lệch tăng	(272.875.074.860)	182.633.550.307
Giảm/(tăng) chênh lệch giảm	25.213.517.094	(24.561.465.059)
	(247.661.557.766)	158.072.085.248



5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm (tiếp theo)

(a) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2021 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	68.273.489.947	66.665.433.700	(1.608.056.247)	246.053.501.519	(247.661.557.766)
Trái phiếu chưa niêm yết	598.592.462.616	598.592.462.616	-	-	-
	666.865.952.563	665.257.896.316	(1.608.056.247)	246.053.501.519	(247.661.557.766)

(b) Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
(Giảm)/tăng chênh lệch giảm	(24.301.253.856)	36.920.003.501
Giảm/(tăng) chênh lệch tăng	11.915.501.944	(9.002.390.882)
	(12.385.751.912)	27.917.612.619

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2021 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong kỳ VND
Chứng quyền có bảo đảm	13.148.285.224	515.216.000	12.633.069.224	25.018.821.136	(12.385.751.912)

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Cổ tức	1.303.902.500	50.986.767.890
Tiền lãi	65.681.843.480	4.123.941.988
	66.985.745.980	55.110.709.878

5.4 Chi phí tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	116.511.865.797	9.741.600.000
Đã thực hiện	75.939.142.857	9.741.600.000
Chưa thực hiện	40.572.722.940	-
Chi phí lãi vay	477.360.036.322	330.776.772.616
Chi phí thu xếp khoản vay hợp vốn	88.626.153.205	21.645.213.106
Chi phí tài chính khác	17.952.020.762	5.676.777.903
	700.450.076.086	367.840.363.625

5.5 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chi phí nhân viên	34.346.040.222	137.742.773.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.429.419.548	21.200.474.739
Chi phí vật liệu văn phòng phẩm	1.605.988.782	4.871.934.093
Khấu hao tài sản cố định	1.957.651.963	1.265.276.256
Chi phí quản lý khác	22.428.375.627	22.777.769.409
	76.767.476.142	187.858.228.291

5.6 Thu nhập khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Hoàn nhập khoản thưởng năm 2021 cho Ban Tổng Giám đốc (*)	43.900.000.000	-
Khác	643.029.091	69.316.632
	44.543.029.091	69.316.632

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30 tháng 3 năm 2022, Ban Tổng Giám đốc chỉ nhận khoản tiền thưởng 28 tỷ Đồng trong tổng số tiền thưởng mà Công ty đã trích trong năm trước là 71,9 tỷ Đồng, do Ban Tổng Giám đốc tự nguyện không nhận thưởng để giảm chi phí cho Công ty. Do đó, khoản tiền thưởng còn lại là 43,9 tỷ Đồng đã được hoàn nhập trong năm này.



5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.059.738.713.385	1.850.585.393.088
Thuế tính ở thuế suất 20%	211.947.742.678	370.117.078.618
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(21.887.685.199)	(19.714.245.933)
Chi phí không được khấu trừ	700.470.104	1.263.101.235
Dự phòng thiếu của các năm trước	-	201.083.840
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	190.760.527.583	351.867.017.760
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	250.981.079.495	309.748.513.618
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 3.16)	(60.220.551.912)	42.118.504.142
	190.760.527.583	351.867.017.760

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5.8 Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
		Trình bày lại (*)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	868.978.185.802	1.498.718.375.328
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	868.978.185.802	1.498.718.375.328
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	434.697.703	431.969.168
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.999	3.470

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại do điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2022 (Thuyết minh 7.1(vi)), cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.498.718.375.328	-	1.498.718.375.328
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	332.897.253	99.071.915	431.969.168
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.502		3.470

(b) Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu còn gọi là lãi suy giảm trên cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Số tiền đi vay thực thu trong năm là tiền vay theo kế ước thông thường và tiền thu từ phát hành trái phiếu (Thuyết minh 3.9).

6.2 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm là tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường và tiền trả cho trái chủ (Thuyết minh 3.9).



7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2021	1.656.000.000.000	584.917.295.890	426.695.337.106	115.757.247.094	165.600.000.000	1.572.516.639.624	4.521.486.519.714
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (i)	1.665.000.000.000	(584.917.295.890)	-	(115.757.247.094)	-	(964.325.457.016)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.498.718.375.328	1.498.718.375.328
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	1.238.958.350.345	-	-	-	1.238.958.350.345
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	9.000.000.000	4.500.000.000	-	-	-	-	13.500.000.000
Cổ tức đợt 2 năm 2020 (iii)	-	-	-	-	-	(331.200.000.000)	(331.200.000.000)
Cổ tức đợt 1 năm 2021 (iv)	-	-	-	-	-	(399.600.000.000)	(399.600.000.000)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.24(c))	-	-	-	67.496.330.852	67.496.330.852	(134.992.661.704)	-
Tại ngày 31.12.2021	3.330.000.000.000	4.500.000.000	1.665.653.687.451	67.496.330.852	233.096.330.852	1.241.116.896.232	6.541.863.245.387
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	868.978.185.802	868.978.185.802
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	(635.523.328.875)	-	-	-	(635.523.328.875)
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (v)	20.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (vi)	1.004.999.010.000	-	-	-	-	(1.004.999.010.000)	-
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (vii)	-	-	-	-	-	(304.849.930.700)	(304.849.930.700)
Tại ngày 31.12.2022	4.354.999.010.000	9.500.000.000	1.030.130.358.576	67.496.330.852	233.096.330.852	800.246.141.334	6.495.468.171.614

- (i) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 9 tháng 4 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1 : 1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 166.500.000 cổ phiếu vào ngày 23 tháng 6 năm 2021.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 9 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 12 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành 900.000 cổ phần phổ thông theo chương trình lựa chọn cho cán bộ và nhân viên của Công ty vào ngày 12 tháng 5 năm 2021. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 15.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (iii) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 9 tháng 4 năm 2021 đã thông qua mức chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 là 20% (tương đương 2.000 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 1.656.000.000.000 Đồng và được chi trả bằng tiền. Theo đó, ngày 15 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 4 tháng 5 năm 2021. Ngày thanh toán là ngày 17 tháng 5 năm 2021.
- (iv) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 9 tháng 4 năm 2021, mức chi trả cổ tức của năm 2021 dự kiến trong khoảng 10% - 15%. Theo đó, ngày 6 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 là 12% (tương đương 1.200 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 3.330.000.000.000 Đồng và được chi trả bằng tiền cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 20 tháng 12 năm 2021. Ngày thanh toán là ngày 29 tháng 12 năm 2021.

- (v) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 4 năm 2022, Công ty đã phát hành 2.000.000 cổ phần phổ thông theo chương trình lựa chọn cho cán bộ và nhân viên của Công ty vào ngày 27 tháng 5 năm 2021. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 12.500 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (vi) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 4 tháng 8 năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10 : 3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới). Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 100.499.901 cổ phiếu vào ngày 18 tháng 8 năm 2022.
- (vii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 12 năm 2022, mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2022 là 30%. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 là 7% (tương đương 700 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 4.354.999.010.000 Đồng và được chi trả bằng tiền cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 28 tháng 12 năm 2022. Ngày thanh toán là ngày 9 tháng 1 năm 2023.



7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

7.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	1.024.259.038.107	1.504.450.539.793
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm (Thuyết minh 3.19)	1.077.016.033.544	1.349.926.617.034
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	-	(964.325.457.016)
Số trích lập trong năm:		
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(67.496.330.852)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(67.496.330.852)
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	(1.309.848.940.700)	(730.800.000.000)
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	791.426.130.951	1.024.259.038.107
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	1.309.848.940.700	730.800.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	-	(28.362.323.840)
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	1.309.848.940.700	702.437.676.160

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT")
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)	Cùng thành viên HDQT
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	Cùng thành viên HDQT
Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (IDP)	Cùng thành viên HDQT
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới, phí lưu ký, phí tư vấn và dịch vụ khác	4.606.451.976	6.045.842.109
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	24.236.261	87.336.360
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	53.931.121	7.645.118
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	8.385.666.000	84.168.890.000

(*) Chi tiết lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị độc lập (**)		
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	240.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lâm Trung Anh	240.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	180.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	60.000.000	60.000.000
Bà Trương Thị Huyền Trang	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Thị Thanh Trang	180.000.000	-
Ông Trương Ngọc Hoài Phương	60.000.000	240.000.000
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Tô Hải	2.715.222.000	2.738.150.000
Ông Đinh Quang Hoàn	2.475.222.000	2.480.370.000
Ông Nguyễn Quang Bảo	2.475.222.000	2.480.370.000
Khoản thưởng theo kết quả kinh doanh năm 2020	-	3.850.000.000
Khoản thưởng theo kết quả kinh doanh năm 2021	-	71.900.000.000

(**) Các thành viên Hội đồng Quản trị không độc lập không nhận thù lao trong năm 2022.



8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Hội đồng Quản trị		
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 3.15)	8.168.624.110	9.123.667.500
Các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	-	71.900.000.000

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và Dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận Tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận Kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận Tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					Tổng cộng VND
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND	
Doanh thu và thu nhập (*)	1.022.602.003.336	1.201.683.322.439	879.812.439.337	52.144.971.233	3.156.242.736.345	
Chi phí	(449.439.354.107)	(1.156.648.657.996)	(463.703.809.484)	(29.189.433.977)	(2.098.981.255.564)	
Trong đó:						
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(412.236.159.902)	(919.016.368.352)	-	(26.103.360.569)	(1.357.355.888.823)	
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-	-	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(7.578.110.624)	(428.104)	-	(111.000.483)	(7.689.539.211)	
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(29.625.083.581)	(885.594.938)	-	(2.975.072.925)	(33.485.751.444)	
Chi phí phân bổ khác	-	(236.746.266.602)	(463.703.809.484)	-	(700.450.076.086)	
Kết quả bộ phận	573.162.649.229	45.034.664.443	416.108.629.853	22.955.537.256	1.057.261.480.781	
Thu nhập tài chính thuần					35.548.432.639	
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(76.767.476.142)	
Thu nhập khác					43.696.276.107	
Lợi nhuận trước thuế					1.059.738.713.385	

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	882.556.923.539	1.959.006.362.871	580.221.442.123	285.283.995.959	3.707.068.724.492
Chi phí	(587.679.970.323)	(868.698.742.658)	(179.350.219.328)	(58.245.253.838)	(1.693.974.186.147)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(556.725.983.015)	(679.037.373.668)	-	(55.351.143.702)	(1.291.114.500.385)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	214.202.387	-	214.202.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(5.746.832.507)	(210.968.025)	-	(273.865.664)	(6.231.666.196)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(25.207.154.801)	(1.174.459.055)	-	(2.620.244.472)	(29.001.858.328)
Chi phí phân bổ khác	-	(188.275.941.910)	(179.564.421.715)	-	(367.840.363.625)
Kết quả bộ phận	294.876.953.216	1.090.307.620.213	400.871.222.795	227.038.742.121	2.013.094.538.345
Thu nhập tài chính thuần					25.616.869.946
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(187.858.228.291)
Thu nhập khác					(267.786.912)
Lợi nhuận trước thuế					1.850.585.393.088

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	84.690.381.511	5.627.141.894.771	8.498.303.684.640	14.077.704.313	14.224.213.665.235
Tài sản không phân bổ					18.537.651.587
Tổng tài sản					14.242.751.316.822
Nợ phải trả bộ phận	122.135.159.056	3.477.579.412.624	3.518.107.107.456	-	7.117.821.679.136
Nợ phải trả không phân bổ					629.461.466.072
Tổng nợ phải trả					7.747.283.145.208
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm					20.827.527.322
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận	13.085.626.724	1.113.070	-	288.601.119	13.375.340.913
Tài sản cố định không phân bổ					7.452.186.409



9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021					Tổng cộng VND
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND	
Tài sản bộ phận	86.752.629.731	7.437.703.560.985	9.081.346.938.559	3.201.894.333	16.609.005.023.608	
Tài sản không phân bổ					27.259.923.509	
Tổng tài sản					16.636.264.947.117	
Nợ phải trả bộ phận	438.525.528.602	4.670.202.304.006	4.307.990.309.332	-	9.416.718.141.940	
Nợ phải trả không phân bổ					677.683.559.790	
Tổng nợ phải trả					10.094.401.701.730	
Tổng chi phí phát sinh hình thành						
Tài sản cố định trong năm					73.870.000	
Trong đó:						
Tài sản cố định của bộ phận	66.143.524	3.855.984	-	3.870.492	73.870.000	
Tài sản cố định không phân bổ					-	

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(a) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	3.423.291.979.296	1.131.170.799.056
Tiền gửi ngân hàng	2.313.291.979.296	1.131.170.799.056
Các khoản tương đương tiền	1.110.000.000.000	-
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (Thuyết minh 3.2(a))	598.592.462.616	114.163.251.763
Chứng chỉ tiền gửi	-	100.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	598.592.462.616	14.163.251.763
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 3.2(b))	885.888.640.000	753.719.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	867.288.640.000	642.329.000.000
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền	18.600.000.000	106.390.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	-	5.000.000.000



10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	5.279.279.236.685	7.701.237.131.479
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	4.968.026.671.773	7.515.786.303.555
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	311.252.564.912	185.450.827.924
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)	119.707.906.146	266.969.967.178
Phải thu bán các tài sản tài chính	31.889.442.000	188.294.807.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	59.484.897.025	47.852.123.094
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	28.333.567.121	30.823.037.084
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 3.5)	-	18.049.315.068
Đặt cọc mua mua chứng khoán chưa niêm yết	-	18.049.315.068
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 3.7(a))	46.136.989.800	150.714.917.648
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh	46.136.989.800	150.714.917.648
Tài sản dài hạn khác	6.864.190.240	4.927.625.066
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6.864.190.240	4.927.625.066
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	10.359.761.404.783	10.140.952.007.258

(i) Số dư với ngân hàng và công ty tài chính

Số dư với ngân hàng và công ty tài chính bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền trong tài khoản tạm khóa, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận Ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư nào với ngân hàng và công ty tài chính nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và HTM của Công ty là trái phiếu được phát hành bởi tổ chức niêm yết có phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chi tiết điều khoản của trái phiếu được trình bày ở Thuyết minh 3.2(a) và 3.2(b). Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận Ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.



10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận Quản trị rủi ro Giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 27.202.388.205.950 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 48.721.316.206.750 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	2.169.825.587	2.169.825.587
Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	4.965.856.846.186	7.513.616.477.968
Dự phòng đã lập	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
Giá trị thuần	4.965.856.846.186	7.513.616.477.968

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng VND
Tại ngày 31.12.2022				
Trong hạn	-	-	117.779.456.146	117.779.456.146
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	1.928.450.000	-	-	1.928.450.000
	1.928.450.000	-	117.779.456.146	119.707.906.146
Dự phòng đã lập	(1.928.450.000)	-	-	(1.928.450.000)
Giá trị thuần	-	-	117.779.456.146	117.779.456.146
Tại ngày 31.12.2021				
Trong hạn	-	-	265.041.517.178	265.041.517.178
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	1.928.450.000	-	-	1.928.450.000
	1.928.450.000	-	265.041.517.178	266.969.967.178
Dự phòng đã lập	(1.928.450.000)	-	-	(1.928.450.000)
Giá trị thuần	-	-	265.041.517.178	265.041.517.178



10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 439.875.169.577 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: cao hơn/thấp hơn 614.802.061.045 Đồng tương ứng).

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và tham gia hợp đồng hoán đổi ngoại tệ và hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn (Thuyết minh 3.9).

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2022	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2021
Tài sản tài chính				
Tiền	747.217	861.862	18.521.591.953	20.579.719.026
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	-	(11.000.000)	-	(255.930.000.000)
Nợ tài chính thuần	747.217	(10.138.138)	18.521.591.953	(235.350.280.974)
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	747.217	(10.138.138)	18.521.591.953	(235.350.280.974)

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 1.852.159.195 Đồng tương ứng chủ yếu là do tăng/giảm lỗ quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: thấp hơn/cao hơn 23.535.028.097 Đồng tương ứng).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được trình bày tại Thuyết minh 3.8.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.9)	6.326.207.142.857	6.362.680.000.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (Thuyết minh 3.9)	547.100.000.000	1.964.070.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.10)	12.400.167.546	79.581.842.302
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 3.11)	16.020.566.000	587.193.591.020
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.14)	110.247.314.968	72.911.685.779
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	317.045.404.552	11.877.822.976
Tổng nợ tài chính	7.329.020.595.923	9.078.314.942.077



10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”). Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 415% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 400%).

11 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Dưới 1 năm	23.528.854.616	19.231.527.348
Từ 1 đến 5 năm	56.475.673.320	13.972.557.162
Tổng cộng	80.004.527.936	33.204.084.510

12 CAM KẾT VỐN

Cam kết mua tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày báo cáo nhưng chưa được hạch toán vào Báo cáo Tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Phần mềm giao dịch	10.961.640.000	8.714.400.000

13 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	956.548.370	36.466.963.613.618
Trái phiếu	13.374.280	1.410.096.475.400
Hợp đồng tương lai	729.281	85.207.210.650.000
Chứng quyền có bảo đảm	62.390.500	61.697.250.000
b) Của Nhà đầu tư		
Cổ phiếu	12.263.886.775	411.339.024.624.562
Trái phiếu	564.245.531	51.727.178.071.207
Hợp đồng tương lai	215.185	25.786.247.500.000
Chứng quyền có bảo đảm	84.034.400	47.546.771.000
	13.945.424.322	612.045.964.955.787

Báo cáo Tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn để phát hành ngày xx tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2023

ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Ngày 30 tháng 03 năm 2023



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2022 của VCSC được in với số lượng có hạn. Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm. Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2022 của VCSC còn được công bố bằng phiên bản điện tử, Quý vị quan tâm vui lòng truy cập website: www.vcsc.com.vn



 QUÉT MÃ ĐỂ XEM
BẢN TRỰC TUYẾN